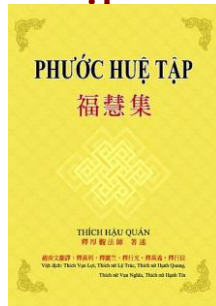


Phước Huệ Tập

Tập IV



TK. Thích Hậu Quán

Việt dịch:

**Thích Vạn Lợi, Thích Nữ Lệ Trúc, Thích Nữ Hạnh Quang
Thích Nữ Vạn Nghĩa, Thích Nữ Hạnh Tín**

---o0o---

Nguồn

www.budaedu.org

Chuyển sang ebook 03-01-2019

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NGỎ

BÀI 01: TIẾNG TRÔNG KHÔNG BẰNG TIẾNG THƠM

BÀI 02: BỐ THÍ VỚI TÂM THANH TỊNH, QUẢ BÁO KHÓ LƯỜNG

**BÀI 03: VUA A DỤC DÂNG NỬA TRÁI AM MA LA CÚNG ĐƯỜNG
CHỮ TẶNG**

BÀI 04: NGƯỜI TIN TAM BẢO LÀ NGƯỜI GIÀU CÓ NHẤT

**BÀI 05: THAM CẦU TIẾNG TẮM LỢI DƯƠNG, CHƯÔNG NGẠI
ĐƯỜNG TU**

**BÀI 06: PHIỀN NÃO CHƯA ĐOẠN TẬN, GẶP DUYÊN VẮN SANH
KHỞI**

**BÀI 07: HAI HẠNG NGƯỜI NGU: NGƯỜI KHÔNG BIẾT SÁM HỐI VÀ
NGƯỜI KHÔNG BIẾT NHẬN SỰ SÁM HỐI**

BÀI 08: NGƯỜI TRÌ TỊNH GIỚI TRƯỚC THẤY PHÁP THÂN ĐỨC PHẬT

BÀI 09: XẢ BỎ TÍNH MẠNG ĐỂ HÀNH TRÌ GIỚI ĐỨC PHẬT CHẾ

**BÀI 10: ĐỨC PHẬT DÙNG BA PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TỰ ĐIỀU PHỤC,
VÀ ĐIỀU PHỤC MỌI NGƯỜI**

BÀI 11: NGÃ MẠN TUY TỰ CAO, NHƯNG THẬT TẾ LÀ HẠ THẤP

BÀI 12: NGƯỜI TRÍ NÊN CUNG KÍNH NGƯỜI ĐỨC HẠNH

**BÀI 13: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN CÁN, TỰ NHẬN
KHỔ NÃO**

**BÀI 14: MA HA LÔ VÌ ÍCH KỶ KHÔNG BỐ THÍ PHÁP CHỊU QUẢ BÁO
NGU SI, NHỜ SÁM HỐI MÀ ĐẮC ĐẠO**

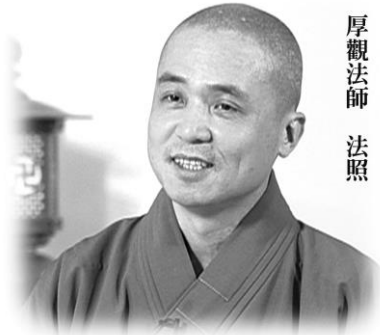
BÀI 16: MUỐN ĐƯỢC AN ỔN CÁT TƯỜNG, PHẢI BIẾT LẮNG NGHE

**BÀI 17: ĐỨC PHẬT HÓA LÀM TỖ KHEO NI TRANG ĐIỂM ĐIỂM
LỆ ĐỂ ĐỘ THẦY TỖ KHEO**

BÀI 18: ĐỨC PHẬT ĐỘ NGƯỜI HỐT PHÂN NI ĐỀ

---o0o---

LỜI NGỎ



厚觀法師
法照

Lần này phát hành “Phước Huệ Tập” cuốn thứ 4, gồm 18 câu chuyện kinh Phật ngụ ý thâm sâu, nội dung có cao có thấp.

Trong câu chuyện “Tiếng trống không bằng tiếng thơm”, có người thỉnh hỏi đức Phật: “Con người đi tìm cầu phú quý, tiếng thơm, rất vất vả để đuổi theo chúng, nhưng chưa chắc đạt được, vậy có trường hợp nào chúng tìm đến chúng ta không?”

Đức Phật trả lời: “Có chứ! Những hành động mà con người đã tạo, như hình theo bóng, như âm vang theo tiếng. Hành thiện thì được quả vui. Gieo ác thì chịu quả khổ. Nhân quả không thể tách rời. Nếu đã tạo quả xấu, mà mong được an vui, thì chuyện đó không thể được. Cho nên, quan trọng không phải ở chỗ chạy theo danh lợi, mà cần phải vun bồi phước đức. Có bao nhiêu công đức thì sẽ gặt hái được bấy nhiêu phước báu”.

Vua A Dục lúc còn trẻ có quyền uy rất lớn, thống trị toàn nước Ấn Độ, mệnh lệnh của đức vua không ai dám làm trái, nhưng đến khi bị bệnh, lúc sắp lâm chung, mệnh lệnh của vua truyền xuống không ai phục tùng. Khi Đức vua muốn dâng tài vật lên cúng dường Tam bảo, mọi người xung quanh không ai đồng ý, cuối cùng họ chỉ đưa cho Ngài nửa trái am ma la. Muốn biết tình tiết của câu chuyện như thế nào, hãy tìm đọc “A Dục Vương cúng dường Tăng chúng nửa trái am ma la” sẽ thấu hiểu được nguyên lý: “Giàu rồi cũng nghèo

khó, có hợp thì sẽ có tan”. Lúc tuổi trẻ thân thể cường tráng, quyền cao chức trọng, lời nói còn giá trị; Nhưng một khi tuổi già đến, trí nhớ không còn minh mẫn, đi đứng khó khăn, chỉ biết nương vào cây gậy, muốn đến đâu cũng phải có người dìu bên cạnh, thì dù có giàu đến đâu cũng không làm chủ được. Vậy nên, chúng ta phải biết quý trọng thân thể khi còn khỏe mạnh. Để có thể tự quyền quyết định, cần phải vun bồi nhiều công đức, cần phước huệ song tu.

Trong câu chuyện “Phiền não chưa đoạn hết, gặp duyên vẫn nảy sinh” đề cập đến ba nguyên nhân làm cho phiền não nảy sinh: Thứ nhất là “nhân lực”, chỉ phiền não chưa diệt tận gốc, đây là nhân chủ yếu khiến nảy sinh phiền não.

Thứ hai là “cảnh giới lực”, nghĩa là thích hay ghét môi trường mà chúng ta đang đối diện, đây là cái trợ duyên giúp cho phiền não phát sinh.

Thứ ba là “gia hành lực”, chỉ cho suy nghĩ không đúng đắn. Ví dụ trước đây cãi nhau với người, tuy thời gian đã trôi qua rất lâu, người kia không còn xuất hiện, nhưng vì tư duy không đúng, nên chỉ cần nghĩ đến là giận, phiền não sẽ trời dậy. Nếu phiền não không được đoạn tận gốc, thì chẳng khác nào chỉ cất cỏ trên ngọn, gặp tiết xuân cỏ lại nảy mầm. Cũng như rắn độc tạm thời ngủ đông ở trong hang, chỉ cần xuân về, chúng sẽ bò ra cắn người. Chúng ta nhìn lại xem có phải tham, sân, si, mạn, nghi, phiền não... rất dễ sanh khởi. Vậy làm thế nào để phiền não không còn hiện hành. Câu chuyện này rất đáng để suy ngẫm.

Ấn Độ cổ đại có chế độ phân chia chủng tánh, tôn ti, quý tiện... phân chia giai cấp rất rõ ràng. Chỉ có đức Phật là không phân biệt chủng tánh, giai cấp, bình đẳng thân nhận, nên đã hóa độ cho Ưu Ba Ly được xuất gia. Ưu Ba Ly xuất thân từ gia đình thuộc giai cấp nô lệ Thủ đà la, làm nghề cắt tóc nuôi thân, chưa từng học qua một trường lớp nào. Không những thế Ưu Ba Ly đã chứng đắc A la hán sớm hơn các thầy Tỳ kheo xuất thân từ giòng họ Thích Ca, thậm chí còn trở thành một trong số mười đệ tử xuất chúng của đức Thế Tôn. Vậy, Đức Phật đã dùng phương pháp thiện xảo gì để hóa độ Ưu Ba Ly, và làm sao để hàng phục được tâm cao mạn của những thầy Tỳ kheo kia?. Trong câu chuyện “Ngã mạn tuy tự cao, nhưng thực tế là hạ thấp” miêu tả rất thú vị. Người ta thích so sánh Tỳ kheo cao quý và thấp hèn, xuất thân, tướng mạo, giàu có, địa vị, thông minh. Đến cả nhãn hiệu cũng thích mang ra so: “Di động của tôi là cảm ứng, điện thoại của anh là cùi bắp”.

Đức Phật dạy: “Người ngã mạn tự cho mình cao hơn người một cấp, nhưng thực chất họ đã tự hạ thấp mình xuống một bậc”. Khi chúng ta đi học, thường gặp những học sinh học giỏi, người có tài năng khiến cho ai nấy đều

rất nguờng mọ. Tại sao có người quá thông minh, và lại có người học hoài mà cũng không hiểu? Trong câu chuyện “Ma Ha Lô vì ích kỷ không bố thí pháp nên phải chịu quả báo ngu si, nhờ sám hối mà đắc đạo” kể rằng, có thầy Tỳ kheo già, căn tánh đần độn. Có năm trăm thầy Tỳ kheo thay nhau đến dạy cho thầy, trải qua thời gian rất dài, vậy mà đến một bài kệ cũng không thuộc, nên mọi người đều khinh thường, không muốn ở chung với thầy ấy. Họ thường sai thầy Ma ha lô giữ tịnh xá và làm tạp vụ. Nhưng nhờ đức Phật giáo hóa, thầy bỗng nhiên đại triệt, đại ngộ, nhớ lại các việc trong đời trước như đang xảy ra trước mắt, tất cả kinh luật luận đã học đều thông suốt. Rốt cuộc là do nguyên nhân gì khiến vị Tỳ kheo ấy, kiếp này phải ngu muội để người khác xem thường như thế, và do đâu mà có thể khai mở đại trí huệ? Trong kinh dạy rằng: “Keo kiệt tài vật, không muốn bố thí, sẽ chịu quả báo nghèo cùng, ích kỷ pháp, không thích chia sẻ pháp, sẽ bị quả báo ngu si”.

Ngài Long Thọ trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận đưa ra bốn lý do khiến cho trí tuệ bị thôi thất, và cũng có bốn nguyên nhân giúp cho trí tuệ được tăng trưởng.

Vậy bốn lý do nào khiến cho trí tuệ bị thôi thất?

Thứ nhất: Không biết cung kính pháp và không biết tôn trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Người hiểu được Phật pháp lại không phát tâm truyền đạt.

Thứ ba: Cản trở việc học hỏi giáo pháp của người muốn được nghe pháp.

Thứ tư: Ngã mạn tự cao, khinh khi người.

Trên đây là bốn lý do khiến cho trí tuệ chúng ta bị lu mờ.

Bên cạnh đó, lại có bốn nguyên nhân giúp trí tuệ được tăng trưởng.

Thứ nhất: Cung kính pháp và tôn trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Trong tâm rất thanh tịnh và hoan hỷ hướng dẫn cho người muốn hiểu biết Phật pháp.

Thứ ba: Tinh tấn học hỏi giáo pháp, như cứu lửa cháy trên đầu.

Thứ tư: Khi nghe được giáo pháp rồi, chuyên cần thực tập, không giải đãi, ở đây chú trọng sự thực hành.

Bốn điều trên đây là nguyên nhân giúp cho trí tuệ của chúng ta ngày càng khai mở.

Chúng ta phải tự quán sát rằng: Chúng ta có muốn trở thành người ngu si không?. Nếu muốn được thông minh sáng suốt, thì không những cung kính pháp mà còn phải cung kính người hướng dẫn; Hãy tinh tấn lắng lòng nghe

chánh pháp, nương vào đó mà áp dụng, nếu chưa hiểu, thì nhanh chóng học hỏi, hiểu được rồi cần phải biết chia sẻ lại cho người khác. Ngoài ra còn có rất nhiều câu chuyện thức tỉnh lòng người, mong sao giúp người đọc thấu hiểu sâu sắc mỗi câu chuyện. Từ những câu chuyện này, mọi người tự nhận ra nhiều chân lý, tận tình cùng nhau chia sẻ, tự lợi, lợi tha. Đây là cái duyên để trong tương lai được gặp đức Phật, được lắng nghe giáo pháp.

Phước Nghiêm - 02.01.2015

---o0o---

BÀI 01: TIẾNG TRÔNG KHÔNG BẰNG TIẾNG THƠM

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Phật Thuyết Thiên Vương Thái Tử Tịch La, trong Đại Chánh Tạng quyển 15, trang 130b - 131a.

Ngày xưa, lúc đức Phật ở tại nước Xá Vệ vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, có vị Thái tử của thiên vương, tên là Tịch La, từ trên trời bay xuống đến trước đức Thế Tôn, hướng về đức Thế Tôn đánh lễ năm vóc sát đất, rồi đứng qua một bên chấp tay thưa hỏi đức Phật: “Người trong nhân gian, đều bị cuốn trôi theo y phục, âm thực, trần bảo, dục lạc, địa vị và đất đai. Vậy, có trường hợp nào, trần bảo tìm đến con người không?”

Đức Thế Tôn tán thán: “Ông hỏi thật chí lý! Đúng là có trường hợp đất đai, trần bảo, dục lạc tìm đến con người”.

Tịch La lại tiếp tục hỏi: “Có thể khiến những nguyện vọng như ý luôn theo sát con người, rốt cuộc là có ý nghĩa gì?”

Đức Thế Tôn đáp: “Hành vi của con người có thể phân làm hai loại: Một là làm thiện sẽ được phước đức, hai là tạo ác sẽ nhận chịu tai họa, hoạn nạn. Bất kể tai nạn hay phước đức, đều luôn theo con người như bóng theo hình”.

Tịch La nói: “Vi diệu thay! Vi diệu thay! Thật đúng như lời đức Thế Tôn dạy! Nghĩ lại về kiếp quá khứ, tôi từng làm vua ở nhân gian, vì nghĩ đến sự sống vô thường, nên muốn bố thí. Một hôm, trong buổi triều, tôi nói với quần thần rằng: “Trăm ao ước đóng một chiếc trống to, mong sao tiếng trống ấy vang vọng khắp mười phương, cho dù có người ở cách xa trăm dặm vẫn có thể được nghe. Vậy, ai có thể làm được việc này?”

Các đại thần đều tâu: “Chúng hạ thần thật sự không có năng lực!”

Lúc ấy, có một vị đại thần tên là Khuông Thượng, rất trung thành với vua, thường dùng lòng từ bi cứu giúp nhân dân. Ông tiến lên phía trước tâu với

đức vua rằng: “Hạ thần làm được việc này! Nhưng cần có một số tiền rất lớn!”

Đức vua nói: “Rất tốt!”. Bèn cho mở quốc khố, giao cho Khuông Thượng rất nhiều tiền, vàng bạc, châu báu. Đại thần Khuông Thượng đánh xe chở số tài sản quý giá đó ra trước cổng hoàng cung, rồi ông đánh trống thông báo với toàn dân: “Hoàng thượng chúng ta có lòng nhân đức, có tâm đại từ bi, muốn thực hành hạnh bố thí, không phân biệt bậc thánh, kẻ phạm, người xuất gia hay chúng tại gia, cũng không phân chia cao sang hay thấp hèn. Vua muốn cứu giúp cho tất cả người nghèo khó, cúng dường y phục và thức ăn cho những người tu hành. Ai là người khó khăn hay bận cùng, tất cả hãy nhanh tập trung về cổng hoàng cung!”

Người nghèo khổ khắp nơi nghe được tin này, lũ lượt kéo đến. Mẹ ẵm con thơ, trẻ em dẫn người già, người đến liên tục không dứt, đông chật cả con đường. Có người ngước lên trời nói rằng: “Chúng tôi những người dân nghèo khổ, cuối cùng hôm nay cũng đã được cứu mạng rồi!”

Một năm sau, vua hỏi đại thần: “Chiếc trống lớn đã làm xong chưa?”

Đại thần: “Thưa, trống đã làm xong rồi”.

Đức vua: “Đã làm xong rồi, tại sao không nghe tiếng trống?”

Đại thần trả lời: “Đức vua thánh minh, xin Ngài xuất khỏi giá ra ngoài cung điện, đích thân đi quanh thành một vòng, sẽ nghe được tiếng trống của Phật pháp vang dội khắp mười phương!”

Đức vua ra lệnh chuẩn bị xe ngựa, ra ngoài hoàng cung, đến bên ngoài thành nhìn thấy người chen chúc nhau, đông nghẹt quanh thành. Ngài hỏi: “Sao mà người đông thế?”

Đại thần thưa: “Ngày trước Hoàng thượng ra lệnh cho hạ thần làm một chiếc trống lớn, với mong muốn dù người ở xa trăm dặm cũng có thể nghe được âm vang của trống. Hạ thần nghĩ, để cho tiếng tốt của vua được truyền đi khắp bốn phương, mà dùng cây khô làm thân trống, lấy da trâu chết kéo làm mặt trống, thì tiếng trống như thế không thể truyền hết danh tiếng thơm lừng của đức vua được; Cho nên hạ thần đã mang hết của cải mà Ngài giao cho, để sắm sửa thức ăn và y phục, dâng lên cúng dường sa môn, phạm chí... những người tu hành và bố thí cứu giúp những người nghèo khó. Từ lúc dán cáo thị, dân chúng từ các nước lân cận đều hướng về đức vua, mọi người thấm nhuần ân đức cao lớn của vua, chẳng khác nào như trẻ thơ bụng đói vớ được bầu sữa ngọt ngào của mẹ”.

Đức vua liền hỏi người dân: “Các người từ đâu đến?”

Có người sụp đầu đánh lễ thưa: “Thần dân từ xa trăm dặm đến đây”.

Lại có người bẩm: “Thần dân xa từ hai trăm dặm”.

Thậm chí có người đáp: “Thần dân từ bên ngoài xa vạn dặm đến đây”.

Mọi người đồng thanh lên tiếng: “Đại vương thánh minh! Ngưỡng mộ ân đức bố thí của Ngài, nhân dân khắp nơi vô cùng vui mừng, cho nên từ bỏ quê hương, nơi đã sinh ra, nhờ ân đức của bệ hạ, thân này mới được cứu sống lại”.

Đức vua: “Lành thay! Trẫm đã thấu hiểu. Trước đây trẫm quá chấp trước hình tướng của tiếng trống, với mong muốn âm thanh vang xa ngoài trăm dặm; Giờ đây trẫm đã hiểu ra, đất nước không được an ninh, chẳng khác nào trên thân có bệnh, trẫm nên cho thầy xem bệnh và cung cấp thuốc để chữa lành bệnh cho dân, và cho các đại thần mang cơm cháo đến, giúp cho họ sớm được hồi phục sức khỏe”.

Đức vua liền hạ lệnh: “Sau này nếu người dân thiếu vật phẩm, hãy đáp ứng đầy đủ mà không cần thông qua ý kiến của trẫm”.

Sau đó chẳng bao lâu đức vua mạng chung, thần thức của Người sanh vào cõi trời làm Thiên Diệu Vương. Sau khi phước duyên ở cõi trời đã mãn, mạng chung trở lại nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, đi ở tự tại, đến đâu bảy thứ trân bảo đều không thiếu, lại có tùy tùng bao quanh hộ vệ; Hiện nay lại sanh vào cõi trời làm thái tử của thiên vương, tất cả đều nhờ tự thân nghiêm trì giới luật thanh tịnh, cứu giúp chúng sanh khắp nơi, nên phước báu mới được như vậy. Chỉ cần thực hành lời đức Phật giáo huấn, đoạn chính từ thân tâm cho đến việc làm, thì phước đức và phước báu đều được như thế”.

Đức Phật nói với Tịch La: “Những việc con người tạo ra, như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng (cũng như bóng lúc nào cũng đi theo hình chúng ta; lại như ở trong thung lũng khi nói chuyện, âm thanh dội lại giống như tiếng ban đầu), cho nên những gì chúng ta tạo ra đều đưa lại quả báo tương ứng. Chính là thiện có thiện báo, ác có ác báo”.

Tịch La nghe xong vô cùng hoan hỷ, đánh lễ đức Phật rồi ra về.

Câu chuyện này muốn khuyên chúng ta: Tiếng trống không sao bằng tiếng thom! Quý vị đánh trống dù tài giỏi thế nào đi nữa, thì tiếng trống truyền đi cũng có giới hạn; Nhưng nếu làm việc thiện, tiếng thom sẽ lan truyền, và có thể truyền đến rất xa. Đặc biệt là trì giới đạt đến giới hương thanh tịnh, có thể truyền xa đến tận trời xanh.

Ngoài ra, người ta chạy theo danh lợi, quyền lực, chưa chắc đã đạt được! Chúng ta không nên chạy theo chúng, chỉ cần làm việc lành, thì phước báu không ngừng tìm tới chúng ta, không bao giờ xa rời. Nếu chúng ta gieo trồng nhiều hạt giống thiện, tự nhiên phước đức sẽ tự tìm đến chúng ta, không bao giờ mất. Cũng như bóng theo hình, như thế không phải dễ hơn sao, càng bảo đảm an toàn hơn, đúng không?

Những gì mà con người tạo ra, “như bóng theo hình, âm vang theo tiếng”. Tiếng vang của âm thanh, nếu như chúng ta đứng trong thung lũng nói lớn tiếng “bạn thật là ưu tú”, tự nhiên âm thanh vọng lại cũng là “bạn thật là ưu tú”, nó sẽ không vọng lại: “bạn thật tồi tệ!” Có đúng như thế không?

Bởi vì tiếng dội lại từ thung lũng nhất định sẽ giống với âm thanh phát ra; Cũng như thế, hành thiện được quả báo vui, tạo ác chịu quả khổ, đó cũng chính là nhân quả tương ứng. Nếu tạo ác nghiệp, lại mong cầu được quả báo an vui, như thế sẽ đi ngược lại với nhân quả, điều đó không thể xảy ra.

Những lời trên đây khuyến tấn chúng ta tu tập!

Phước Nghiêm - 09.03.2013

---o0o---

BÀI 02: BỐ THÍ VỚI TÂM THANH TỊNH, QUẢ BÁO KHÓ LƯỜNG

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 279c - 280a.¹

Thực hành bố thí không phải ở chỗ vật chất nhiều hay ít, mà quan trọng là tín tâm có được thanh tịnh hay không? Dù cho, có khi chỉ bố thí hai đồng, nhưng phước báu có được khó đong lường.

Câu chuyện kể rằng, có một cô gái đến núi Trú Âm, thấy mọi người mở hội bình đẳng cúng dường. Không kể là người xuất gia hay tại gia, kẻ phàm phu hay thánh nhân, thấp hèn hay tôn quý, đều bố thí cúng dường không phân biệt. Lúc ấy, cô gái đến hội trường xin ăn, tận mắt nhìn thấy Tăng chúng, trong lòng cảm thấy rất vui không gì có thể sánh bằng. Không kiềm chế được dòng cảm xúc dâng trào, cô bèn thốt lên lời khen ngợi: “Lành thay! Thánh Tăng! Chẳng khác nào biển lớn, là nơi tập hợp bảo báu; Mọi người đều muốn cúng dường Tăng bảo, nhưng tôi nghèo xơ xác thế này, không có vật gì dâng lên cúng dường”. Nói dứt lời cô bèn tìm khắp toàn thân từ trên xuống dưới, thật sự không có một vật gì để cúng dường. Cô suy nghĩ một lát rồi reo lên: “A đúng rồi! Hôm trước mình có nhặt được hai đồng tiền kẽm ở

trong đồng phân”, cô bèn lấy hai đồng tiền kẽm ra dâng lên cúng dường chư Tăng. Lúc ấy, trong Tăng chúng có một vị thượng tọa đã chứng quả A la hán, biết được tâm niệm của chúng sanh. Vị thượng tọa này luôn giữ gìn chánh niệm, chánh trí trong mọi lúc mọi nơi, nên thấy được tín tâm của cô gái thật thâm sâu, muốn giúp cô có được phước báu càng lớn, vì thế thầy không đợi thầy quản Tăng đến tỉnh, đã chủ động đứng lên kính cẩn, tự mình đến chúc phúc cầu nguyện cho cô gái, đồng thời nói với đại chúng: “Kính thưa đại chúng! Xin lắng lòng nghe tôi nói!” Rồi thầy nói lên một đoạn kệ: “Tấm lòng của cô gái này thật rộng lớn, cho dù tất cả bảo vật trong thế gian, đều có thể cúng dường chúng Tăng (trong tâm của cô gái, đều có thể cúng dường Tăng chúng). Đại chúng hãy dụng tâm quán sát, muốn phước huệ song tu, hãy cầu mong cho cô gái đi đến con đường giác ngộ giải thoát, vĩnh viễn không còn chịu cảnh nghèo khổ”. Cô gái nghe xong, tín tâm càng sanh khởi mạnh mẽ: “Quả như lời của Thầy, tôi đã làm những việc khó làm, cùng với việc bố thí tiền tài, vật quý giá không khác” (cô gái tuy chỉ cúng dường hai đồng tiền kẽm, nhưng với tâm rộng lớn nên được công đức lớn như cúng dường tất cả tài bảo không khác). Trong sự xúc động và vui mừng lẫn lộn tuôn trào, cô đánh lễ năm vóc sát đất và quy y Tăng chúng. Sau đó, đối trước đại chúng dâng hai đồng tiền kẽm lên trên bàn, nước mắt đầm đìa, nói lên một đoạn kệ: “Xin cho con đời đời kiếp kiếp, không còn chịu cái khổ của nghèo đói, thường được an vui và hạnh phúc, không còn bị xa cách người thân nữa, phước báu mà con cúng dường Tăng chúng hôm nay, chỉ có đức Thế Tôn mới biết, công đức bố thí này. Cầu cho ước nguyện của con sớm được thành tựu”.

Nhờ gieo trồng thiện tâm nhỏ bé như vậy, và nguyện trong đời này sanh khởi thiện căn; Nên khi cô gái xuống núi, ngồi dưới một gốc cây, bóng cây đứng yên không dịch chuyển, phía trên cây có một đám mây trắng đang bao trùm che lấy toàn thân cây. Lúc ấy, có vị Quốc vương vì Hoàng thể vừa mới qua đời, trong lòng thương nhớ, nên ra bên ngoài đi dạo, nhìn thấy đám mây trắng che phủ thân cây, phía dưới lại có một cô gái đang ngồi. Đức vua bỗng đem lòng yêu say đắm, bèn đưa cô gái về cung, phong làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu trong lòng nghĩ: “Trước đây tôi có phát lời nguyện, hôm nay lời nguyện đã được như ý”. Bèn tâu với đức vua rằng: “Xin chuẩn bị trân bảo, các vật phẩm cúng dường, mang đến núi Trú Âm cúng dường Tăng chúng”. Nhưng lần này vị tượng tọa không đích thân đến làm lễ cầu nguyện. Đại chúng cảm thấy thật khác thường, bèn hỏi: “Cô gái ngày trước lúc còn nghèo khổ, tuy chỉ cúng dường hai đồng tiền kẽm, thầy lại đích thân đứng lên làm lễ cầu nguyện chúc phúc cho cô ta. Giờ đây cô ấy đã trở thành hoàng hậu của

quốc vương, và mang các loại bảo vật vô cùng quý giá đến cúng dường. Tại sao thầy lại không đích thân làm lễ cầu nguyện cho hoàng hậu?”

Lúc ấy, vị thượng tọa nói với đại chúng: “Ngày trước sở dĩ tôi đích thân đến làm lễ cầu nguyện cho cô gái, không phải vì cô ta cúng dường phẩm vật, mà vì thương cho cô gái tâm niệm tán loạn, cho nên tôi mới tự thân đến giúp đỡ”. Sau đó nói tiếp một đoạn kệ: “Không phải vì cúng dường phẩm vật nhiều, mà được phước báu lớn. Chính là nương nơi thiện tâm thù thắng, mới hưởng được phước báu rộng lớn”.

Cô gái này, ngày trước với lòng thành kính dâng tất cả tài sản cúng dường, cái tâm bố thí này, chỉ có trí tuệ của đức Phật mới thấu hiểu được, không phải chỗ mà tôi có thể tường tận được.

Hôm nay tuy cô ta mang đến cúng dường rất nhiều phẩm vật quý giá, nhưng công đức chỉ bằng một phần mười của sự phát tâm.

Nếu bố thí mà mang tâm tạp niệm nhiễm ô, thì chẳng khác nào sự buôn bán trao đổi, đầu tư nhỏ nhưng muốn được lợi nhuận lớn. Bố thí tuy không bao nhiêu, nhưng với tâm thanh tịnh bố thí, mai sau chắc chắn nhận được phước báu rộng lớn vô lượng.

Như vua A Dục với tâm thanh tịnh cúng dường đức Thế Tôn một nắm đất; hoặc như cô gái nghèo trong thành Xá Vệ mang nước vo gạo ra cúng dường cho tôn giả Ca Diếp, phẩm vật cúng dường đều không phải là thứ quý giá. Song vua A Dục nhờ tiền kiếp cúng dường một nắm đất nhỏ, mà đời sau được làm vua thống lĩnh cả đại địa; Cô gái nghèo cúng dường nước vo gạo, được phước báu lớn thác sanh vào cõi trời. Có thể cho thấy phẩm vật bố thí tuy không nhiều, nhưng với tâm thanh tịnh rộng lớn, sẽ được hưởng phước báu khó lường. Cũng như chiếc áo trắng sạch, chấm một giọt dầu lên áo, vết nhơ của dầu sẽ từ từ lan rộng ra càng lúc càng lớn. Chẳng khác nào cho một giọt dầu vào trong hồ nước, giọt dầu lúc đầu rất nhỏ, nhưng sau đó lại lan rộng ra cả mặt hồ. Cho nên cần phải hiểu, “tâm niệm thành kính, phước báu mới được vô lượng”.

Trong bài kinh này có đề cập đến tiền kiếp của vua A Dục. Khi vua còn là một cậu bé, một hôm gặp được đức Thế Tôn và thầy A Nan trên đường ra ngoài đi khất thực, cậu bé này với tâm cung kính, đã vốc một nắm đất dâng lên đặt vào trong bình bát của đức Thế Tôn cúng dường. Tôn giả A Nan thấy vậy bèn lên tiếng: “Tại sao con lại lấy đất đặt vào bình bát? Chiếc bát này dùng để đựng thức ăn!”. Đức Phật biết được đứa bé phát tâm thanh tịnh, bèn nói: “Đề cho cậu bé được cúng dường”. Vua A Dục vì tiền thân dùng tâm thanh tịnh cúng dường, nên đời sau được làm vua thống lĩnh đất nước Ấn

Độ, kinh điển đều ghi chép lại, cúng dường dù chỉ một nắm đất nhỏ nhoi, nhưng được phước báu làm vua cai trị cả một vương quốc.

Cô gái nghèo đúng thật là nghèo xơ xác, khi có người vo gạo, họ sẽ bỏ nước ấy đi, nhưng cô gái lấy chiếc bình sành đến hứng. Tuy vậy, có khi lại không hứng được, nên thường xuyên chịu đói khát. Nhưng Ca Diếp tôn giả nói: “Không sao đâu! Nước vo gạo cũng rất quý”. Cô gái cung kính cúng dường, sau đó được sanh lên cõi trời.

Câu chuyện này nội dung chủ yếu dạy chúng ta tâm thanh tịnh cúng dường mới quan trọng, được phước báu nhiều ít không phải ở chỗ phẩm vật cúng dường ít hay nhiều.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn!

Phước Nghiêm - 04.01.2014

---o0o---

BÀI 03: VUA A DỤC DÂNG NỬA TRÁI AM MA LA CÚNG DƯỜNG CHƯ TĂNG

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, thuộc Đại Chánh Tạng quyển số 4, trang 283a - 284c.²

Câu chuyện này kể về vua A Dục dâng nửa trái am ma la lên cúng dường chư Tăng.

Khi đức Phật còn tại thế, xứ Ấn Độ chưa được thống nhất, còn bị phân chia thành nhiều nước lớn nhỏ khác nhau. Cho đến sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, vua A Dục mới thống nhất được đất nước. Lúc trước, đức vua vì muốn đất nước không còn bị phân chia, nên đã giết rất nhiều người, máu chảy thành sông, nên vua bị mọi người gọi là “Hắc A Dục”; Nhưng sau đó đức vua nhờ tin phụng Phật pháp, hộ trì Phật giáo, nhân dân lại tôn xưng ngài là “Bạch A Dục”. Khi còn sinh tiền, ngài có oai lực rất lớn, quyền cao chức trọng, nhưng khi về già lại bị đối xử lạnh nhạt, muốn làm gì cũng bị sự kiềm hãm của thái tử và chúng đại thần. Câu chuyện này kể lại giai đoạn về già của vua A Dục.

Trong kinh có ghi lại: “Khi mang trọng bệnh, trong tình trạng hiểm nguy, tiếng nói bị mất giá trị, chẳng ai muốn nghe, mệnh lệnh truyền xuống không ai tuân theo. Cho nên, phải biết quý trọng thân thể lúc còn khỏe mạnh, việc gì cần làm phải gấp rút làm ngay”.

Chuyện kể rằng, khi đại hộ pháp A Dục Vương lâm trọng bệnh, muốn dâng tất cả tài vật có được để cúng dường Tăng chúng, ngài ra lệnh cho đại thần mang các loại trân bảo đến. Nhưng họ quyết không tuân theo, cuối cùng đức vua chỉ có được một nửa trái am ma la (không được một trái, mà chỉ được một nửa trái), thành tâm dâng lên cúng dường chư Tăng. Vì thế đức vua bèn triệu tập triều thần và hỏi họ rằng: “Bây giờ ai là quốc vương? Nên nghe lời của ai?”

Chúng đại thần: “Chỉ có oai đức của đại vương thống trị toàn dân, mệnh lệnh mới lan truyền khắp cõi Diêm Phù Đề”.

Vua A Dục nghe xong, nói một bài kệ, đại ý như sau: “Các ông ai cũng đều gọi ta là đại vương, nói trăm hạ lệnh đều tuân hành; Nhưng đây chẳng qua là thuận tùng để làm vui lòng trăm, nên mới cố ý nói những lời như thế. Những lời các ông nói đều là giả dối, mệnh lệnh của ta giờ đây đã vô hiệu, không còn được thực thi, không còn quyền quyết định, bây giờ chỉ còn nửa trái am ma la này nghe theo mệnh lệnh của trăm mà thôi.

Cái gọi là giàu sang quyền thế, rốt cuộc cũng tầm thường tẻ nhạt đến thế này. Thật là đáng thương, khiến người chê trách; chẳng khác nào dòng thác từ đỉnh núi đổ xuống, chảy xiết vô cùng. Cũng như thế, phú quý và quyền lực cũng không thể đứng yên. Ta tuy là một quốc vương, nhưng trong phút chốc đã biến thành kẻ nghèo cùng, cái nghèo đói mà người đời sợ nhất, trong phút chốc đã tìm đến ta rồi”.

Vua A Dục nói lên đoạn kệ, lại ca ngợi những lời giáo huấn của đức Thế Tôn chân thật không sai, đức vua lại nói tiếp một đoạn kệ khác: “Phú quý tuy có lúc vô cùng huy hoàng rạng rỡ, nhưng rồi sẽ có ngày suy tàn đổ nát; con người ở đời ai cũng đeo đuổi theo phú quý, chán ghét nghèo đói. Đây chính là lời của đức Thế Tôn đã từng dạy, thật không giả dối! Trước đây mỗi lần, trăm tùy theo ý muốn mà ban mệnh lệnh. Chỉ cần mở lời, không một ai không theo, đến cả trời đất, quỷ thần cũng phải vâng theo mệnh lệnh của trăm, không người nào dám chống đối.

Nhưng giờ đây, mọi người đều không còn nghe theo lệnh của trăm, chẳng khác nào dòng nước chảy vào núi, nước không thể tràn qua được, mà còn bị dội ngược trở lại, tạo nên những con sóng. Trăm đã đối diện với sự thất bại, chẳng khác nào sự cản trở của ngọn núi, ngăn cản khiến cho mệnh lệnh của trăm không còn tác dụng.

Xưa kia lời của trăm thốt ra, có ai dám trái phạm. Chưa từng có kẻ ác bá, trộm cướp, kẻ địch nào dám làm trái ý, chống lại trăm. Những người sống trên trái đất này, không ai dám chống đối với trăm, bất kể nam nữ hay già trẻ, không ai không cung kính phục tùng lệnh của trăm; những ai chống đối,

trăm tiêu diệt. Gặp người nghèo khó, đặc biệt là người bệnh trăm đều an ủi, và tận tâm ra sức giúp đỡ.

Thế nhưng giờ đây khi phước đức của trăm đã hết, không ngờ trăm lại lâm vào tình cảnh này, nghiệp nghèo khó đã tìm đến trăm.

Trăm là A Dục Vương cai quản trăm họ mà! Tại sao phải chịu lấy cảnh khô đau này? Chẳng khác nào thân cây A du già (tên của một loại cây) bị chặt ngang tận gốc, khiến cho hoa, lá, cuống và cành toàn bộ đều bị khô rụng. Trăm giờ đây cũng thế! Phú quý chỉ là huyền hóa nào có tồn tại được lâu”.

Đức vua quay đầu nhìn thầy thuốc đang đứng bên cạnh, rồi nói với ông ta: “Đúng là Vinh hoa làm cho con người cảm thấy nhàm chán! Nó chỉ tồn tại tạm thời trong thoáng chốc mà thôi, như tia sáng của sấm sét, xẹt qua rồi biến mất, cũng như ngọn lửa nhanh chóng vụt tắt, chẳng khác nào lỗ tai con voi không ngừng dao động, như lưỡi của rắn độc không nằm yên được; Cũng như giọt sương mai, khi mặt trời xuất hiện là tan biến, phú quý cũng thế, nào có tồn tại bền lâu. Trăm đã từng nghe qua một bài kệ, có đại ý như vậy: “Lợi ích của phú quý khó dừng lại, nhẹ trôi bồng bềnh không đứng yên, người có trí tuệ cần hiểu sâu sắc, không nên ngã mạn phóng túng; Những hành nghiệp mà đời này đã gây, sẽ ảnh hưởng đến đời sau. Cần phải tư duy cẩn thận, cần phải làm gì để đời này và cả đời vị lai thật sự được lợi ích? Phải tìm hiểu cho cẩn kẽ, rồi nỗ lực tinh tấn tu tập”.

Người được phước báu giàu sang, nếu chỉ biết bo bo gìn giữ, keo kiệt, không dám bố thí, dù có dùng trăm phương ngàn kế để bảo vệ đi nữa, cuối cùng của cải cũng bị tan biến, mất mát. Khi còn giàu sang, phải biết phú quý thay đổi khó lường, cũng như khi con rắn di chuyển uốn éo không thẳng, dấu vết ấy khó mà đo, khó mà nắm bắt, sự biến đổi của phú quý cũng thế. Nếu người biết quan sát, thì nên biết tận dụng ngay từ khi còn khỏe mạnh, nhanh chóng tu tập vun bồi phước đức.

Nếu một mai thân thể dù có bệnh tật, nhưng trong tâm vẫn phải chuyên cần gieo trồng cõi phước, đừng bị thân thể hạn chế việc tu tập phước đức.

Người thân biết được người bệnh sắp ra đi, tuy người bệnh có nhiều của cải, muốn bố thí nhưng có được đâu (vì những người khác đang chờ thừa kế tài sản đó, lúc này có muốn làm gì cũng khó mà thực hiện được như ý muốn).

Do đó, tiền bạc kiếm được trong khi còn khỏe mạnh an tường, gặp được cơ hội gieo trồng ruộng phước, chúng ta cần phải nhanh chóng nắm bắt cơ hội, nhanh nhanh bố thí, cúng dường. Không kể là thân thể tráng kiện hay lúc có bệnh, chúng ta cần phải tích cực thực hành bố thí, bình đẳng không tính toán. Có người đợi đến lúc sắp lâm chung, mới nghĩ đến vun bồi chút ít

công đức, có lúc không còn kịp nữa rồi. Ngược lại, cố gắng tìm đủ mọi cách để chất chứa tài sản, tài sản này nếu không biết cách sử dụng chúng, chúng sẽ mang đến vô số tai họa.

Con người khi sắp chết, tài vật tiếng tuy là của họ, nhưng khi họ muốn làm việc thiện, mong được bố thí, những người thân xung quanh, vợ con đều làm ngơ hay tránh né họ, nên tâm nguyện của người sắp ra đi khó được mãn nguyện.

Lúc ấy, vua A Dục xuống tóc, khoác lên thân chiếc áo đầy vết dầu hoen ố, lồi thối lếch thếch, ốm yếu đến không thể diễn tả, toàn thân run rẩy, hơi thở hỗn hển, đau đớn hướng về nơi mà đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, gắng gượng hết sức để chấp tay, tưởng nhớ đến công đức của Như Lai, nước mắt chảy dàn dụa, vua nói lên một đoạn kệ như thế này: “Bạch đức Thế Tôn! Đây là cái lay cuối cùng con đánh lễ Người. Ngày xưa đức Thế Tôn từng căn dặn lấy ba loại pháp giả tạm để đổi lấy ba món pháp chân thật (ba loại tài tức chỉ vật chất, thân thể và sinh mạng; chính là dùng tiền tài giả tạm của thế gian để đổi lấy công đức pháp tài. Dùng phước báu hữu lậu, sắc thân vô thường để đổi lấy pháp thân công đức. Dùng tính mạng mong manh của thế gian để đổi lấy huệ mạng kiên cố hằng tồn).

Hôm nay con chấp tay hướng về đức Phật, nguyện đem pháp giả tạm để đổi lấy pháp chân thật, cũng giống như phá núi đá mà cầu vàng ròng. Dùng vật chất không kiên cố này, ngày hay đêm đều một mực chỉ cầu pháp chân thật, hôm nay con mang phước báu còn dư lại, cung kính dâng lên cúng dường ba ngôi Tam bảo.

Phước báu mà hôm nay con gieo trồng được, không mong cầu chuyển sanh làm trời Đế Thích hay Phạm Thiên để hưởng phước báu, càng không cầu trở lại làm vua ở cõi Diêm Phù Đề. Chỉ cầu mong phước báu nhờ bố thí có được này một lòng hồi hướng: Nguyện được tùy tâm sở nguyện, tự tại giải thoát, sau này muốn làm gì đều không bị sự trở ngại, ngăn cản của mọi người, mong được chứng đắc thánh quả, thanh tịnh không còn nhơ ố, vĩnh viễn thoát khỏi khổ đau”.

Đức vua muốn dâng nửa trái am ma la lên cúng dường Tăng chúng, bèn gọi người hầu cận đến và nói rằng: “Ông còn nhớ trước đây trăm đã từng chăm sóc, nâng đỡ cho ông không? Nếu hôm nay ông còn nhớ đến công ơn ấy, xin làm theo mệnh lệnh cuối cùng này. Ông hãy mang nửa trái am ma la này đến tịnh xá cúng dường Tăng chúng, xưng tên của trăm lên, bạch với chúng Tăng, rằng vua A Dục trước lúc lâm chung hướng về đánh lễ dưới chân của chúng Tăng. Và chuyển lời giúp trăm: “Trước đây ở tại Diêm Phù Đề, muốn gì được đó, bây giờ quả báo suy bại tìm đến, đã không thể tự mình làm chủ,

giờ trầm chỉ có quyền sử dụng vốn vẹn nửa trái am ma la mà thôi (không còn gì khác, chỉ có nửa quả), cúi mong Tăng chúng thương xót, tiếp nhận nửa trái này làm phẩm vật cúng dường cuối cùng, nguyện cho đời sau trầm được phước báu lớn hơn, và cầu mong tất cả chúng sanh đừng như trầm, không được làm chủ lúc lâm chung”.

Lúc ấy người hầu tuân theo mệnh lệnh của vua A Dục, lập tức mang nửa trái am ma la đến nơi chúng Tăng đang cư trú, đối trước chúng Tăng đánh lễ dưới chân của từng vị xong, chấp tay thưa rằng: “Vua A Dục đánh lễ dưới chân của Tăng chúng”. Đây là cái lạy cuối cùng của đức vua, vừa cất tiếng, người hầu cận đã khóc nức nở, đến nỗi không thể nói nên lời, ông ta mang nửa trái am ma la ra cho chúng Tăng xem, rồi nói một đoạn kệ: “Quốc vương trước kia thống trị toàn thiên hạ, cai quản người trong bốn biển không ai dám chống đối lại mệnh lệnh của ngài; chẳng khác nào mặt trời vào ban trưa, cái nắng chói chang có thể chiếu sáng khắp đại địa. Một khi phước báu hết, nghiệp báo tự tìm đến. Sự trêu ngươi của nghiệp lực, đưa lại đủ thứ tang tóc, vinh hoa phú quý sẽ không còn, chẳng khác nào mặt trời sắp xuống núi (vốn là mặt trời đứng bóng, bây giờ là mặt trời lặn).

Đức vua giữ trọn niềm tin cung kính và dâng nửa trái am ma la lên cúng dường Tăng chúng, với mong muốn dùng cảnh tượng vô thường này, giúp cho mọi người có thể lĩnh hội sâu sắc rằng: vinh hoa, thế lực, giàu sang đều phải chịu sự chi phối của vô thường, không đáng nương tựa”.

Chư vị Tỳ kheo ,Thượng tọa nghe người hầu nói xong bài kệ, ai nấy đều cảm thấy xót xa cho cảnh ngộ của vua A Dục, mọi người khởi tâm thương xót, nộp thọ phẩm vật cúng dường của vua, rồi nói với đại chúng rằng: “Chúng ta nên sanh tâm nhằm chán, trong kinh có lưu lại lời của đức Thế Tôn: ‘Khi thấy người khác suy tàn hoạn nạn, chúng ta phải biết khởi tâm xa lìa’. Người có lương tâm, thấy người như thế, chẳng ai mà không xót thương, có ai còn ham muốn?”, rồi nói một đoạn kệ: “Vị vua có tâm mạnh mẽ vui vẻ bố thí nhất chính là vua A Dục, quốc vương vô cùng dũng mãnh, như con voi chúa trong loài cầm thú. Ngày xưa vua A Dục giàu có nhất ở cõi Diêm Phù, có quyền uy rất lớn, muôn gì được đó, thế nhưng giờ đây phải chịu sự quản lý của đại thần và sự ngăn cản của thái tử, đã bị mất tự do. Tất cả đều bị hạn chế, chỉ còn lại nửa trái am ma la là tự quyền quyết định mang đến cúng dường Tăng chúng mà thôi.

Trong quá khứ giàu có không ai có thể sánh bằng, không thiếu vật gì, lúc ấy sanh khởi tâm kiêu mạn tự cao, tất cả giờ ở đâu? Hạng phàm phu chúng ta cần phải quán sát tình cảnh như thế này, để sớm tu tâm dưỡng tánh, đề phòng cảnh tỉnh.

Phú quý hôm nay đã không còn, chỉ còn sót lại nửa trái, là bài học quý giá, khiến cho các thầy Tỳ kheo sanh tâm xa lìa”.

Lúc ấy trong Tăng chúng, có một thầy Tỳ kheo đưa ra ý kiến: “Vật cúng dường chỉ được nửa trái am ma la, nhưng đại chúng lại đông vô số, bây giờ chúng ta mang nửa trái ấy nghiền ra thành bột để nấu súp, đại chúng cùng thưởng thức”. Rồi nói tiếp: “Đây là phẩm vật cúng dường cuối cùng của đại thí chủ vua A Dục, đây là bài học quý giá, giúp chúng ta hiểu được tất cả tài vật ở thế gian đều không tồn tại. Nên đức Thế Tôn có dạy: ‘Mang những thứ phú quý giả tạm ở thế gian, đổi lấy pháp tài vững bền công đức của xuất thế gian; Lấy sắc thân giả tạm, đổi lấy pháp thân kiên cố, dùng tính mạng mong manh đổi lấy trí tuệ kiên cố’. Quốc vương! Người nên sanh tâm vui mừng, dùng tài sản giả tạm này để đổi lấy cái công đức chân thật, chỉ có phước báu mới có thể sát cánh theo ngài đến kiếp sau. Nên trong mọi lúc, mọi nơi cần phải đồng mãnh phát tâm bố thí, cúng dường, không vì một lý do gì mà bỏ quên”.

Câu chuyện này có nhiều điểm chúng ta cần khắc ghi: Con người khi về già, trí nhớ không đủ sáng suốt, sự hiểu biết trước đây học được, bây giờ không còn nhớ. Ngày xưa thân thể tráng kiện, có người thích dùng sức mạnh có được, mang dao chém giết kẻ thù, Bây giờ, bước đi không vững, phải nhờ vào cây gậy. Cho dù có nhiều tài sản, thân không còn tự chủ, muốn đi đến đâu, cần phải có người đi cùng nâng đỡ, quyền thế đều không còn. Sức khỏe, người thân bây giờ ở đâu?, tất cả đều không còn; “sùng cao tất đọa lạc, hợp hội yếu đương ly” có nghĩa là “giàu rồi cũng nghèo khó, có hợp thì sẽ có tan”, chúng ta cần phải biết trân trọng những lúc còn có thể làm chủ được. Sức khỏe còn tốt, cần phải làm việc lành, gieo trồng phước đức, vun bồi trí tuệ, đừng đến muộn rồi hối tiếc.

Chúng ta cùng nhau sách tấn!

Phước Nghiêm - 05.10.2013

---o0o---

BÀI 04: NGƯỜI TIN TAM BẢO LÀ NGƯỜI GIÀU CÓ NHẤT

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 267c - 268b.³

Người tri túc tuy thiếu thốn vật chất, nhưng lại mệnh danh là người giàu có; Còn người không biết đủ, vật chất tuy sung túc, nhưng lại là người nghèo túng. Nếu có được viên mãn thánh trí, thì mới đích thực là người giàu có!

Ngày xưa có vị cư sĩ, mọi người đều chế giễu ông là người nghèo khó. Vị cư sĩ này tuy bị khinh chê, nhưng ông không để trong lòng. Ông lấy lời tán thán thiếu đức tri túc của đức Phật làm niềm vui, tùy thuận vào thực tướng của các pháp mà nói bài kệ: “Vô bệnh đệ nhất lợi, tri túc đệ nhất phú, thiện hữu đệ nhất thân, Niết bàn đệ nhất lạc”. Nghĩa là không bệnh hoạn là may mắn nhất. Biết đủ là giàu có nhất. Thiện tri thức là nơi cần thân cận nhất. Niết bàn tịch tịnh mới thực sự là cảnh giới an lạc nhất.

Vị cư sĩ nói xong bài kệ, rồi nhìn vào những người chế giễu ông và nói: Đúng như lời của đức Phật dạy, người biết đủ là người giàu có, tại sao quý vị lại nói ngược lại, cho rằng tôi là kẻ bần cùng?

Vị cư sĩ lại nói một đoạn kệ có nội dung như sau: “Nếu người có vô số tài bảo, giàu đến không thiếu một món tài sản nào, nhưng nếu không tin vào ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng có thể nói đó là người bần cùng. Nhưng một người tuy không có một món bảo vật hay tài sản nào để nuôi thân, nhưng người đó có niềm tin vững vàng nơi Tam bảo, có thể gọi đây là người giàu có.

Tôi hôm nay kính phụng Tam bảo, lấy niềm tin Tam bảo làm báu vật hiếm có, thì các người có lý do gì mà nói tôi là người nghèo nhất? Trời Đế Thích, trời Tỳ Sa Môn (trời Tỳ Sa Môn là vị Đa Văn Thiên vương, ở phía bắc trong Tứ thiên vương), vốn có vô số bảo vật quý hiếm, nhưng lúc họ bố thí lại không dám mang hết tài vật bố thí cho chúng sanh. Trong lòng của tôi rất vui vì biết đủ, đối với tiền tài không có một chút tâm niệm tham trước, cho nên thứ gì tôi cũng có thể bố thí.

Người giàu có trong kho chứa đủ các thứ trân bảo, nhưng bất cứ lúc nào cũng sẽ bị chiếm đoạt, nếu gặp phải nạn lũ lụt, bão táp hay trộm cướp.

Một khi tài bảo không cánh mà bay, trong tâm sẽ rất khổ đau, lúc ấy dù gặp được thầy tài, thuốc tốt đi chăng nữa cũng không thể nào trị lành nỗi.

Tôi lấy niềm tin Tam bảo làm của báu, thì không ai có thể chiếm đoạt hay giành giật được, trong lòng tôi luôn được thanh thản, an định và vui vẻ, không có gì để ưu sầu, khổ não”.

Vị cư sĩ lại nói tiếp một đoạn kệ khác: “Cần phải hiểu rõ, giả như có người nuôi đủ voi, ngựa, trong kho chứa đủ bảy món báu, nhưng vẫn không biết đủ, người như thế là người thiếu thốn, cho nên đức Phật luôn luôn dạy biết đủ là giàu có nhất”.

Nghe xong lời nói của vị cư sĩ, mọi người đều khen ngợi lời nói ấy rất chí lý, đây là người đại trí tuệ, là bậc đại trượng phu. Nên đồng thanh nói rằng: “Từ nay về sau, nếu có người tuy không có tài bảo, nhưng họ có niềm tin

Tam bảo kiên cố, nếu gặp người như thế, chúng ta nên gọi họ là người giàu có”.

Khốn khó lắm mới kiếm được tiền tài, nhưng chỉ phục vụ cái vui của thể tục hoặc là chăm lo gia đình, để người thân không phải bị thiếu thốn, tất cả chỉ mang lại niềm vui trong đời này mà thôi.

Trong khi đó, tin Tam bảo là pháp tài, bảo vật vô cùng thù thắng như thế, có thể mang đến vô lượng tài bảo nhiều đời ở cõi người cõi trời; Tùy tâm muốn bao nhiêu cũng được như ý, thế mới biết chánh tín mới là báu vật lớn nhất.

Có được niềm tin đối với Tam bảo làm pháp tài, dù chịu sanh tử trong tam giới, nhưng vẫn an vui tự tại, không bị phiền não chi phối, không như những món châu báu bình thường, không ngừng mang đến tai họa và lo âu. Không kể là ngày hay đêm đều không ngừng lo lắng, sầu não, luôn ám ảnh bị người chiếm đoạt.

Kinh có dạy: “Tiền tài có tám mối nguy hiểm (Thứ nhất, bị quan phủ tịch thu; thứ hai, bị cướp giết; thứ ba, bị lửa thiêu không lường trước được; thứ tư, bị nước cuốn trôi; thứ năm, sợ oan gia trái chủ đến đời; thứ sáu, ruộng vườn không canh tác, bỏ phế, không thu hoạch được; thứ bảy, không biết kỹ xảo buôn bán, không biết giữ hòa khí trong kinh doanh, nên không kiếm được lợi nhuận; thứ tám, con cái hư hỏng đam mê cờ bạc, phung phí tiền tài của gia đình). Cũng chính vì tham đắm theo tiền tài quá mức, nên đời đời chịu khổ liên miên.

Nhờ có niềm tin kiên cố nơi Tam bảo - tín tài, nên có thể đạt được trì giới tài (nhờ tin sâu nơi Tam bảo, mới thực hành theo lời chỉ dạy, không làm việc phi pháp và tạo nghiệp bất thiện. Nhờ đó có được tín tài nơi Tam bảo, tiến thêm bước nữa là đắc được trì giới tài), cũng có thể đắc được bố thí tài, thiên định tài và trí huệ tài; Nếu như không có chánh tín, thì làm sao sanh khởi được những món pháp tài khác? Cho nên nói, tín tài là quan trọng nhất.

Chính bởi vì tôi có pháp tài, nên mới có thể đứng trước mọi người tự xưng là người đại phú; là nhờ tôi đã nhiều đời kiếp không ngừng tích lũy thiện nghiệp, cho nên hôm nay mới có niềm tin vững chãi nơi thiếu dục tri túc.

Vị cư sĩ lại nói tiếp một đoạn kệ, có đại ý như sau: Chính bởi vì đối với Tam bảo, có niềm tin thâm sâu nơi nhân quả, cho nên không làm bất kỳ nghiệp ác, tất cả công đức đều bắt nguồn từ chánh tín làm gốc mà thành đạt, chỉ có niềm tin mới gặt hái được muôn vàn công đức.

Nước chảy nhanh chẳng khác nào mũi tên bắn, có đủ chánh tín cũng giống như nước sông cuộn cuộn trôi gập rút ra biển lớn và mũi tên không khác, di chuyển rất nhanh, khiến cho tâm nguyện vô cùng nhanh chóng hướng về

thiện pháp, đạt đến mục đích (có đầy đủ chánh tín cũng sẽ nhanh chóng như dòng nước chảy xiết, rất nhanh thành tựu được thiện pháp đạt đến mục tiêu).

Ai có thể vĩnh viễn giữ được tài sản đồ sộ, có thể vượt qua được sự giàu có khổng lồ của tín tâm như vậy?

Người ở trong nhân gian tuy có được tài sản, nhưng một khi trắng tay liền trở thành kẻ nghèo cùng khổ, đến lúc mạng chung, tất cả phải vứt lại ở thế gian chỉ một thân đối diện với cái chết, không có vật quý nào có thể mang theo bên cạnh, cùng đi đến thế giới bên kia.

Chỉ có niềm tin vào Tam bảo mới vĩnh viễn tồn tại không bị tiêu tán, niềm tin ấy luôn kề vai sát cánh, mãi mãi, cho đến vô số kiếp về sau vẫn luôn được an lạc.

Con người ở đời vì chỉ biết tích lũy tiền tài, sẽ bị tiền tài nhấn chìm trong tham đắm; Còn pháp tài chánh tín Tam bảo, sẽ không có tình trạng nhiễm trước, bởi vì niềm tin Tam bảo thì chỉ sanh khởi hoa trái của an vui.

Trong tất cả tài bảo, chỉ có chánh tín Tam bảo là bảo vật cao quý nhất, đây là sự thật hiển nhiên, chính là lời giáo huấn của đức Phật.

Chính vì thế, tôi không phải là người nghèo cùng, bởi vì pháp tài chánh tín Tam bảo luôn có trong tôi, đây là loại tín tài thù thắng nhất, những món báu khác không thể sánh bằng. Chỉ có chánh tín mới là bảo vật giá trị, mới đích thực là tài bảo.

Nếu lấy chánh tín thực hành Bồ đề, thì những tài vật ở thế gian và công đức ngày càng được tăng trưởng. Nếu không lấy chánh tín để Bồ đề, thì dù có được phước báu đi nữa cũng sẽ không tăng trưởng, mà ngày càng bị tổn thất dần.

Câu chuyện này có nhiều điểm chúng ta đáng ghi nhớ.

Người đời có câu: “lòng người không biết đủ, như rắn nuốt voi”, “tri túc thường lạc”, biết đủ xác thực là người giàu có. Những thứ tiền tài ở thế gian chỉ mua được trò vui trong cuộc sống hiện tại, còn công đức của pháp tài có thể đưa người đến vô lượng kiếp được phước lạc.

Tiền tài của thế gian vô thường biến mất, dễ dàng tiêu tan. Con người thường lo sợ bị nước trôi, lửa cháy, động đất chôn vùi, hay càng sợ hãi hơn là bị cướp giết, nhưng công đức pháp tài thì không cần phải lo sợ như thế, người tu tập thiện pháp, pháp tài luôn dồi dào theo bên cạnh, không cần phải lo sợ bị lấy mất.

Trong Đại Trí Độ luận có nói: “Nghèo cùng có hai loại: thứ nhất là thiếu thốn vật chất, thứ hai là thiếu phước. Vật chất thiếu thốn không có gì phải

xấu hổ, phước mỏng mới khiến cho chúng ta phải hổ thẹn! Vật chất thiếu hụt, người tốt cũng có, nhưng thiếu công đức, người tốt không thể thiếu”. Người tốt không nhất định là người có tiền tài, nhưng đó chắc chắn là người có đức, có câu nói: “đạo tâm chi trung hữu y thực, y thực chi trung vô đạo tâm”. Nếu một người có đạo tâm kiên cố, tinh tấn tu học thiện pháp, tự nhiên sanh phước đức, không cần phải lo lắng thiếu thốn thức ăn đồ mặc; ngược lại, nếu một người bị tham đắm vật chất, sẽ dễ dàng bị mất đạo tâm.

Chúng ta cùng nhau phấn đấu.

Phước Nghiêm - 11.05.2013

---o0o---

BÀI 05: THAM CẦU TIẾNG TĂM LỢI DƯỞNG, CHƯỞNG NGẠI ĐƯỜNG TU

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện được trích trong Kinh Đại Trang Nghiêm Luận thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 292c - 293b.⁴

Tham cầu tài vật cúng dường sẽ làm chướng ngại đường tu, một khi tiếng tăm lợi dưỡng bị cắt đứt, cần phải tư duy quán sát trong lòng có sanh tâm sân hận hay không?

Quá khứ nghe kể rằng, có vị Tỳ kheo an trú trong rừng, bất kể là người thành thị hay ở thôn làng hẻo lánh, mọi người đều đua nhau kéo đến muốn được cúng dường thầy Tỳ kheo ấy, khiến cho những thầy Tỳ kheo khác sanh lòng đố kỵ, nên càng sanh tâm hủy báng thầy Tỳ kheo ấy. Chúng đệ tử của thầy nghe những lời phỉ báng như thế, bèn bạch với thầy mình rằng: “Su phụ! Su phụ! có những thầy Tỳ kheo phỉ báng Thầy”.

Người thầy sau khi nghe những lời chê bai như thế, không những chẳng sanh lòng bực tức, mà ngược lại còn mời những thầy phỉ báng ấy đến chùa, dùng lời ôn hòa an ủi vỗ về khuyên bảo họ, thầy còn lấy những loại y phục tốt nhất cúng dường người đã từng phỉ báng mình.

Chúng đệ tử thấy tình cảnh như thế, bèn bạch với thầy: “Những người hủy báng thầy là kẻ thù của chúng ta, tại sao thầy lại an ủi, động viên họ, lại lấy những loại y phục thượng hạng cúng dường cho họ?”

Người thầy đáp: “Những người chê bai chính là ân nhân của ta, cho nên ta phải cúng dường”. Và nói đoạn kệ có đại ý như sau: “Cũng như mưa đá làm hư hoại ruộng lúa, nếu lúc ấy có người giúp bảo vệ ruộng lúa, người làm ruộng sẽ vô cùng vui mừng, tất nhiên sẽ mang tài vật hay vải quý đến để báo ân người ấy.

Tiếng tăm lợi dưỡng cũng như mưa đá vậy, sẽ làm hư hoại thừa ruộng công đức của ta. Có người hủy báng ta kịp thời, khiến cho người đến cúng dường tài vật cho ta được giảm đi. Người khinh chê ta chính là người bạn tốt của ta, không nên xem họ là kẻ thù; Họ giúp ta ngăn che mưa đá tiếng tăm lợi dưỡng, cho nên ta cần phải biết ơn và báo đáp ân đức của họ.

Mưa đá chỉ làm hư hại trong một đời, nhưng tiếng tăm lợi dưỡng sẽ làm hư hại trong nhiều đời; Mưa đá chỉ làm hao tổn vật chất, nhưng nếu tham cầu danh lợi sẽ làm tan nát đường tu, công đức pháp tài sẽ ly tán.

Mưa đá làm tổn hại mùa màng, nhưng không hư hại hoàn toàn, nếu vì ham cầu tiếng tăm lợi dưỡng, thì công đức sẽ mất hết. Cũng giống như Đè Bà Đạt Đa bị mưa đá của danh lợi phá hoại, nguyên nhân do ông ta mê theo danh tiếng lợi dưỡng, đưa đến hậu quả không còn sót mấy mún thiện pháp, mà ác pháp lại quá mạnh, nên lúc lâm chung lập tức bị rơi vào ác đạo.

Tai họa do tiếng tăm lợi dưỡng mang đến còn hơn cả lửa dữ, hơn cả chất độc và các loài hổ báo. Người có trí tuệ sau khi tư duy quán chiếu, họ thà rằng để cho lửa dữ, chất độc, sư tử, cọp và sói làm hại, quyết không để cho tiếng tăm lợi dưỡng làm hại. Người thiếu trí tham trước tiếng tăm lợi dưỡng, không nhìn thấy được sự độc hại của chúng, mong cầu được danh tiếng lợi lộc sẽ khiến cho con người cách xa con đường thánh, thiện hành bị hủy diệt không thể sanh khởi. Đức Phật đã đoạn trừ tận gốc của phiền não, dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu của phiền não đều diệt tận, công đức đã tròn đầy viên mãn, còn phải tránh xa danh lợi, huống chi là kẻ phàm tục chưa đạt đến thánh đạo, thì cần phải tránh càng xa mới phải!”

Người thầy đứng trước, dùng tiếng sư tử hồng, nói với đại chúng: “Đừng để tiếng tăm lợi dưỡng đến gần tôi, tôi sẽ tránh xa chúng. Người có trí tuệ, có đạo tâm, ai lại thích thú tiếng tăm lợi dưỡng chứ?”

Danh tiếng lợi lộc quấy nhiễu định tâm, tai họa mang đến còn hơn kẻ thù, chẳng khác nào đại lực sĩ dùng sợi dây thừng để giết người, làm cho người phải thịt nát xương tan mới chịu buông thả.

Tiếng tăm danh vọng còn độc hại hơn cả sợi dây thừng kia, không những cắt đứt lớp da trì giới bên ngoài, mà còn làm nát lớp thịt thiền định bên trong, lại bẻ gãy xương trí tuệ, cho đến hủy diệt đến tận cốt tủy thiện tâm. Chẳng khác nào đứa bé ngây ngô đưa tay bóc lửa bỏ vào miệng, chẳng khác gì cá nuốt phải lưỡi câu, hay chim bị mắc lưới, các loài cầm thú bị rơi vào chạm bẫy đều do thích cái mùi vị thơm ngon.

Tỳ kheo tham danh lợi, so với những đứa trẻ ngây ngô, những loài cầm thú có gì khác nhau? Hưởng lợi không được bao nhiêu, mà phải ngậm chịu đắng cay, đau khổ quá nhiều!

Những thứ lừa dối xảo trá, những lời ngon ngọt hoa mỹ, những người trong tâm mê đắm theo tiếng tăm lợi dưỡng, thích ở những nơi ồn ào náo nhiệt, sẽ gieo những hạt giống tai họa và tổn hại. Chẳng khác nào người bị bệnh phong, càng gãi càng ngứa; tự cao tự đại, phóng dật, tham dục đều do tiếng tăm lợi dưỡng vun bồi mà có.

Những người nhục mạ tôi, họ đã giúp tôi ngăn che kẻ thù tiếng tăm lợi dưỡng, tôi cần phải hết lòng cúng dường họ.

Có được bậc thiện tri thức đáng quý như thế, tại sao xem họ là kẻ thù oán?

Do tham đắm tiếng tăm được lợi lộc, nên không còn nghĩ tưởng đến những nơi thanh thản tịch tịnh, không kể ngày hay đêm, trong tâm chỉ biết hướng ra bên ngoài mong được danh lợi, không biết nhàm chán.

Phải thường xuyên tự hỏi! Y phục tốt ở chỗ nào? Thức ăn có gì ngon? Ai là người thân của tôi, ai là người bạn tốt? Ai hay diu dặt hướng dẫn? Ai có thể lắng nghe ý kiến của tôi? Cứ như thế tâm niệm cứ hướng ngoại trầm tư.

Tâm ý không thâm nhiếp đánh mất đi sự yên tĩnh của tâm, không còn yêu thích nơi yên tĩnh, chỉ thích tìm đến nơi đám đông tung bừng náo nhiệt, là do vì lợi dưỡng là nguyên nhân chính làm mất đi sự thanh thản của tâm.

Không còn hứng thú với pháp thiên định tịch tịnh, là vì đã từ bỏ thiên định, người ấy không còn được gọi là Tỳ kheo, cũng không xứng được gọi là người đệ tử của đức Phật.

Tại sao nói người ấy tướng mạo bên ngoài giống Tỳ kheo, nhưng đích thực không phải là Tỳ kheo?

Như trong Phật Tạng Kinh có nêu lên một ví dụ: “Như con dơi, lúc có người muốn đánh bắt chim, nó trốn trong hang và nói rằng: “Tôi có răng, tôi thuộc giống nòi nhà chuột”. (con dơi còn gọi là con chuột bay, có hình dạng giống con chuột). Đến lúc có người bắt chuột, nó lại bay lên không trung và nói: “Tôi có cánh, tôi giống chim, tôi giòng họ nhà chim”. Kỳ thực chúng không phải thuộc loài chim, thân thể lại dơ bẩn không thể kể, chỉ thích sống những nơi tối tăm. Người xuất gia phá giới cũng như thế, hình dáng tuy giống người xuất gia không khác, nhưng phạm giới rồi, không đối trước đại chúng sám hối, trong xã hội cũng không có công hiến gì cho chúng sanh, người như thế không xứng đáng gọi là Tỳ kheo, cũng chẳng xứng gọi là Phật tử, chẳng khác gì tử thi thiêu xong, còn lại chiếc hòm, một chút ích lợi cũng chẳng có!”

Câu chuyện này có những điều phản tỉnh chúng ta, có câu nói: “Trong đạo tâm có y áo và vật thực, còn trong y áo và vật thực không có đạo tâm”. Nếu một người có đạo tâm, không cần phải bận tâm đến chuyện chết đói vì thiếu ăn, nhưng nếu suốt ngày tất bật tham cầu mặc đẹp, ăn ngon, người như vậy tâm đạo dần dần bị thổi tắt.

Câu chuyện hôm nay khuyến khích mọi người cùng phấn đấu!

Phước Nghiêm - 28.09.2013

---o0o---

BÀI 06: PHIÊN NÃO CHƯA ĐOẠN TẬN, GẶP DUYÊN VẤN SANH KHỞI

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 290c - 291a.

Trong kinh có nói: “Hiện tại phiên não tạm thời không sanh khởi, nhưng nếu chưa dứt trừ tận gốc của chủng tử phiên não, một ngày nào đó nó sẽ hiện hành, cuối cùng sẽ dẫn đến quả khổ, cũng giống như cho nước đá vào trong ấm nước đang sôi vậy”.

Ngày xưa nghe kể rằng, có hai thầy trò, mùa đông đang ngồi bên lò lửa sưởi ấm, than ở trong lò không bốc khói cũng chẳng thành ngọn lửa.

Người thầy hỏi đệ tử: “Con có nhìn thấy đồng than kia không? Có phải chúng không có khói mà cũng chẳng có ngọn lửa?”

Đệ tử: “Dạ con có thấy! Đúng rồi không thấy khói bốc lên mà cũng chẳng thấy ngọn lửa”.

Người thầy nói với đệ tử rằng: “Vậy con cho thêm vào một ít củi khô xem!” Đệ tử làm theo lời của thầy, sau khi cho củi vào, khói lập tức từ trong đám tro tàn kia bốc lên.

Người thầy lại nói: “Con thổi một lát xem!”

Đệ tử đặt miệng vào thổi một hồi, lửa đã bén củi và cháy rực lên.

Vị thầy liền nói một đoạn kệ cho học trò nghe, có đại ý như sau: “Lúc đầu đồng than này không có khói, cũng chẳng có lửa, cũng giống như chúng ta tu tập quán từ bi hoặc quán bất tịnh trong tu tập thiền định, trong lúc đang nỗ lực tu tập, có thể phiên não không sanh khởi, trong tâm cảm thấy thanh thản, bình an; Cũng giống như đồng củi kia, nhìn không thấy khói, cũng chẳng có ngọn lửa. (Nếu không dùng trí tuệ, để đoạn trừ tận gốc của tham, sân, si mà

chỉ dùng phương pháp thiền định quán từ bi hay quán bất tịnh, kỳ thật vẫn chưa đủ, một khi nhân duyên hội tụ, phiền não vẫn có cơ hội hiện diện).

Cũng như lửa mà gặp củi khô, khói và lửa lập tức bốc cháy, ngọn lửa phiền não trong tâm chúng ta cũng như thế; Nếu gặp nhân duyên, như đối mặt với người mình không thích, khói sân hận lập tức bốc lên; Nếu nhìn thấy sắc đẹp, ngọn lửa tham muốn sẽ bốc cháy hừng hực. Chính vì thế chúng ta không chỉ dứt trừ tận gốc sự trói buộc của phiền não, mà còn phải có đủ ba minh (ba minh là túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh, ba loại trí tuệ thông đạt không còn chướng ngại. Túc mạng minh, có thể biết sự việc của chính mình và chúng sanh trong quá khứ. Thiên nhãn minh, có thể thấy được trong tương lai chúng sanh sinh về cõi lành hay đọa vào ác đạo. Lậu tận minh là trí tuệ đoạn trừ tất cả phiền não). Để dứt bỏ được căn bản phiền não tham, sân, si ba món độc, cần phải nỗ lực tinh tấn tu học.

Chúng ta muốn đạt được tam minh, thân và khẩu nghiệp cần phải thật sự thanh tịnh viên mãn, quét sạch những cấu uế trong tâm. Thân, khẩu, ý được thanh tịnh như thế, thì cỏ phiền não không có cơ hội để phát sinh. Ví như chúng ta mỗi ngày đều đi bộ trên một con đường, vì mỗi ngày đều dẫm qua, nên những cây hoa và cỏ trên con đường kia không thể sống được (nhưng nếu chúng ta không đi trên con đường kia một thời gian, những cây cỏ dại kia lại tiếp tục mọc lên um tùm).

Cũng như thế, tham dục và sân hận tuy tạm thời không xuất hiện, là do chưa gặp đủ duyên; Do bởi cội gốc của lòng ham muốn và sân hận vẫn chưa mất hẳn, chỉ cần hội đủ nhân duyên, chúng nhất định sẽ xuất hiện.

Ví như người bị sốt, có lúc phát sốt một ngày, ngừng một ngày, sau đó lại sốt tiếp; Có lúc sốt một ngày rồi lại ngừng hai ngày, đến ngày thứ tư lại bắt đầu sốt tiếp. Bệnh sốt khi đang tiềm ẩn, ngày thứ hai và thứ ba chưa chắc đã tái phát, nhưng đến ngày thứ tư nhất định sẽ tái phát, nếu gặp trường hợp đặc biệt sẽ dễ dàng phát sốt.

Ví dụ này là thiền định của thế tục, phiền não chỉ tạm thời bị nén, nên không thấy phát khởi. Nhìn bên ngoài có vẻ như không có sai phạm, thật thanh tịnh; nhưng bên trong chẳng khác nào gốc của cây độc. Nếu không đốn tận gốc, mầm của chúng cũng có thể phát triển trở lại.

Cũng như người lớn tuổi có tóc bạc, cho rằng tuổi chưa cao mà bạc tóc nên cảm thấy xấu hổ, muốn đi cạo tóc bạc. Cuối cùng, tóc đen cũng bị cạo sạch. Cạo tóc một thời gian sau, tóc bạc vẫn không ngừng mọc dài ra. Nếu chúng ta không dứt trừ phiền não, cũng sẽ như thế. Tham dục, sân hận phiền não nếu không diệt tận gốc, sẽ ảnh hưởng đến sự thanh tịnh của việc trì giới. Hành trì giới cũng như một hệ thống bảo vệ, có tầng lớp bảo vệ chúng ta,

nhưng chỉ tạm thời đối trị phiền não, khiến chúng tiềm ẩn không xuất hiện. Như thế vẫn chưa đủ. Có người cho rằng thân và khẩu không tạo nghiệp ác là đã hy hữu hiếm có, nhưng tâm vẫn chưa hoàn toàn vắng lặng, nếu không xóa bỏ cái gốc của phiền não, cuối cùng phiền não cũng sẽ sanh khởi, thậm chí còn vi phạm đến sự thanh tịnh của việc trì giới.

Một khi hủy phạm giới hạnh, tham đắm năm dục, cũng giống như con rắn trồn trong hang, chẳng bao lâu sẽ trườn ra cắn người không khác vậy”.

Câu chuyện này có những điểm chúng ta cần học hỏi:

Chúng ta ngẫm nhìn lại: Tham, sân, si, mạn, nghi, ngã chấp trong chúng ta đã đoạn trừ chưa? Nếu không đoạn trừ tận gốc của phiền não, tuy tạm thời không còn thấy tham dục, sân hận hiển lộ, thân và khẩu tạm thời dừng tạo ác nghiệp, nhưng nếu điều kiện đầy đủ vẫn có thể bộc phát, cũng giống như rắn núp trong hang, một ngày đủ duyên, con rắn độc sẽ bò ra và cắn chết người.

Trì giới, thực tập thiền định cũng có khả năng làm cho phiền não lắng xuống, nhưng phương pháp này cũng như mang đá dẫn lên cỏ, đến lúc phiền não không còn không chế được, công năng trì giới khó mà giữ gìn, thiền định cũng cũng bị thối thất. Muốn diệt trừ phiền não một cách rốt ráo, phải nương trí tuệ vô lậu, nhổ tận gốc rễ của phiền não mới được.

Đại Tỳ Bà Sa Luận⁵ và Câu Xá Luận⁶ có đề cập đến, con người thường sanh khởi phiền não.

Có ba nguyên nhân đưa đến phiền não: Thứ nhất là do nhân lực, thứ hai do cảnh giới lực, thứ ba do hành lực.

Thứ nhất “nhân lực”, là chỉ phiền não chưa triệt để đoạn tận, đây là nguyên nhân chính khiến phiền não sanh khởi. Tỷ như tham dục phiền não, gốc của nó chưa diệt tận, vẫn còn tiềm tàng, nên bất kỳ ở đâu chúng đều có thể bộc phát, cũng như cây chưa đốn tận gốc, khi hội đủ nhân duyên sẽ đâm chồi, ra hoa và kết trái.

Thứ hai “cảnh giới lực”, là chỉ cảnh giới hiện tại chúng ta đang sinh sống, đây là trợ duyên cho phiền não sanh khởi. Ví dụ: Gặp nhân duyên đầy đủ, chúng ta có thể sẽ khởi phiền não tham dục, hoặc là gặp kẻ thù oán, vừa nhìn thấy, sân hận trong tâm liền dậy khởi.

Thứ ba “gia hành lực”, là chỉ cho phi lý tác ý, cũng chính là tư duy thiếu đúng đắn. Ví dụ có kẻ thù oán, trước đây từng cãi nhau, cho dù trải qua thời gian đã lâu, người kia không còn xuất hiện, nhưng vì do tư duy bất chánh, chỉ cần nghĩ đến là phiền não có thể sanh khởi.

Khi chúng ta chưa đoạn tận phiền não, ít nhất không nên để cho phiền não tham, sân... liên tiếp hiện hành. Làm sao để cơn giận đừng sanh khởi? Có thể dùng phương pháp “duyên tuyệt không sanh” để đối trị, quan trọng nhất, cũng chính là đoạn trừ căn bản phiền não; ngoài ra còn có thể tránh xa môi trường không tốt (tức chỉ cho cảnh giới tạp nhiễm), rời xa môi trường không tốt, đây chính là phương pháp an toàn nhất. Mặc dù có người nói rằng “ngã tư đường là nơi tu tập tốt nhất”, nhưng nếu bạn không phải là cảnh sát giao thông, bạn cũng cần phải chú ý an toàn! Nếu không sẽ gặp nguy hiểm lớn! Như đức Phật khuyên chúng ta cần phải thận trọng phòng hộ các căn, sáu căn thanh tịnh, mắt không được tùy tiện nhìn bậy, tai không nên nghe những chuyện không hay, việc không nên làm tuyệt đối không làm, tránh xa những môi trường không lành mạnh.

Nếu cảnh đã hiện trước mắt, muốn tránh cũng không xong, muốn trốn không thoát, lúc ấy chúng ta cần phải làm sao? Lúc này tốt nhất chúng ta nên duy trì “chánh niệm và chánh tri”, “như lý tác ý”, tuyệt đối không khởi bất kỳ “ý niệm không hay” nào. Mỗi người chúng ta thử quán sát, có người lòng sân hận và tham lam dễ sanh khởi, nên thường xuyên quán sát tâm tham và sân đó. Chúng ta nên trở về quán sát trong tâm của mình có những con rắn độc như thế đang trú ẩn không? Đừng để khi nhân duyên đầy đủ, lại bò ra cắn người.

Những lời đơn giản trên có thể sách tấn chúng ta!

Phước Nghiêm - 16.3.2013

---o0o---

BÀI 07: HAI HẠNG NGƯỜI NGU: NGƯỜI KHÔNG BIẾT SÁM HỐI VÀ NGƯỜI KHÔNG BIẾT NHẬN SỰ SÁM HỐI

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi chọn ra một câu chuyện cùng chia sẻ và cùng nhau khuyến tấn, bài kinh này được trích từ “Kinh Tạp A Hàm” số 1108, trong Đại Chánh Tạng quyển số 2, trang 291b - 291c.⁷

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một thời gian Ngài an trú tại nước Xá Vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

Một hôm, trời vừa sáng, đức Thế Tôn khoác cà sa, hai tay ôm bát vào thành Xá Vệ khát thực. Khát thực xong Ngài trở về tịnh xá, thu dọn y bát, rửa sạch hai chân, lấy tọa cụ đặt lên trên vai phải, đi vào rừng An Đà gần tịnh xá Kỳ Viên, trải tọa cụ ở dưới một gốc cây, ban ngày một mình ngồi dưới gốc cây tọa thiền, tịnh quán tư duy.

Lúc ấy, trong tịnh xá Kỳ Hoàn có hai vị Tỳ kheo có sự tranh chấp, trong đó một người chửi mắng đối phương, người còn lại im lặng không nói lời nào. Sau đó, vị Tỳ kheo chửi mắng kia nhận ra sai lầm, tìm đến đối phương sám hối, cầu xin được tha thứ, nhưng vị Tỳ kheo bị mắng kia lại không muốn bỏ qua. Do vì người kia không chịu thứ lỗi, cho nên nhiều Tỳ kheo trong tịnh xá đến khuyên giải, gây ra sự huyên náo, ồn ào không ngớt.

Lúc ấy, Đức Phật với thiên nhĩ thanh tịnh siêu phàm, nghe có tiếng ồn náo từ tịnh xá Kỳ Hoàn, liền xả thiên, trở về tịnh xá. Người trái tọa cụ ra ngồi trước đại chúng, rồi nói chuyện với các thầy Tỳ kheo: “Như Lai buổi sáng khát thực, trở về rừng An Đà, đang ngồi thiền tịnh quán tư duy, nhưng nghe trong tịnh xá có tiếng ồn ào, huyên náo, là ai? Và do chuyện gì mà tranh cãi?”

Có thầy Tỳ kheo đáp: “Trong tịnh xá có hai vị Tỳ kheo vì một vài việc mà sinh sự, trong đó có một vị lớn tiếng la mắng, đối phương im lặng không mở lời. Sau đó, vị la mắng nhận ra sai lầm, liền tìm đến xin lỗi, nhưng đối phương không chịu chấp nhận. Vì thế có nhiều vị Tỳ kheo đến khuyên thầy ấy, dẫn đến tiếng nói càng lúc càng lớn dần, vô cùng ồn ào”.

Đức Phật bảo Tỳ kheo: “Thầy ấy sao lại thiếu trí tuệ như thế, người khác đến xin sám hối, tại sao lại không tiếp nhận sự sám hối chứ? Nếu có người đến xin sám hối mà không nhận, người ngu này phải chịu khổ dài dài, chẳng được ích lợi gì. Các thầy Tỳ kheo! Một kiếp trong quá khứ, lúc người trong ba mươi ba tầng trời tranh cãi lẫn nhau, Thích Đề Hoàn Nhơn đã từng nói kệ giáo huấn họ: ‘Nếu người không làm cho người khác khổ đau, tâm sân hận không tồn tại trong lòng họ. Nếu không lưu giữ sự oán hận, thì sân hận sẽ không ở mãi trong lòng. Nếu con phần nộ đang bốc cháy, tuyệt đối không nên mở miệng nói lời nguyên rủa. Đừng tìm lỗi của người. Không nên nhân cơ hội mà chia rẽ đoàn kết, chớ tuyên truyền điểm yếu kém của người. Cần phải trở về chăm sóc cái tâm của chúng ta, lấy những lời chỉ dạy của đức Phật tư duy thức tỉnh.

Đừng bực tức và đừng khởi tâm làm tổn thương người, được như thế sẽ sống chung với bậc thánh hiền. Nếu thường thân cận với người bất thiện, thì những tập khí sân hận sẽ càng kiên cố khó mà thay đổi.

Tự mình kiềm chế được cơn giận, cũng giống như điều phục được con ngựa hoang không khác. Tôi ca ngợi người phu xe tài giỏi, không phải là người phu cầm cương giỏi, mà quan trọng là người ấy khéo léo nhiếp phục cái tâm của mình”.

Đức Phật dạy đại chúng: “Thích Đề Hoàn Nhơn ở tại tầng trời thứ ba mươi ba được tôn xưng là Tụ Tại Vương, là nhờ thường thực hành hạnh nhẫn nhục và khen ngợi hành giả tu nhẫn nhục. Tỳ kheo các thầy do có chánh tín sống

đời sống xả ly, đã xuất gia học đạo rồi, càng nên tinh chuyên tu tập và tán thán người thực hành nhân nhục, cần phải tu tập như thế!”

Đức Thế Tôn nói bài kinh này xong, chúng Tỳ kheo đều rất hoan hỷ, nguyện thực hành theo.

Ngoài ra, ở trong kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm (kinh thứ 37), có nội dung tương tự như thế, trong Đại Tạng Kinh, quyển số 2, trang 385b-c, chỉ khác nhau một chút ở phần nội dung của bài kệ, bài kệ có nội dung như sau: “Tỷ như dùng quả bầu hồ lô, cắt đôi làm cái gáo múc dầu đổ vào đèn để thắp, nhưng vì ngọn lửa quá lớn, nên cái gáo bị cháy. Tâm sân hận cũng như thế, sẽ thiêu cháy thiện căn của chúng ta; chỉ cần tâm chúng ta lúc nào cũng giữ cho được vắng lặng, thì tâm sân hận sẽ tự nhiên biến mất.

Đừng để chúng tuần hoàn như dòng nước chảy, cứ trôi đi trở lại không ngừng, cho dù gặp hoàn cảnh rất giận dữ, tuyệt đối không nên mở miệng nói lời ác, càng không nói điều mà người ta kiêng kỵ.

Điều người ta kiêng kỵ, cũng giống như thân tộc của họ vậy, bất luận trong hoàn cảnh nào, chúng ta tuyệt đối không xúc phạm. Chỉ cần chúng ta điều phục cái tâm của chính mình, như thế đối với tất cả đều tốt, đối với bản thân càng tốt hơn.

Người không có tâm sân hận sẽ không hại người, người như thế chính là bậc thánh hiền, hay là đệ tử của thánh hiền, chúng ta cần phải tìm đến thân cận những người như thế.

Người mà trong tâm lúc nào cũng nuôi dưỡng đầy sự bực tức oán hận, thì muốn làm gì cũng sẽ gặp nhiều khó khăn chướng ngại, chẳng khác nào bị núi bao bọc xung quanh.

Người nào khi phát hiện sự nóng giận, bực tức dấy khởi, mà có thể chế ngự, không chế được bản thân, được gọi là đang tạo thiện nghiệp, giống như người dùng dây cương điều phục con ngựa hoang chưa từng được huấn luyện vậy.

Trong “Du Già Bồ Tát giới” có hai giới điều nội dung cũng tương tự như thế. Có hai hạng người ngu, hạng thứ nhất là phạm sai lầm mà tự mình không biết sám hối; hạng thứ hai là có người biết lỗi đến xin sám hối mà không chịu tha thứ.

Trong “Du Già Bồ Tát giới bản” cũng có hai giới điều, thứ nhất là không biết nhận lỗi, hạng còn lại là không nhận sự sám hối của người. Giới này nói như vậy: Nếu Bồ tát an trụ nơi tịnh giới Bồ tát, hoặc có xâm phạm đến chúng sanh, hoặc cho dù mình không xâm phạm, nhưng họ lại cho rằng chúng ta đã xâm phạm đến họ rồi, nếu lúc ấy vì khởi tâm bực tức, đổ kỵ hoặc có tâm

khinh mạn mà không như pháp sám hối, thì đã phạm vào giới của Bồ tát, đây là vi phạm thanh tịnh giới, nhưng nếu vì lười biếng, giải đãi hay phóng túng mà không tìm đến sám hối đối phương thì cũng bị phạm giới, nhưng tội lại nhẹ hơn, tuy phạm giới nhưng không mất thanh tịnh.

Hạng thứ hai là không nhận sự sám hối của người, nếu Bồ tát an trú trong tịnh giới luật nghi, có người xâm phạm đến chúng ta, nhưng sau đó người ấy như pháp đến sám hối, nếu chúng ta vì sân giận mà không cho sám hối, thì phạm giới của Bồ tát. Vì người ấy không được sám hối, tâm của họ bất an, khiến cho họ càng phiền não hơn. Có người vì muốn cho đối phương phiền não hơn, nên không để cho họ được sám hối, như thế là đã vi phạm, đây là phạm thanh tịnh giới

Đức Phật dạy: “Chúng ta nếu có sai lầm, nên nhanh chóng sám hối, cũng giống như y áo, giày vớ dơ bẩn mang ra giặt sạch phơi nắng, cho gió thổi khô, vẫn có thể sạch; còn nếu mang đồ dơ gói lại rồi dấu kín, lâu ngày thì càng thối, không thể thơm được, vì thế phải sám hối để được thanh tịnh!

Ngoài ra có một đoạn kinh ghi rằng: Chúng ta muốn điều phục con ngựa bên ngoài, không đến nỗi khó, nhưng muốn điều phục làm chủ được con ngựa bên trong tâm, thì sẽ khó khăn hơn nhiều.

Chúng ta cùng tinh tấn!

Phước Nghiêm - 26.10.2013

---o0o---

BÀI 08: NGƯỜI TRÌ TỊNH GIỚI TRƯỚC THẦY PHÁP THÂN ĐỨC PHẬT

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Hộ Giới, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 578a-b.⁸

Ngày xưa, đức Phật ở thành Xá Vệ tại tịnh xá Kỳ Hoàn, vì hàng trời người mà tuyên dương khai thị kinh pháp.

Lúc đó, tại thành La Duyệt Kỳ (cũng chính là nước Ma Kiệt Đà của thành Vương Xá), có hai vị Tỷ kheo vừa mới tu học, muốn tìm đến nước Xá Vệ bái kiến đức Thế Tôn. Nhưng từ thành La Duyệt Kỳ đến thành Xá Vệ đường rất xa và hoang vắng. Vì khô hạn kéo dài, thời tiết cực kỳ nóng bức, các nguồn nước đã bị khô cạn, nóng đến nỗi thở không ra hơi, lại không có tăm hơi bóng dáng của con người, khiến cho hai thầy Tỷ kheo vừa đói lại khát đến lả người. Sau đó, hai thầy nhìn thấy có con suối sắp khô cạn, chỉ còn lại

một ít nước, nhưng trong nước lại có quá nhiều trùng nhỏ, không thể uống được (nếu y theo giới luật của đức Phật đã chế, trong nước nếu có trùng phải lấy đũa lọc qua xong mới được dùng, nhưng họ thì lại không mang theo đũa lọc nước). Đứng trước tình thế này hai vị nói với nhau: “Chúng ta từ nơi xa xôi đến đây cốt để bái kiến đức Phật, không may nay chưa được bái kiến Ngài, chưa nghe được pháp, mà bây giờ đã phải bỏ mạng nơi này!”

Một vị nói rằng: Chúng ta tạm thời uống nước trước, thì mới có thể bảo tồn tính mạng để đến đánh lễ đức Phật. Ai mà biết được việc chúng ta đã uống nước có trùng? Vì tội báo không có ảnh hưởng đến các việc khác, thì làm sao mà biết được.

Người kia đáp: Không được! Không thể! Đức Phật rõ ràng đã dạy chúng ta, tu hành nên lấy nhân từ làm đầu, vì mạng sống của chúng ta mà ảnh hưởng đến sự sống của chúng sanh, dù có được gặp Ngài cũng chẳng được chút lợi ích gì, tôi thà chết để giữ giới, tuyệt đối không vì sống mà phạm giới.

Vị thầy thứ nhất vì nôn nóng được gặp đức Phật, liền vội vàng lấy chút nước dư còn lại mà uống, rồi tiếp tục lên đường. Vị thầy còn lại vì kiên quyết không uống nước có trùng, nên đã mạng chung giữa đường, sau khi mạng chung, lập tức sanh vào cõi trời thứ hai của Lục dục thiên, cũng chính là trời Đao Lợi. Vị trời ấy phản tỉnh tư duy, ngay lúc đó mới thấu hiểu: Mình trong quá khứ nhờ trì giới không sai phạm, nên bây giờ mới được sanh vào cõi trời. Lời dạy của đức Phật chắc chắn không sai, vốn được phước báu không phải là việc quá xa vời! Cho nên, vị trời ấy liền lấy hoa thơm, từ trên trời đi xuống, đến trước đức Phật, sau khi đánh lễ lui qua một bên.

Còn vị Tỳ kheo uống nước, đường dài vượt non, lội suối vô cùng vất vả, mất cả mấy ngày sau mới tới nơi. Đến trước đức Phật, thầy nhìn thấy đức Phật, phẩm đức của Thế Tôn trong sạch và tôn quý vĩ đại không thể kể xiết, hương về đánh lễ xong, nước mắt tuôn rơi bạch cùng đức Phật: Con có một người bạn cùng đi chung, trên đường đã lâm chung, nghĩ đến anh ta vì cố chấp, không biết nghĩ thoáng ra, nên không thể đến đây đánh lễ Ngài, đã làm cho con thật sự rất đau buồn, kính mong đức Thế Tôn thấu hiểu việc này.

Đức Phật nói: Ta đã biết rõ.

Đức Phật đưa tay chỉ về phía vị trời và nói: Vị trời trước mặt ông đây, chính là người bạn đồng hành với ông, nhờ vị ấy nghiêm trì giới luật thanh tịnh, nên được sanh vào cõi trời, mà đã sớm đến đây.

Lúc đó, đức Thế Tôn vạch áo, lộ rõ phần ngực thân kim sắc, nói với thầy Tỳ kheo rằng: Ông chỉ nhìn thấy được hình mạo của ta thôi, nhưng không giữ

gìn giới luật ta đã chế, thì ông đã nhìn thấy ta, nhưng ta không nhìn thấy ông, nếu có người tuy ở cách xa ta vạn dặm, nhưng có thể gìn giữ thực hành lời dạy trong kinh giới, ngay lúc đó người ấy đã ở ngay trước mắt ta.

Nhân đó, đức Phật nói một đoạn kệ có đại ý như sau: Học rộng và nghe nhiều, trì giới được nghiêm tịnh, hiện tại và đời sau tiếng tăm được tốt đẹp, mọi nguyện vọng đều như ý. Học thức đã cạn cợt, thấy nghe không được nhiều, trì giới lại khiếm khuyết, hiện tại và đời sau đều phải gánh chịu khổ đau, cái tâm nguyện ban đầu cũng bị tổn thất, không thể thành tựu.

Học Phật pháp có hai điểm cốt yếu: Thứ nhất cần phải gần gũi bậc thiện tri thức, được nghe nhiều Phật pháp (đây là chú trọng việc nghe). Thứ hai là được an ổn và lý giải nghĩa lý đúng như thật (xem trọng lý giải). Nếu nghe nhiều lại hiểu được chân lý sâu sắc, dù có gặp khó khăn gì cũng không làm những việc sai trái, không có những hành vi không đúng đắn!

Vị thầy uống nước đó sau khi nghe đoạn kệ này xong, cảm thấy hổ thẹn và sợ hãi, hướng về đức Phật đánh lễ xin sám hối, lặng lẽ tự mình kiểm điểm những việc làm đã qua. Vị thầy trì giới được sanh lên cõi trời, nghe hết đoạn kệ, sanh tâm vui mừng không kể xiết, ngay lúc đó đắc được pháp nhãn tịnh, chứng đắc sơ quả, trời và người hiện diện được nghe đức Phật khai thị, tất cả đều phát nguyện y giáo phụng hành.

Câu chuyện này ở trong Thập tụng luật cũng có nội dung giống như vậy, đoạn khởi đầu như nhau, đoạn sau đức Phật nói với thầy Tỳ kheo uống nước có trùng: Ông thật đại dột! Ông muốn nhìn thấy cái xác thân của Thế Tôn để làm gì? Không như thầy Tỳ kheo trì giới thanh tịnh kia, đã nhìn thấy pháp thân của Ta! (người trì giới thanh tịnh, thấy được pháp thân của đức Phật, ông dùng con mắt thịt chẳng qua thấy xác thân của Phật mà thôi). Sau đó, đức Phật lại nói thêm một đoạn kệ, đại ý như sau: Tâm không chuyên tư duy quán sát, thì cái thấy vừa không chính xác vừa không chân thật. Người tham cầu nhìn sắc thân của Thế Tôn, cũng giống như những loài thiêu thân nhào đầu vào lửa! (Những con thiêu thân thấy lửa, chúng chỉ nhìn cái hình, như thế có nghĩa lý gì, nó nhìn thấy không chính xác, không chân thật, cũng chẳng khác nào người kém trí chỉ muốn nhìn cái hình mạo sắc thân này, nhưng pháp lại không lãnh hội được). Sắc thân là nơi hội tụ các thứ không sạch, ông muốn nhìn thấy những thứ ấy có lợi ích gì? Bên trong sắc thân chứa mỡ, máu, thịt... toàn những thứ thô bản, được lớp da mỏng bên ngoài bao bọc lại mà thôi. Thầy Tỳ kheo kia tuy bị đói khát hành hạ, nhưng lại có thể cung kính gìn giữ giới luật thanh tịnh, cho đến chết cũng vẫn chấp trì lời dạy của Phật đà. Nên vị Tỳ kheo giữ giới thanh tịnh đã thấy được pháp thân của Phật, chứ không tham sống sợ chết như ông!

Câu chuyện này có vài điểm đáng để chúng ta ghi nhớ: Thứ nhất cần phải học rộng, nghe nhiều, và thấu hiểu chân thật được nghĩa lý hàm chứa bên trong. Cần phải trì giới nghiêm mật không để đánh mất, thì mới thấy được pháp thân của đức Thế Tôn. Thấy được pháp thân của Ngài so với thấy được xác thân quan trọng bội lần. Mắt của chúng ta là mắt thịt, nên chỉ thấy sắc thân của Thế Tôn. Chúng ta cần phải dùng con mắt trí tuệ mới thể ngộ được pháp thân của Phật. Cũng như thế, lỗ tai chúng ta không chỉ dùng ở nghe kinh mà thôi, mà phải đưa vào trong tâm, lắng lòng để nghe. Ngoài ra, miệng chúng ta niệm Phật, không chỉ niệm bằng cái miệng, thành tiếng mà thôi, hãy niệm bằng tâm. Cũng như vậy, lạy Phật, không phải chỉ lạy bằng thân, mà trong tâm cần phải cung kính, phải khởi tâm thành kính, như đức Phật đang hiện diện trước mặt chúng ta vậy. Và còn nữa, ngoài việc nghe nhiều, hiểu được nghĩa lý càng quan trọng! Nếu nghe nhiều lại thâm nhập được ý nghĩa, thì sẽ không tạo ra hành động phi pháp.

Những lời trên cùng sách tấn quý vị.

Lớp giáo dục mở rộng

Phước Nghiêm - 30.03.2013

---o0o---

BÀI 09: XẢ BỎ TÍNH MẠNG ĐỂ HÀNH TRÌ GIỚI ĐỨC PHẬT CHẾ

Xin chào quý Thầy, Cô cùng toàn thể Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện, câu chuyện này được trích từ kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 269c - 270b.⁹

Trong kinh dạy rằng: Người nội tâm hiền minh lương thiện, thì có thể đem lợi ích an ổn đến tất cả chúng sanh. Cho nên, người trí tuệ cần phải tu dưỡng tâm của mình, thường gìn giữ tâm hiền minh lương thiện.

Trong quá khứ, từng nghe kể, có một số thầy Tỳ kheo và các vị thương buôn ra biển đi tìm bảo vật, cùng ngồi chung trên một chiếc thuyền, trong lúc thuyền đang ra khơi thì bị hỏng. Chiếc thuyền đang trong tình thế chìm dần xuống biển; khi đó có thầy Tỳ kheo trẻ tuổi, chụp được một chiếc phao, nhưng vị thượng tọa người có giới lớn, đến không kịp để chụp lấy phao, nên sắp bị chìm xuống đáy biển. Lúc đó, vị thượng tọa vừa hốt hoảng lại sợ hãi, lo lắng sẽ bị nước biển cuốn đi, nên nói với thầy Tỳ kheo trẻ tuổi: thầy chẳng lẽ không nhớ giới luật mà đức Phật chế sao, phải kính trọng các bậc thượng tọa mới đúng? còn không biết nhanh đưa chiếc phao trên tay cho tôi! Lúc đó, thầy Tỳ kheo trẻ tuổi liền nghĩ: Nếu đúng là đức Thế Tôn có dạy như vậy, thì

những gì mang đến lợi ích an vui thì phải kính nhường, cúng dường vị thượng tọa.

Thầy Tỳ kheo trẻ lại suy nghĩ: nếu bây giờ tôi nhường chiếc phao lại cho vị thượng tọa, thì tôi chắc chắn sẽ bị sóng cuốn trôi và chìm vào trong lòng biển, biển rộng mênh mông, lại sâu đến vô đáy, như thế ngay lúc này tính mạng của tôi không còn được an toàn. Trong khi tuổi tôi còn trẻ, lại vừa mới xuất gia, còn chưa chứng quả. Nghĩ đến đây cảm thấy rất đau buồn. Nhưng bây giờ cũng là lúc tôi phải hy sinh bản thân để cứu vị thượng tọa.

Thầy Tỳ kheo trẻ tuổi suy nghĩ như thế xong, bèn nói lên một đoạn kệ, có nội dung như sau: Tôi vì bảo vệ tính mạng mình tốt, hay giữ gìn lời dạy thù thắng của đức Thế Tôn tốt? Đức Phật đã tích lũy vô lượng công đức, tiếng tốt đã vang khắp mười phương, tôi nên làm theo lời dạy của Ngài thì mới phải! Tôi tại sao phải vì xác thân đê tiện và tầm thường này, mà lại làm ngược lại với lời dạy của bậc thánh nhân? Tôi bây giờ đã thọ nhận giới pháp của Thế Tôn, thì phải quyết tâm giữ gìn cho cùng, dù chết cũng không vi phạm. Vì y vào lời dạy của đức Thế Tôn, tôi hy sinh tính mạng của mình để dâng chiếc phao lên cúng dường thượng tọa. Nếu không làm được những việc khó làm, thì đến cuối cùng cũng không thể nhận được phước báu hiếm có. Nếu tôi cứ giữ lấy chiếc phao trên tay, thì chỉ tránh khỏi gặp nạn trên biển được một lần; Nhưng nếu tôi không nghe lời dạy của đức Phật, thì tôi cứ đắm chìm mãi trong biển lớn của sanh tử luân hồi.

Tôi giờ đây thà bị chết đuối dưới biển, tuy chết nhưng vẫn là người cao thượng; Còn ngược lại, nếu tôi bỏ lời dạy của đức Phật, tức đã vứt đi lợi ích của trời người và an lạc cao nhất ở Niết bàn.

Thầy Tỳ kheo trẻ tuổi nói đoạn kệ xong, liền dâng chiếc phao lên cho vị thượng tọa. Vị thượng tọa vừa nhận chiếc phao trên tay xong, vị thần biển vì quá cảm động bởi việc làm của thầy Tỳ kheo trẻ tuổi, nên đã đưa thầy Tỳ kheo trẻ tuổi vào bờ. Thần biển cung kính chấp tay lại và nói với thầy Tỳ kheo trẻ tuổi rằng: Hôm nay gặp việc quá nguy hiểm, nhưng thầy vẫn nghiêm túc giữ gìn giới luật của đức Phật, nên tôi giờ đây rất muốn nương tựa vào sự giữ giới kiên trì của thầy.. Thần biển nói một đoạn kệ tán thán vị Tỳ kheo trẻ tuổi, có đại ý như sau:

Thầy xứng đáng là vị Tỳ kheo, là người đích thực tu khổ hạnh. Gọi thầy là Sa môn thật xứng đáng và phù hợp (sa môn có nghĩa là không làm các việc ác, điều thiện thân tâm, là người xuất gia tinh tấn tu các thiện pháp). Thầy chính là người xứng danh Sa môn!

Nhờ năng lực phước đức của thầy, nên mọi người cùng đi trên thuyền và tài bảo đều không bị tổn thất bởi đại nạn, tất cả đều được bình an.

Lời phát nguyện của thầy rất vững vàng, kính tin theo lời dạy của đức Phật, thầy là vị trượng phu có đức hạnh cao thượng, có thể trừ bỏ được những hiểm nguy khó khăn, hôm nay, tôi làm sao không hết lòng hộ trì thầy được? (đương nhiên phải tận tâm bảo vệ thầy!)

Nếu đã nhìn thấu được chân đế thì mới giữ gìn tịnh giới, như thế sẽ không khó khăn, thế nhưng phàm phu có thể không phạm giới luật thì mới hy hữu hiếm có làm sao.

Tỳ kheo thân ở nơi môi trường yên ổn, tự thanh tịnh tâm mình, cẩn thận nơi thân, khẩu, ý ba nghiệp, có thể không vi phạm giới cấm, như thế không xem là quá khó; Nhưng nếu chưa chứng được quả vị thánh, mà lại gặp tình huống hoảng hốt sợ hãi mà có thể thực hành lời dạy của đức Phật, để bỏ đi cái cái tính mạng đáng yêu quý nhất, khó làm mà đã làm được, đây mới thật là hy hữu và được hiếm thấy.

Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta: Thầy Tỳ kheo trẻ suy nghĩ như thế, tuy có thể nếu vì mạng sống của mình chụp lấy được chiếc phao hoặc vật cứu đắm, không bị chìm sâu xuống lòng biển. Còn như nếu không nương vào lời đức Phật đã dạy, thì sẽ bị đắm sâu trong biển lớn của sanh tử luân hồi, không phải chìm vào trong những biển lớn thường gặp, mà chìm sâu trong biển sanh tử của luân hồi! Ngay trong lúc chúng ta phải đối diện với cái chết, xin hỏi chúng ta còn cách lựa chọn nào khác? Đã thấy được đạo, đắc được quả vị thánh, mới có đủ năng lực giữ gìn tịnh giới, đây chưa phải thật sự khó; nhưng đối với hạng phàm phu chưa thoát được sanh tử, phần đông ai cũng sợ chết; Phàm phu chưa chứng hàng thánh quả, lúc đối đầu với nguy hiểm tính mạng, nhưng vẫn kiên trì giữ giới, không làm trái lời dạy của đức Phật, mới thật sự là hy hữu và hiếm có!

Có người chỉ biết yêu quý cái thân mạng, nhưng không biết trân quý cái huệ mạng. Nói cho cùng thân mạng và huệ mạng cuối cùng cái nào là đáng quý. Hy vọng chúng ta cùng hiểu lời giáo huấn của đức Phật: thà trì giới mà chết, không cần sống mà phạm giới!

Những lời trên đây chúng ta cùng tinh tấn.

Phước Nghiêm - 25.05.2013

---o0o---

BÀI 10: ĐỨC PHẬT DÙNG BA PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TỰ ĐIỀU PHỤC, VÀ ĐIỀU PHỤC MỌI NGƯỜI

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả quý vị Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện được trích trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ kinh “Pháp Cú Thí Dụ” phẩm Tượng, trong Đại Chánh Tạng quyển số 4, trang 600b - 600c.

Ngày xưa đức Phật trú tại thành Xá Vệ tịnh xá Kỳ Thọ, vì bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam và cận sự nữ có cả trời, rồng, quỷ thần, đế vương, đại thần cùng với người dân trăm họ trong thành khai thị chánh pháp.

Lúc ấy có vị trưởng giả tên Ha Đề Đàm, đến trước đức Phật đánh lễ xong, rồi qua một bên, quỳ xuống chấp tay bạch đức Phật: “Lâu nay con may mắn được nghe giáo pháp của đức Thế Tôn, mong muốn được tận mắt nhìn thấy dung mạo của Ngài, nhưng vì quá bận rộn, không thể thực hiện được, xin đức Thế Tôn rộng lòng khoan dung cho con”. Đức Phật bảo ông ngồi xuống rồi hỏi thăm ông ở đâu? Tên họ là gì?

Ha Đề Đàm bạch: “Con thuộc dòng Cư sĩ, tên là Ha Đề Đàm, trước đây từng làm nghề huấn luyện voi cho quốc vương”.

Đức Phật: “Ông làm thế nào để huấn luyện voi?

Có bao nhiêu cách?”

Cư sĩ: “Con thường huấn luyện voi bằng ba phương pháp, thứ nhất là dùng móc sắt móc vào miệng của voi, rồi dùng dằm và dây da để khống chế (dằm là để trùm lên đầu ngựa hoặc đầu voi để dễ điều khiển hành động của chúng, rồi dùng dây cương buộc lại, vật này gọi là long đầu, cũng gọi là lạc đầu; sau đó dùng dây da buộc quanh thân chúng). Thứ hai là cho chúng ăn ít lại, để chúng yếu đi. Cuối cùng là lấy gậy đánh vào thân thể, cho chúng đau đớn. Phải dùng ba phương pháp này mới huấn luyện được chúng”.

Đức Phật: “Tại sao dùng ba phương pháp này sẽ huấn luyện và điều phục được voi?”

Ha Đề Đàm: “Dùng móc sắt móc miệng, thì mới có thể giữ chặt miệng của voi (đây là khống chế miệng). Tiếp theo không cho chúng ăn no, thì mới có thể khống chế sức mạnh của voi (đây là khống chế về thân). Cuối cùng dùng côn đánh vào thân thể chúng, tức là dẹp bỏ cái tâm ngang tàng của chúng (đây là khống chế ý). Đây là ba phương pháp nhiếp phục thân, khẩu, ý giúp cho việc huấn luyện voi được tốt”.

Đức Phật: “Voi đã được điều phục dùng để làm gì?”

Ha Đề Đàm: “Sau khi điều phục xong, có thể làm kiệu chở vua, cũng có thể đem ra chiến trường chiến đấu, tùy ý điều khiển, tới lui không trở ngại”.

Đức Phật: “Chỉ có những phương pháp này thôi ư? Còn phương pháp nào khác nữa không?”

Ha Đề Đàm: “Điều phục voi chỉ có những phương pháp như thế mà thôi”.

Đức Phật: “Ông giỏi điều phục voi như thế, phải chăng cũng rất giỏi điều phục bản thân mình? Ông nói những phương pháp này chỉ dùng để huấn luyện voi, kỳ thật cũng có thể dùng để điều phục tự thân”.

Ha Đề Đàm: “Con không biết điều phục chính mình có nghĩa gì? Từ trước đến nay chưa từng được nghe qua, cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con”.

Đức Thế Tôn: “Nhu Lai cũng có ba phương pháp, không chỉ áp dụng để chuyển hóa người, mà còn giúp chính mình chứng đắc quả vô sanh giải thoát:

Thứ nhất: Dùng lòng chân thật để thâm nhiếp khẩu nghiệp (không vọng ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi, không ý ngữ; không cần phải dùng móc sắt để không chế miệng voi, mà dùng chân thành để thâm nhiếp khẩu nghiệp).

Thứ hai: Dùng tình thương bình đẳng để điều phục sức mạnh của thân nghiệp (không giống như người huấn luyện voi bắt chúng phải ăn ít lại để cho chúng kiệt sức, không thể phản kháng. Không phải! Nên dùng tâm từ bi để điều phục thân nghiệp).

Thứ ba: Lấy trí tuệ xóa tan màn vô minh che lấp (lấy trí tuệ điều phục ý nghiệp của chúng ta, không như người huấn luyện dùng gậy đánh vào thân thể, để cho khiếp sợ nên mới chịu nghe lời. Không phải như thế! Mà dùng trí tuệ diệt trừ phiền não). Dùng ba phương pháp có thể hóa độ tất cả chúng sanh xa lìa ba đường ác, tự mình cũng có thể chứng đắc vô vi Niết bàn, không còn sa đọa vào vòng của luân hồi tử sanh chịu cảnh khổ đau”.

Đức Thế Tôn bèn nói một đoạn kệ, trong mỗi bộ kinh nội dung không giống nhau, đây là theo trong kinh Pháp Cú Thí Dụ: Ý muốn nói: “Có con voi tên là Hộ Tài, tánh khí nó hung dữ khó điều phục, nên phải dùng chiếc dầm và dây da, cũng không cho chúng ăn no, thế nhưng chúng vẫn ước được làm những con voi rừng tự do”.

Còn trong kinh Pháp Cú: Nghĩa là: “Có một con voi lớn tên là Tài Thủ, tánh nó hung hăng khó huấn luyện, phải dùng dầm và dây da, cũng không cho chúng ăn, nhưng vẫn không điều phục được, vẫn chạy nhảy tán loạn”. (Trong một số kinh điển có đề cập đến, voi khi nhìn thấy voi cái, khởi tâm dâm dục, đuổi theo con voi cái, nên phải dùng dầm và dây da không chế, nhưng vẫn chưa chắc đã giữ được chúng).

Con người chúng ta cũng thế, trước đây hành động theo bản năng của mình, thường làm theo những gì mình muốn, đến nay đã trừ bỏ cái tâm thích phóng dật ấy đi, đã hàng phục được phiền não rồi, cũng giống như người huấn luyện voi lấy móc sắt móc vào miệng của voi vậy.

Vui vẻ tu học chánh đạo, không phóng dật, thường gìn giữ cái tâm, thì mới từ bỏ được cái khổ nơi thân (muốn thân được hết khổ, chúng ta nên hạ thủ công phu từ nơi tâm) cũng như voi được vượt qua chàm bầy, bùn lầy không khác.

Cho dù người huấn luyện có thể huấn luyện được những giống voi hay ngựa tốt, nhưng vẫn không bằng điều phục bản thân mình. Nếu không làm chủ được chính mình, thì khó đạt được đến chỗ an ổn. Chỉ có những người điều phục được chính mình, thì mới tự do đi đến đâu cũng an vui, chứng được Vô úy Niết bàn”.

Ha Đề Đàm nghe xong vô cùng hoan hỷ, cảm nhận sự an lạc thật sâu sắc, trong tâm không còn nghi hoặc, ngay trong giây phút ấy đạt được pháp nhãn chứng đắc sơ quả, và những người đến nghe trong buổi pháp thoại ấy, cũng được chứng đắc kiến đạo.

Câu chuyện này có nhiều điểm để chúng ta phản tỉnh: Người huấn luyện voi có thể dùng thức ăn, móc sắt hoặc gậy để điều phục thân, khẩu và ý của voi, nhưng không chuyển hóa được thân, khẩu và ý của chính mình. Trong thế gian có người sùng bái “anh hùng”, có người ca ngợi “thánh hùng”. Anh hùng là dùng để chỉ cho sức mạnh của thân chinh phục người, còn thánh hùng là dùng trí tuệ để xua tan phiền não cho chính chúng ta.

MỌI NGƯỜI

Anh hùng có thể dùng sức mạnh của thân để chinh phục người khác, nhưng chưa chắc thắng được chính mình; Đại “thánh hùng” đại hùng, đại lực, đại từ bi, không những giúp cho mình tự đoạn trừ được phiền não, mà còn cứu giúp cho chúng sanh được an vui giải thoát.

Thay vì dùng những biện pháp cứng nhắc để chinh phục người, thì hãy lấy trí tuệ để chuyển hóa chính mình.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực tinh tấn.

Nói thêm một chút: Đại hùng, chúng ta nói đến “đại hùng”, mọi người đừng nghĩ đến “đại hùng Tiểu Đỉnh Đàng”. Ở trong chùa đều có đại hùng bảo điện, có đúng không?

Hai chữ “đại hùng” là chỉ cho đại hùng, đại lực, đại từ bi, cho nên đại hùng cũng chính là danh hiệu của đức Phật. Đức Phật an trụ trong bảo điện, cho nên gọi là “đại hùng bảo điện” đừng có nghĩ đến Tiểu Đỉnh Đàng.

Phước Nghiêm - 23.3.2013

BÀI 11: NGÃ MẠN TUY TỰ CAO, NHƯNG THẬT TẾ LÀ HẠ THẤP

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả quý vị Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị, một câu chuyện được trích trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 299b - 301a.

Trong kinh có dạy, khi chúng ta khởi tâm kiêu ngạo, sẽ dễ dàng tạo ra vô số ác nghiệp. Người có tâm kiêu ngạo luôn cho rằng mình hơn người, nên thường chiêu cảm những tiếng xấu và quả báo tồi tệ, ngược lại mình khiêm cung, thì hay chiêu cảm tiếng thơm và quả báo tốt, do đó chúng ta nên phải trừ bỏ kiêu ngạo.

Chúng ta đều biết, đức Phật thành đạo không bao lâu, đã độ anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp và hàng ngàn quyến thuộc. Những vị này đã đoạn trừ phiền não, râu tóc tự rụng phát nguyện xuất gia, cùng đức Phật đi đến thành Ca Tỳ La Vệ. Lúc đó, vua Duyệt Đầu Đàn (vua Tịnh Phạn – phụ thân của đức Thế Tôn) đã được sự giáo hóa của đức Phật, tính tình nhu nhuyễn và hòa thuận; Nhưng những người khác thuộc giòng họ Thích Ca vẫn cho rằng mình thuộc giòng tộc cao quý, sanh tâm kiêu ngạo. Do pháp tướng của đức Phật rất trang nghiêm, dáng người cân đối vừa phải, nhìn thấy không ai mà không thích; Nhưng những người đệ tử bên cạnh Ngài, phần nhiều là những vị thuộc giòng tộc Bà la môn đã tu khổ hạnh từ lâu, nên thân thể họ có phần tiêu tụy; Tuy trong tâm họ đong đầy pháp vị, nhưng dung mạo bên ngoài hiển hiện rất tiêu tụy, xấu xí; với hình dạng như thế mà bên cạnh đức Phật, thì trong con mắt của người thế tục, hoàn toàn không một chút cân xứng.

Lúc ấy, vua Tịnh Phạn trong lòng suy nghĩ: có thể kêu gọi một số người thuộc giòng tộc Thích Ca theo đức Phật xuất gia, nếu được như thế, xem ra sẽ rất cân xứng! Bởi vì người thuộc giòng họ Thích Ca đều là hoàng cung quý tộc, ăn uống đầy đủ, tướng mạo tuấn tú khôi ngô, như thế đi cùng đức Phật sẽ thích hợp hơn. Sau khi suy nghĩ cẩn thận, vua bèn cho đánh trống kêu loa: Đức vua hạ lệnh, giòng họ Thích Ca mỗi gia đình cần phải cử một người, theo đức Phật xuất gia. Lúc đó, tuân thủ theo mệnh lệnh của đức vua, mỗi gia đình đề xuất ra một người đi xuất gia. Nhưng xuất gia thì phải xuống tóc, nên người thợ cắt tóc Ưu Ba Ly, trong lúc cạo tóc cho những người trong giòng tộc Thích Ca trong lòng buồn rầu không vui, khóc không ngớt. Những vị này thấy thế liền hỏi Ưu Ba Ly: Tại sao người khóc?

Ưu Ba Ly đáp: Bây giờ quý vị đi xuất gia rồi, sau này tôi biết làm gì để kiếm sống đây? Những vị chuẩn bị xuất gia nghe thế, bèn cời tất cả y phục, anh lạc và những thứ trang sức quý mang trên thân xuống, để lại một đồng

tài sản, toàn bộ tặng lại Ưu Ba Ly, và nói: Những món báu đủ loại này có thể nuôi sống ông đến hết cuộc đời!

Ưu Ba Ly nghe xong, liền sanh tâm nhàm chán, nói với họ rằng: Quý vị bây giờ mỗi người đều vứt bỏ các thứ trân bảo và trang sức để xuất gia, thì tại sao tôi lại lấy những thứ ấy?

Sau đó, Ưu Ba Ly nói một đoạn kệ có đại ý như sau: Quý vị giòng họ Thích Ca buông xuống các bảo vật, chẳng khác nào vứt bỏ rác thải, cỏ dại và lá rụng, các loại bảo vật yêu quý nhất quý vị còn không cần, thì tôi tại sao làm ngược lại đi tham cầu và cất giữ chúng chứ?

Tôi nếu cất giữ các thứ bảo vật này, trong tâm sẽ khởi tham đắm, chấp chặt những thứ này là của tôi có được, như thế sẽ là mối họa lớn.

Quý vị giòng họ Thích Ca đã buông xuống những ưu buồn khổ não từ trân bảo, nếu tôi nhận lấy, thì tôi đã chuốc lấy những lỗi lầm và hoạn nạn.

Chẳng khác nào có người ói ra một đồng thức ăn, con chó bèn chạy đến ăn; cũng thế, nếu tôi cất giữ của người khác bỏ đi, thì tôi và con chó có khác gì nhau?

Bây giờ, tôi rất sợ đồng bảo vật này, cũng giống như muốn xa lìa bốn loại độc: sinh, lão, bệnh, tử ở thế gian này vậy, từ trong tâm tôi thiện căn đã trỗi dậy, không có một chút luyến tiếc đồng bảo vật ở trước mắt.

Tôi giờ đây muốn từ bỏ những món báu vật này, tôi muốn tìm đến nơi Thế Tôn đang cư trú, xin Ngài cho tôi được cùng xuất gia.

Ưu Ba Ly nói xong bài kệ, ông lại nói tiếp: Nhìn thấy người khác cầu diệu pháp thù thắng, tôi bắt đầu khởi lòng cung kính muốn hướng theo, cầu mong cho tôi cũng được như họ không khác, cùng nhau thành tựu nhân duyên thù thắng. Tôi giờ đây cũng muốn được làm đệ tử đức Phật, cần phải nỗ lực chuẩn bị cho việc xuất gia.

Nói xong, ông lại suy nghĩ: Mình bây giờ quyết tâm xuất gia, thì cần phải hết lòng thiết tha. Một ngàn vị thuộc giòng họ Bà la môn đã xuất gia ở trong Tăng chúng. Thích Ca chủng tộc dòng Sát lợi có khoảng năm trăm người xuất gia. Bà la môn và Sát lợi là hai dòng tộc tôn quý, còn tôi không chỉ là thuộc dòng Thủ đà la thấp hèn (tầng lớp nô lệ) lại làm công việc thấp kém, không biết có được may mắn cùng xuất gia với những người thuộc dòng họ cao quý như họ không, có được cơ hội xuất gia trong suối nguồn Phật pháp không? Giờ đây mình làm sao để có thể đến trước đức Thế Tôn xin được xuất gia đây?

Ông lại nói một đoạn kệ khác, có đại ý như sau: chúng tánh Sát lợi trong sạch không dơ bẩn, chúng học Bà la môn rộng lại nghe nhiều, họ giống như được xuất thân từ châu bảo ma ni, họ hội tụ về đây. Còn tôi xuất thân từ giai cấp Thủ đà la, làm sao có thể tham gia cùng họ được? Tôi giống như là những mảnh sắt rỉ vụn nát, trộn lẫn trong vàng. Tôi từng nghe đức Thế Tôn có đầy đủ nhất thiết chủng trí, giờ đây tôi nên đến trước đức Phật, bậc đại từ bi thương yêu hết thảy chúng sanh. Chỉ có đức Thế Tôn mới thật biết được, cái gì không thể tịnh hóa, ai có thể xuất gia, người nào không thể xuất gia. Những người ngoại đạo đều không thể hiểu được pháp giải thoát kỳ diệu, chỉ có người không còn bị phiền não, mới có đủ khả năng như thật biết được làm thế nào để giải thoát.

Ưu Ba Ly nói bài kệ xong, đến trước đức Phật, quỳ xuống chấp tay, mặt áp sát đất, rồi nói đoạn kệ, có nội dung như sau: Bà la môn, Sát để lợi, Phệ xá, Thủ đà la, những người sanh vào trong bốn giai cấp này, có phải ai cũng được quyền xuất gia? Sự an vui của giải thoát Niết bàn, giai cấp Thủ đà la như con có đạt được không?

Đức Phật! Ngài là bậc thánh cứu độ hết thảy chúng sanh trong thế gian, lòng từ bi bình đẳng rộng khắp, xin thương xót chấp nhận cho con được vào hàng ngũ xuất gia. Lúc đó, đức Thế Tôn biết được tâm lòng của Ưu Ba Ly đã nhu nhuyễn hòa thuận, thiện căn đã thuần thực, có thể hóa độ, bèn dùng cánh tay phải trang nghiêm xoa lên đầu của Ưu Ba Ly và nói rằng: Cho phép ông xuất gia. Ngoại đạo truyền thọ pháp bí mật, đệ tử không dễ gì biết được, nhưng Như Lai không như thế! Lòng từ bi của đức Phật không chút riêng biệt, vì chúng sanh nói pháp trước sau bình đẳng, hướng dẫn cho chúng sanh phương pháp thực hành chánh pháp thù thắng, và cứu độ tất cả chúng sanh; Cũng như ở trong chợ mua bán, không có chọn lựa khách hàng nghèo giàu, thân phận giai cấp tôn quý hay thấp hèn. Giáo pháp của đức Phật cũng như thế, không phân biệt chủng tộc, chỉ cần có tâm, đều có thể tu học.

Nhân đó đức Phật nói lên một đoạn kệ, có đại ý như thế này: Người dù đói khát như thế nào đi nữa, chỉ cần kịp thời ăn thức ăn bổ dưỡng, uống nước tinh khiết, chắc chắn sẽ bổ sung thể lực đang suy yếu. Bất kể là ai, cầm đèn sáng trên tay, thì sẽ xua tan bóng tối. Đức Phật có đầy đủ chủng trí, diệu pháp, truyền khắp đến tất cả chúng sanh, bất kể người nào, chỉ cần nương vào pháp mà tu tập, thì làm sao không chứng đắc diệu nghĩa thù thắng được chứ? Như người dùng đường phèn, bất kể là quý phái hay bần cùng, đều có công năng trừ phong thấp. Không kể là sanh vào chủng tộc Sát Lợi hay Bà la môn, ở trong Phật pháp đều bình đẳng không khác nhau; có khả năng dứt khổ trong ba cõi không có cái gì khác nhau. Lại có ví dụ ba loại thuốc, có thể trị được bệnh gió, bệnh sốt lạnh và bệnh sốt nóng, bản thân của thuốc không

có chọn lựa giai cấp, bất luận là xuất thân là giòng tộc nào, giàu sang hay hèn hạ, thuốc đều có tác dụng trị bệnh như nhau. Thuốc giáo Pháp nhà Phật cũng như thế, có thể trị sạch ba loại độc tham, sân, si; Chúng sanh thuộc bốn giai cấp khác nhau, nếu sử dụng thuốc giáo pháp ấy để điều trị, thì ba loại độc tham, sân, si cũng được rửa sạch như nhau, không vì giai cấp mà có công hiệu khác nhau.

Cũng như lấy lửa đốt đồ vật, lửa cũng không có chọn gỗ tốt và củi mục, đều bị thiêu đốt như nhau. Như rắn độc và trùng độc cắn người cũng như thế không có phân biệt giàu nghèo, chỉ gặp người là cắn. Cũng giống như dùng nước để tắm, cả bốn giai cấp đều được tắm gội sạch sẽ không còn dơ bẩn. Chỉ cần đoạn tận gốc rễ của khổ, loại người nào cũng có thể vượt ngoài ba giới đến với giải thoát. Lúc ấy, đức Thế Tôn như bầu trời trong xanh không chút gợn mây, phát ra tiếng vang vọng như tiếng sấm, âm thanh vang dội vừa sâu và xa, không khác gì đại long vương và ngư vương, cũng giống âm thanh kỳ diệu của chim ca lãng tã già, tiếng ong chúa, lại như tiếng quốc vương, cũng giống như tiếng âm nhạc ở trên trời, đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm âm hỏi Ưu Ba Ly: Ông muốn xuất gia chăng?

Ưu Ba Ly nghe đức Phật hỏi, trong lòng tràn ngập vui sướng, chấp tay cung kính hướng về phía đức Phật đáp: Con rất vui mừng nếu được xuất gia.

Đức Phật nói với ông ta: Ưu Ba Ly! Đến đây Tỳ kheo! Bây giờ ông có thể ở đây chuyên cần tu phạm hạnh.

Vừa nghe được tiếng của đức Phật, râu tóc của Ưu Ba Ly tự rơi rụng, áo cà sa được khoác lên, uy nghi đoan chánh đầy đủ, giữ gìn các căn, sáu căn tịch tịnh an định, chẳng khác nào thầy Tỳ kheo xuất gia đã lâu. Ngược lại, năm trăm vị thuộc giòng họ Thích Ca phải trải qua một lần trình bày ba lần đồng ý mới thọ được giới cụ túc làm vị sa môn.

Đức Phật nói: Giờ đây Như Lai phải dùng pháp phương tiện để trừ đi tâm cao ngạo của những vị Tỳ kheo mới xuất gia thuộc giòng họ Thích Ca. Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các vị tân Tỳ kheo: Bây giờ các thầy nên đến đánh lễ các thầy Tỳ kheo xuất gia trước. Đại chúng theo thứ tự đánh lễ thầy Tỳ kheo Kiều Trần Như, A Tỳ Mã Sư... ở hàng trên, từ người có tuổi hạ cao đến người có tuổi hạ thấp, chỉ có Ưu Ba Ly xuất gia chưa được bao lâu, nên ngồi hàng dưới. Thích Hiền Vương là trưởng nhóm tân Tỳ kheo thuộc giòng họ Thích Ca, bèn hướng dẫn đại chúng đánh lễ từng vị trưởng lão.

Lúc đó, các vị tân Tỳ kheo vâng theo lời dạy của đức Thế Tôn, lần lượt theo thứ lớp đánh lễ, lúc đến đánh lễ thầy Tỳ kheo Ưu Ba Ly, vừa nhìn thấy bàn chân của thầy: Kỳ lạ! Tại sao lại không giống với các thầy khác? Bèn ngẩng đầu nhìn khuôn mặt của thầy Tỳ kheo Ưu Ba Ly. Khi nhìn thấy thầy Tỳ kheo

Ưu Ba Ly, họ vô cùng ngạc nhiên, cử chỉ của họ như nước từ trên đỉnh núi đổ xuống đập mạnh vào những vách đá tạo nên sóng vẩy, kinh ngạc vô cùng, bèn nói: Chúng ta sanh ra trong giai cấp Sát Lợi, thuộc giòng họ Thích Ca, được người đời tôn kính, hôm nay, tại sao phải đánh lễ người nô tỳ của mình chứ? Ưu Ba Ly là người thuộc giai cấp thấp hèn, ông ta làm nghề cắt tóc để nuôi thân! Tại sao chúng ta lại đánh lễ ông ta? Chúng ta nên trình bày suy nghĩ của mình lên đức Thế Tôn. Lúc ấy, họ hỏi đức Phật: Đến cả Ưu Ba Ly chúng con cũng phải đánh lễ sao? Đức Phật bảo các thầy tân Tỳ kheo rằng: Ưu Ba Ly giờ đây đã xuất gia rồi, là sa môn giòng họ Thích Ca (không còn như thế tục phân bốn giai cấp. Là sa môn họ Thích Ca. Các thầy đừng nghĩ rằng, mình cùng Như Lai xuất thân giòng Thích Ca Sát Lợi, hôm nay các thầy đã cùng theo Như Lai tu học rồi. Trong nhà Phật thì đều bình đẳng như nhau, đồng là sa môn giòng họ Thích Ca, không nên mang tâm phân biệt giai cấp như người thế gian), đánh lễ như thế sẽ giúp các thầy xóa đi cái tính cao ngạo.

Lúc đó, các thầy tân Tỳ kheo bạch đức Phật rằng: Ưu Ba Ly là người thuộc giai cấp Thủ Đà La!

Đức Phật bảo với họ rằng: Tất cả những gì trong thế gian đều vô thường biến đổi, giòng họ cũng không cố định, tất cả chúng ta ở trong vô thường thì đều bình đẳng như nhau, giòng tộc cũng thế, đều bị vô thường chi phối có khác gì đâu?

Lúc đó, các vị tân Tỳ kheo lại hướng về đức Phật bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ưu Ba Ly là người là hạng người hót tóc thuê, chúng ta xuất thân từ giòng giống quý tộc, tại sao phải đánh lễ ông ấy?

Đức Thế Tôn nói với những vị tân Tỳ kheo này rằng: Những gì trong thế gian đều như mộng, như huyễn, giữa những giai cấp có gì khác biệt?

Những vị này lại bạch đức Phật: Ưu Ba Ly là nô lệ, chúng ta là chủ!

Đức Phật đáp: Tất cả người trong thế gian đều vì ân ái mà làm nô lệ của sanh và tử, trước khi vượt ra ngoài sanh tử, thì sang và hèn không sai khác (bất kể phú quý hay bần cùng, mọi người đều phải ở trong luân hồi tam giới, không phải đều chìm trong đó để chịu khổ sao, đều là những kẻ nô lệ của sanh tử luân hồi) hãy buông bỏ tâm ngạo mạn của các thầy đi!

Lúc ấy, các thầy tân Tỳ kheo, nghe đức Phật khai thị xong, vô cùng trang nghiêm, rạng rỡ như một đóa hoa đang nở, tuy hướng về phía đức Thế Tôn chấp tay, nhưng trong lòng vẫn còn sự hoài nghi, nên tiếp tục bạch đức Thế Tôn: Chúng con nhất định phải đánh lễ Ưu Ba Ly sao?

Đức Phật dạy: Không phải chỉ có pháp xuất gia của ta là như thế, mà pháp xuất gia của chư Phật trong quá khứ đều như thế, không có ngoại lệ.

Lúc bấy giờ, các thầy tân Tỳ kheo, lại một lần nữa nghe đức Phật giảng giải giới pháp xuất gia của chư Phật, nghiêm trang đứng ngay thẳng, thanh tịnh, như các tán lá không có gió thổi làm lay động, nhưng trong lòng vẫn còn buồn phiền, đồng thanh cất tiếng: Sao chúng ta có thể làm trái lời dạy của đức Phật được, chúng ta cần phải y theo sự dẫn dắt của Ngài.

Các bậc Thánh hiền dạy rằng: Sở dĩ đức Phật độ Ưu Ba Ly trước, mục đích là hy vọng dẹp bỏ tánh ngạo mạn của những vị tân Tỳ kheo thuộc chủng tộc Thích Ca.

Các vị tân Tỳ kheo bỏ được tâm ngạo mạn, tùy thuận vào giới pháp xuất gia của đức Phật, cũng là tấm gương sáng cho những người tôn quý xuất gia sau này, vì muốn giúp họ có thể thuận theo giới pháp mà tu tập.

Bạt Đà Thích tuy là người có tập khí ngạo mạn sâu dày, nhưng giờ đây đã nhỏ tận gốc cái tánh cống cao ấy, đối trước thầy Ưu Ba Ly cung kính đánh lễ. Ngay khi đánh lễ, làm chấn động cả sơn hà đại địa, chư thiên khen ngợi: Hôm nay, các vị tân Tỳ kheo của giòng họ Thích Ca, núi cống cao đã sụp đổ rồi! Sau đó, họ nói tiếp một đoạn kệ, có đại ý: Hoan hô! Buông xuống tánh kiêu mạn, giòng họ cao quý, dung mạo, quyền lực và phú quý, theo sự hướng dẫn của Thế Tôn, chẳng khác nào cỏ, cây đều ngã nghiêng theo chiều của gió. Giòng họ tôn quý Sát lợi giờ đây có thể đánh lễ Ưu Ba Ly, trút bỏ đi tánh cao ngạo, khiến cho các căn được tĩnh lặng trong sạch.

Những con người ưu tú, sống chân thật, không nịnh hót, không gian dối, phước đức và lợi ích, nhiều đức tánh đã viên mãn, số nhiều như rừng tre. Người có tiếng tốt như Bà la môn, tôn quý như giòng Sát lợi..., những người có đầy đủ các đức tính tốt, có thể dựa vào hàng ngũ tịch tịnh của bậc thánh. Các bậc thánh trang nghiêm, chẳng khác nào những ngôi sao bao quanh mặt trăng, trải rộng khắp bầu trời. Ôi! Đây chính là nơi mà ánh sáng Phật pháp rực rỡ nhất.

Biển lớn trí tuệ của chư Phật, nước công đức tôn quý không gì bằng, trong suốt và tròn đầy ở trong đó, là nơi quy hướng của các dòng sông.

Trí tuệ thù thắng trong nhân gian, không có gì không hướng về Phật pháp. Một khi đã quay về Phật pháp, chúng sanh bị đọa trong ba đường ác được giảm dần và số người được sanh cõi người, cõi trời được tăng lên, tiến xa hơn nữa, có thể quán chiếu về khổ mà được giải thoát ra khỏi ba cõi.

Đức Như Lai có năng lực thiện xảo phân biệt căn tánh của chúng sanh, nói diệu pháp diệt tâm ngạo mạn, chúng đệ tử đều chứng được giải thoát như nhau, như nước trong biển cùng có một vị mặn.

Nguyên nhân nào đức Thế Tôn chỉ dạy đến vấn đề này? Phật pháp hiện hữu ở thế gian, là vì muốn tận trừ gốc rễ công cao của chúng sanh.

Câu chuyện này có vài điểm đáng ghi nhớ:

Thuốc không chọn lựa giòng tộc, cao sang hay thấp hèn đều chữa trị. Liều thuốc giáo Pháp cũng như thế, có thể trị khỏi được tham, sân và si. Đặc tính của thuốc không chọn thân phận của người bệnh giàu sang hay nghèo khó, đều bình đẳng trị liệu. Liều thuốc giáo Pháp của đức Phật cũng thế, không phân biệt quý phái hay bần cùng, không phân biệt tại gia và xuất gia, đều có thể trị lành các thứ độc như tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, hoài nghi... các bệnh phiền não, vấn đề là chúng sanh có nghe theo lời giáo huấn để thực tập, có tinh tấn thực tập chuyên cần hay không?

Ở Ấn Độ từ xưa đến nay đều có phân chia bốn giai cấp:

Thứ nhất là giai cấp Bà la môn, thuộc hàng tăng lữ hoặc là nhà tôn giáo.

Thứ hai là giai cấp Sát lợi, thuộc vương tộc người cầm nắm chính trị và chỉ huy quân sự.

Thứ ba là Phệ xá, gồm người làm nông nghiệp, làm công nhân hay thương nhân.

Thứ tư là Thủ đà la, là tầng lớp nô lệ thấp hèn nhất.

Đức Thế Tôn vốn xuất thân trong vương tộc, thuộc giòng Sát lợi, nhưng Ngài lại phủ định sự phân biệt giai cấp, mà chấp nhận người thuộc tất cả mọi tầng lớp xuất gia. Chúng ta thấy Ưu Ba Ly được sanh ra trong gia đình của Thủ đà la, là tầng lớp nô lệ, sự giáo dục cũng không được nhiều. Thế nhưng, đức Phật nào có phân biệt giai cấp, đều bình đẳng tiếp nhận, sau này Ưu Ba Ly còn trở thành một trong mười vị đệ tử xuất sắc của Tăng đoàn, là vị Thanh văn trì giới đệ nhất, từ đây chúng ta cũng có thể hiểu rằng trí tuệ và tâm từ bi của đức Thế Tôn thật rộng lớn và siêu việt!

Ưu Ba Ly cũng thật hiếm thấy, thầy không vì sự nghèo khó mà tham đắm những bảo vật của dòng họ Thích Ca. Ngài đưa ra ví dụ: như có người ói thức ăn ra dơ bẩn, con chó đến ăn ngấu nghiến, còn tôi tham lượm đồ của người khác vứt bỏ, thì có khác gì con chó kia?

Đoạn kinh này, chủ yếu muốn nhắc nhở chúng ta, có người muốn so sánh sự sang hèn, so sánh địa vị, sắc đẹp, tiền tài, chức vụ, thông minh, thành tích, tu hành, đến cả nhãn hiệu vật phẩm sử dụng cũng mang ra so sánh. Có người

trẻ còn so sánh: Ôi! chiếc điện thoại của tôi là dáng hình siêu mỏng và linh hoạt, còn chiếc của anh cùi bắp chậm như rùa bệnh. Cứ thế mà không ngừng hơn thua, người có tính ngạo mạn thích xem mình cao hơn người, nhưng thực chất đã tự hạ thấp mình.

Trong luận Tỳ bà sa nói đến phiền não của ngã mạn, thảo luận phân tích rất chi tiết, trong đó có phân làm bảy loại mạn:¹⁰

Thứ nhất là mạn, mình chỉ hơn người một chút, mà tự cho rằng mình rất tuyệt vời, tâm kêu căng liền trôi lên.

Thứ hai là quá mạn, có người ngang mình, nhưng tự mình xưng lên cho mình hơn người, hoặc có người rõ ràng vượt trội mình, nhưng lại cho rằng người kia chỉ bằng mình là cùng, nên gọi là quá mạn.

Thứ ba mạn quá mạn, đối với người vượt trội mình, bèn nghĩ ngược lại, đĩnh ninh đối phương thua kém hơn.

Thứ tư ngã mạn, là đối với thân thể năm uẩn giả hợp, chấp là mình, là của mình.

Thứ năm tăng thượng mạn, chưa chứng đắc thiền định, hoặc chưa chứng được quả vị, mà cho rằng tự thân đã chứng đắc, nên gọi là tăng thượng mạn.

Thứ sáu là ty mạn, có người tài giỏi vượt trội bản thân, ưu tú cũng hơn mình, lại cho rằng, tôi chỉ thua người đó có một tí tẹo, không đáng kể, loại này gọi là ty mạn.

Thứ bảy tà mạn, vốn là không có công đức gì, thế nhưng tự mình cho rằng có công đức.

Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta ngoài tham, sân, si, ra còn có tâm ngạo mạn và hoài nghi. Những thứ phiền não này sẽ làm chướng ngại con đường tu học của chúng ta, chúng ta cần phải hết lòng quán chiếu, và nỗ lực trừ bỏ.

Chúng ta cùng tinh tấn!

Phước Nghiêm - 06.04. 2013

---o0o---

BÀI 12: NGƯỜI TRÍ NÊN CUNG KÍNH NGƯỜI ĐỨC HẠNH

Xin chào quý Thầy, quý Cô và toàn thể Phật tử!

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị, một câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 302c - 304a.

Người chân chính có đức hạnh nên được cúng dường, là người xứng đáng để người trí tôn kính.

Ngày xưa, có đức vua nước A Việt Đề tên là Nhân Đề Bạt Ma. Đức vua có một người em tên là Tu Lợi Bạt Ma, vì muốn tranh giành ngôi vua, nên hai anh em thường khởi quân đánh nhau.

Có một lần, Tu Lợi Bạt Ma dùng một tấm lưới săn thú lớn, trùm lên đầu của anh mình, sau đó xiết chặt tấm lưới. Nhân Đề Bạt Ma trong lòng rất hoảng hốt, ngay lúc đó liền phát nguyện: Nếu hôm nay được thoát chết, tôi sẽ tổ chức cúng dường bình đẳng theo lễ nghi của Phật giáo, không kể là người tại gia, kẻ phạm phu, hàng thánh nhân, nghèo hèn hay tôn quý, đều bố thí cúng dường.

Đức vua phát nguyện xong, tức khắc những sợi dây của lưới bị đứt ngang; từ đó đức vua đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng càng có niềm tin vững vàng, sanh tâm cung kính, hạ lệnh cho đại thần Phù Giả Diên Mật Đa, chuẩn bị cho đại hội cúng dường.

Đại thần tuân theo lệnh của đức vua, tổ chức đại hội bình đẳng bố thí và cúng dường, vật phẩm cúng dường đại chúng toàn là những vật thực quý hiếm.

Lúc bấy giờ, đại thần ngồi gần bên cạnh các vị thượng tọa, nhìn thấy một vị thượng tọa chừa lại trong bát một nửa phần thức ăn; Vị ấy chúc phúc cho thí chủ xong, liền trút thức ăn còn lại vào chiếc bình bát của mình, sau đó rời khỏi chỗ ngồi, tình hình cứ liên tiếp diễn ra. Đại thần thấy cử chỉ của thầy Tỳ kheo như thế, khởi tâm bất tín Tam bảo, trong lòng suy nghĩ, thầy Tỳ kheo này, chắc chắn là không thanh tịnh rồi. Nên mang sự việc này kể cho đức vua nghe.

Đức vua hỏi: Ông có niềm tin rất sâu nơi Tam bảo Phật, Pháp, Tăng chăng?

Đại thần đáp: Một chút niềm tin cũng không có! Vì sao, vì nhìn thấy hành động chừa một nửa thức ăn rồi đứng lên rời khỏi đạo tràng của thầy Tỳ kheo. Vị này chắc chắn muốn mang thức ăn về cho người đàn bà của ông ấy, vì thế mà tôi sanh tâm hoài nghi.

Đức vua nghe xong đầu đuôi câu chuyện, vội vàng bịt hai tai lại, nói với đại thần rằng: Không nên nói những lời như thế! Ông không thể tùy tiện đánh giá người khác như thế. Ông không có đủ trí tuệ, thì làm sao mà nhận xét những người trước mắt là người như thế nào? Làm sao biết được chính xác như lời đức Phật đã dạy: Nếu tùy tiện phê bình chúng sanh, thì sẽ làm tổn hại đến bản thân. Ông đừng có sanh những suy nghĩ tà kiến điên đảo như thế nữa.

Đức vua bèn nói một đoạn kệ, có đại ý như sau: Giới, định và tuệ có công năng diệt trừ phiền não, cần phải nghe nhiều chánh pháp mới có thể ngộ được trí tuệ, vị này là đệ tử của đức Thế Tôn, ẩn tàng nhiều công đức, giống như than lửa được vùi trong tro.

Thế Tôn đã từng nói với một vị đã trải qua thời gian dài riêng an trú tu tập trí tuệ và giữ giới thanh tịnh: Ông không sống chung với người khác, thì làm sao biết rõ hành vi của họ được?

Đức Phật đã từng dùng trái am la để làm ẩn dụ cho bốn hạng người:

Hạng người thứ nhất: Nhìn bên ngoài trái am la như đã chín, nhưng thực chất bên trong nó vẫn còn sống; Cũng như có vị Tỳ kheo, nhìn bên ngoài có vẻ tu hành rất nghiêm túc, nhưng ngược lại trong lòng chứa đầy phiền não tham, sân, si, phá giới, hành vi bất thiện.

Hạng thứ hai: Trái am la nhìn bên ngoài có vẻ như còn sống, nhưng kỳ thực đã chín muồi; cũng như có Tỳ kheo nhìn bên ngoài trông có vẻ thô tháo không có oai nghi, hình tướng cũng không được trang nghiêm, nhưng bên trong lại có đủ giới hạnh, thiền định và trí tuệ của người xuất gia.

Hạng người thứ ba: Trái am la bên ngoài và trong đều vẫn còn sống; cũng như thầy Tỳ kheo hình thức ngoài thô tháo nội tâm chứa đầy các loại phiền não tham, sân, si và lòng đố kỵ v.v..

Hạng người thứ tư: Như trái am la trong ngoài đã chín muồi; cũng như một thầy Tỳ kheo từ hình thức đến nội tâm đã thuần thực thiền định, trí tuệ và giới hạnh được thanh tịnh. Chỉ những bậc Điều ngự trượng phu như đức Phật thì mới có thể nhìn thấy rõ ràng căn tánh của mỗi chúng sanh.

Đức Phật cũng từng nói: Chỉ có bậc ngang hàng với đức Phật, mới có thể đánh giá được người khác. Vì thế ông không nên tùy tiện phán xét đệ tử của đức Thế Tôn, không nên sanh tâm vọng tưởng phân biệt. Như có bảo vật bị chôn vùi trong cát, vì bị cát phủ kín trên mặt, thì ai mà biết được trong đất có chứa bảo vật?

Bây giờ, ông không cần thiết phải đến cúng dường, để tôi đến trước tìm hiểu xem; Bắt đầu từ hôm nay, tôi đích thân đến cúng dường chúng Tăng. Người thiếu hiểu biết, nghe Phật pháp, do sanh tâm nghi hoặc, lấy liều thuốc giáo pháp cho rằng là độc dược.

Từ đó, đức vua tự thân đến cúng dường đại chúng Tỳ kheo, tự tay rót cơm và gấp thức ăn dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, vị thượng tọa cũng như mọi hôm, giữ lại một nửa phần ăn, chúc phúc thí chủ xong, cầm bát lên rồi ra về.

Đức vua vội vàng chạy theo, và thưa cùng vị thượng tọa rằng: Thượng tọa, tuổi ngài đã cao, có thể để tôi giúp ngài ôm bình bát không.

Vị thượng tọa không nhận ý tốt của vua, không giao bình bát cho vua; nhưng đức vua nằng nặc muốn được ôm bát giúp thầy Tỳ kheo, nhưng vị thượng tọa vẫn không nhường bát cho đức vua ôm hai người đi thẳng về phía thôn Chân đà la. Lúc ấy, vị thượng tọa nói đoạn kệ, có đại ý: Tôi biết ông có lòng tin Tam bảo rất thanh tịnh, có lòng Từ bi thương xót, có thể cứu giúp, hóa độ chúng sanh. Ngài tuy sinh ra trong ngũ trược ác thế, nhưng dung mạo và cử chỉ của Ngài vô cùng nghiêm túc, cẩn thận và trang trọng. Ngày xưa, có nhiều vị vua có tiếng tăm, nhưng họ còn lâu mới sánh được với Ngài. Đức vua không hiểu được sự trì giới thanh tịnh của tôi, mà chỉ nhìn thấy hình tướng xuất gia của tôi. Trước đây, chúng ta chưa từng giao du với nhau, cũng chẳng có ân oán gì nhau để đền trả, nhưng Ngài lại một lòng thương yêu và tôn kính tôi, chẳng khác nào đang đền đáp công ơn dưỡng dục của chính cha mẹ mình, thậm chí còn hơn thế nữa.

Tuy tôi không thể thấy được trong lòng của Ngài, nhưng sáu căn của Ngài điễm đạm hòa nhã; chẳng khác nào mặt trời đã lên cao, nhưng bị lớp mây dày đặc đang phủ kín, không nhìn thấy được. Mặt trời tuy đã bị mây che lại, nhưng chỉ cần nhìn những đóa hoa đang nở, thì cũng biết được mặt trời vẫn đang hiện hữu.

Khó có vị quốc vương nào mà có niềm tin Tam bảo vững vàng như Ngài, điều này thật là kỳ diệu, từ trước chưa từng thấy qua. Ngài có thể khiêm tốn, cung kính hạ mình xuống, muốn giúp tôi ôm bình bát; Ngài đầy đủ phước báu có đầy đủ vinh hoa phú quý, mà không có tâm kiêu ngạo, phóng túng. Đa phần các quốc vương sau khi được nắm quyền lực trong tay, thường bị tâm kiêu căng ngỗ mạn làm mờ mắt, nên tạo nhiều ác nghiệp, dẫn đến sự suy đồi thảm bại.

Ngài có sức mạnh của trí tuệ, hiểu được vật chất là thứ không tồn tại lâu dài lại biết phát tâm bố thí cúng dường; có thể quan sát được sắc thân giả hợp không thật, như ánh nắng mặt trời làm tan sương mù; biết cách dùng tài vật nguy hiểm để đổi lấy pháp tài công đức vững vàng. Tóm lại mà nói, những thiện pháp đều từ đây mà tăng trưởng. Giống như Ngài có thể làm chủ được cái tâm của mình, lấy thân làm mô phạm. Đây là phương pháp giáo hóa có đủ sức thuyết phục nhất. Ngài đang tiếp nối sự nghiệp trước đây của những bậc thánh nhân, cũng mong sao tất cả chúng ta đều có thể tiếp bước theo dấu chân của các bậc thánh hiền.

Hôm nay, tôi đã thọ nhận sự cúng dường của quốc vương, Ngài lại khiêm hạ muốn giúp tôi ôm bát, Ngài cúng dường là đủ rồi, không cần phải giúp tôi cầm bát nữa.

Lúc ấy, đức vua cứ theo sát vị thượng tọa, muốn được ôm bát cho thầy.

Vị thượng tọa suy nghĩ: Chẳng lẽ có nguyên nhân gì chẳng, tại sao đức vua cứ một mực muốn được ôm bát của ta? Vị thượng tọa liền nhập định và quan sát, biết được đức vua vì muốn thuyết phục đại thần, nên một lòng muốn được ôm lấy bình bát.

Thầy Tỳ kheo lập tức nói một đoạn kệ, có đại ý như sau:

Kẻ phàm phu ngu muội không rõ sự việc và chân lý, muốn làm lay động núi Tu di; Lúc này tôi phải trao bát cho đức vua, giúp đức vua toại nguyện độ vị đại thần. Đối với tôi, bất kể là hủy báng hay khen ngợi, tâm tôi chẳng mảy may dao động, nhưng nếu vì tôi mà khởi tâm bất tín, tức là làm tổn hại đến lòng tin Tam bảo của nhiều người.

Nói xong đoạn kệ trên, thầy Tỳ kheo liền trao bát cho đức vua. Đức vua nhận lấy bát, nhẹ nhàng cẩn thận như con voi dùng vòi đỡ lấy một đóa hoa sen mềm mại. Thế là đức vua ôm bát đi theo thầy Tỳ kheo đến nhà một người Chiên đà la (Chiên đà la là tầng lớp thấp hèn nhất của chế độ giai cấp Ấn Độ, chỉ người cha thuộc giai cấp Thủ đà la, mẹ thuộc giai cấp Chiên đà la, địa vị còn thấp hơn giai cấp Thủ đà la).

Lúc ấy, vị thượng tọa mời đức vua vào bên trong, nhưng Ngài không chịu vào, mà đứng bên ngoài cửa.

Người mẹ của vị thượng tọa đã chứng tam quả A na hàm từ lâu, đầy đủ thiên nhãn thông, biết được ý nghĩ cũng như nhân duyên thiện căn của người khác. Mẹ của vị thượng tọa thưa với quốc vương: Xin đức Vua chớ lo ngại, mời Ngài vào nhà của tôi. Sau đó, nói một đoạn kệ có đại ý như sau:

Ngài không cần phải nghi ngờ, nơi đây cho dù là nhà của giai cấp Thủ đà la hay Chiên đà la đi nữa? Đứa con lớn của tôi đã chứng đắc tứ quả A la hán, đứa con thứ ba chứng sơ quả Tu đà hoàn, còn tôi là đệ tử Ưu bà di của đức Thế Tôn bậc nhất thiết trí, tôi đã chứng đắc quả A na hàm.

Ngài chỉ nên quán sát sự tu hành trì giới của chúng tôi, không nên hỏi chúng tôi sanh ra từ giai cấp nào; chỉ cần nhìn đức hạnh của chúng tôi, không cần biết người thân quyến thuộc của chúng tôi là ai.

Sanh vào trong gia đình này, có những công đức thù thắng riêng của chúng, cũng như trong đồng cát đá, có thể tìm thấy vàng thật vậy.

Mặc dù cây Y lan¹¹ có mùi hôi thối, vẫn có thể đốt cháy thành ngọn lửa, trong vũng bùn bần thối tanh dơ, cũng có thể mọc lên hoa sen tinh khiết. Nhận xét một con người, nên quan sát những đức hạnh của họ, tại sao lại nhìn vào chủng tộc, giai cấp?

Bất luận là có mùi hôi như Y lan, hay ngát hương như cây Chiên đàn, đốt lên đều có thể cháy mà nấu chín thức ăn, cả hai loại cây có tác dụng ngang nhau, công năng và hữu ích thật không hơn kém gì nhau.

Đức vua nghe người mẹ của thầy Tỳ kheo nói bài kệ xong, khen ngợi và nói: Ô! Người mẹ này đích thực là người có công hạnh thanh cao trong Phật pháp. Đức Phật từ bi bình đẳng khiến cho người Chiên đà la cũng chứng đắc giải thoát, không còn luân hồi trong sanh tử. Không cần chọn lựa chủng tộc, đây chính là lời mà đức Phật từng dạy. Hôm nay, cuối cùng đã nghe được người thuộc giòng họ Chiên đà la, cất lên tiếng của sư tử hồng nói pháp thậm thâm vi diệu (đến hạng người thuộc giai cấp thấp nhất trong xã hội cũng có thể cất lên tiếng hồng của sư tử, để trình bày diệu pháp).

Đức vua lại suy nghĩ: Người ta thường cho rằng, nếu cúng dường cho người thuộc giòng họ thấp hèn, vì phước báu của họ rất ít, nên công đức có được cũng không nhiều; nhưng người Chiên đà la này thực sự có đầy đủ công đức, mình cúng dường những vị thánh có đủ đức hạnh, không nên khởi tâm phân biệt người đó có phải là người thuộc Chiên đà la hay không.

Đức vua sau khi suy nghĩ thâm sâu, liền nói đoạn kệ, đại ý như vậy: Chỉ nên cúng dường người có đức hạnh, mà không nên khởi tâm phân biệt thân phận và giai cấp, và xin dùng hình ảnh một vị Bà la môn để thí dụ.

Hoa sen sinh ra từ trong bùn lầy, nhưng chư thiên và A tu la đều rất cung kính hái hoa cài lên đầu.

Nếu người Bà la môn có làm điều sai, người có trí tuệ sẽ xa rời họ; Nếu xuất thân từ giòng tộc cao quý như Bà la môn mà làm việc ác, chẳng lẽ không có tội lỗi sao? Thật ra thì vẫn có lỗi vậy.

Còn người sinh ra trong gia đình Chiên đà la, nếu có đủ đức hạnh, không xứng đáng khen ngợi và noi gương sao? Người đó đích thực có công đức. Như người Chiên đà la có đức hạnh này, xứng đáng cho tôi cúng dường. Những người Chiên đà la vào trong rừng tu khổ hạnh, có thể gọi họ là bậc tiên nhân hoặc thánh nhân chứ không phải là người Chiên đà la thấp hèn.

Cũng như những con hươu bị người Chiên đà la giết, đức vua cũng có thể ăn thịt của hươu, cung tên của người Chiên đà la chế tạo ra, cũng có thể mang ra để đi săn! (người Chiên đà la giết hươu, vua có thể ăn; cũng thế, họ chế

tạo cung tên, vua có thể sử dụng, không phải vật đó do người Chiên đà la làm ra mà vua không sử dụng).

Vì những nhân duyên đó, nên tôi nên tin theo lời dạy của đức Thế Tôn: trong giòng họ của Chiên đà la có người đầy đủ đức hạnh, tại sao không noi theo học hỏi?

Nói xong đoạn kệ trên, đức vua bèn tiến vào trong, quỳ xuống chấp tay, trong lòng suy nghĩ: Mình nên đánh lễ người mẹ của vị thượng tọa, hay nên đánh lễ đức Phật trước đây? Đức Thế Tôn đã dạy cho họ con đường chân chính, có thể đưa tất cả chúng sanh từng bước an ổn đi trên con đường chân chính, có lẽ mình nên đánh lễ đức Thế Tôn trước.

Đức vua bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

Kính đánh lễ đáng y vương cao cả, vị tiên tu khổ hạnh - Phật đà. Con hôm nay vì nhân duyên của đức Thế Tôn, mà đánh lễ người thuộc giai cấp hạ tiện này (thường thì những vị quốc vương ở địa vị cao, họ không thể đánh lễ người thuộc tầng lớp thấp hèn, nhưng vì vâng theo lời giáo huấn của đức Phật, cả bốn giai cấp đều như nhau). Cũng như đậu trên núi Tu di, cho dù là con quạ đen, hay con hươu màu nâu, lông của chúng đều biến thành màu vàng kim. Ngày trước tôi từng nghe qua những việc như vậy, nhưng mãi đến hôm nay, tôi mới tận mắt mình nhìn thấy (không kể là Bà la môn hay Chiên đà la, chỉ cần tinh cần thực hành theo lời dạy của đức Thế Tôn, đều có thể chứng đắc được quả vị giải thoát như nhau).

Nếu nương tựa vào đức Phật, thì cho dù sanh vào giai cấp thấp hèn, cũng trở thành cao cả. Trí tuệ của đức Phật đầy đủ và rộng lớn như biển cả, nếu chúng ta có thể tịnh hóa ý niệm của chính mình, thì có thể đến bờ bên kia, có trí tuệ rộng đầy đủ như đức Phật. Chỉ có đức Thế Tôn mới có đủ năng lực chuyển hóa thế gian, tình thương của Ngài đối với mỗi chúng sanh không khác nhau, dù chỉ là một suy nghĩ, xem tất cả chúng sanh như chính người thân của mình.

Đức Thế Tôn vì muốn dẫn chúng sanh cùng được giải thoát, nên đã tùy theo căn cơ mà nói nhiều pháp môn khác nhau để khai thị cho chúng sanh; còn hàng ngoại đạo thì ngược lại, chia thành giai cấp, lại đối xử phân biệt một cách không hợp lý.

Lúc ấy, đức vua nói bài kệ xong, đánh lễ và ra về.

Câu chuyện này cảnh tỉnh chúng ta: Khi trí tuệ chúng ta chưa đạt đến nhất thiết chủng trí như đức Phật, không nên tùy tiện nhận xét hay phán đoán người. Cũng như trái am la xem bên ngoài vẫn còn xanh, nhưng bên trong đã chín muồi; cũng như vậy, vị thượng tọa nhìn hình tướng bên ngoài oai nghi

không đầy đủ, nhưng nội tâm kỳ thật đã đầy đủ công đức của giới định tuệ. Không nên tùy tiện xem thường người và sanh tâm công cao.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Phước Nghiêm - 28.12.2013

---o0o---

BÀI 13: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN CAN, TỰ NHẬN KHỔ NÃO

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện được trích từ Luật Ma Ha Tăng Kỳ, trong Đại Chánh Tạng quyển, 22 trang 282b - 282c.

Khi đức Thế Tôn đã lớn tuổi, Đề Bà Đạt Đa bạch cùng Ngài: Bạch đức Thế Tôn, Ngài giờ đây tuổi cao sức yếu, xin Ngài giao phó Tăng đoàn lại cho con lãnh đạo. Thế Tôn đáp: Như Lai không lãnh đạo tăng chúng, tôi cũng là một người thầy (ý nói Ngài cũng là thành viên trong số Tăng đoàn, chỉ dùng giáo pháp để hướng dẫn mọi người. Có nghĩa là dùng chân lý và đức hạnh để hướng dẫn đại chúng. Tăng đoàn không phải phụ thuộc vào sự hướng dẫn của một cá nhân nào). Đến cả người có trí tuệ đệ nhất như Xá Lợi Phất, hay có thần thông số một như Mục Kiền Liên, Như Lai cũng không vì thế mà giao Tăng đoàn cho các vị ấy, huống hồ là ông!. Đề Bà Đạt Đa sanh lòng bất mãn, sau đó khích động sự hòa hợp của Tăng đoàn, làm cho Tăng đoàn bị chia rẽ. Lúc bấy giờ, có nhiều thầy Tỳ kheo, tìm đến khuyên can Đề Bà Đạt Đa, chúng ta cần phải hòa hợp, tại sao thầy muốn phá hoại sự hòa hợp của Tăng đoàn?. Đề Bà Đạt Đa không chịu nghe lời, cuối cùng bị đọa xuống địa ngục chịu khổ báo.

Các thầy Tỳ kheo thỉnh vấn đức Phật: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Đề Bà Đạt Đa không bao giờ nghe lời khuyên can của chư Tăng, để rồi tự mình phải chịu khổ não như thế?

Đức Phật bảo với các thầy Tỳ kheo rằng: Không phải chỉ bây giờ Đề Bà Đạt Đa không nghe lời khuyên can, để rồi chịu khổ báo, mà trong quá khứ ông ta cũng đã từng như thế.

Các thầy Tỳ kheo thưa: Trong quá khứ thầy ấy cũng đã từng như thế ư?

Đức Phật: Đúng thế! Trong tiền kiếp, có một tòa thành tên là Ba la nại, ở tại nước Ca thi. Lúc bấy giờ, có một vị Bà la môn tại nơi vùng hoang vắng kia, đào một cái giếng để những người qua đường, người chăn nuôi gia súc, đốn củi hay người làm rừng đi ngang qua đây có nước giếng để uống cho đỡ khát, hay tắm gội cho khỏe người.

Đến xế chiều, có một bầy dã can cũng đến đây uống những giọt nước còn đọng lại trên sàn nước bên cạnh giếng, nhưng chú dã can đứng đầu trong đàn, không chịu uống nước đọng lại trên mặt đất, mà chui đầu vào trong cái gàu bằng gốm để uống; uống hết nước, nó đội cái gàu lên trên đầu, rồi cố ý làm cho chiếc gàu bể nát ra, còn mang những mảnh vỡ ấy đeo lên cổ để đùa giỡn. Những chú dã can trong đám khuyên ngăn thủ lĩnh của mình: Cho dù nước ở trong chiếc lá cũng có công dụng của nó (ví như lúc hạn hán, khô cạn đến một giọt nước cũng không còn, thì có thể lấy nước trong chiếc lá để làm cho đỡ khô môi), cần phải biết trân quý gìn giữ, hà huống là chiếc gàu, có thể giúp ích cho biết bao người!

Dã can thủ lĩnh nói: Tôi chỉ biết chơi cho thỏa thích là đủ rồi, những người khác như thế nào chẳng liên quan đến tôi!

Lúc ấy, có người báo với Bà la môn, chiếc gàu ông để ở giếng đã bị vỡ rồi.

Bà la môn liền thay một chiếc mới cũng được làm bằng gốm; cũng như trước đây, chiếc gàu mới cũng bị dã can thủ lĩnh cố ý đánh nát vụn. Cứ tiếp tục như thế, không chỉ một hay hai chiếc, mà bị làm vỡ đến mười bốn chiếc.

Bầy dã can hết lần này tới lần khác khuyên can, nhưng thủ lĩnh dã can vẫn không thèm để lọt vào tai.

Bấy giờ, Bà la môn suy nghĩ: Tôi ra công đào giếng là muốn mang lợi ích đến cho nhiều người, để tôi vun bồi phước đức, thế mà ai đã đánh vỡ chúng? Hôm nay, tôi nhất định phải tìm cho ra lẽ.

Thế rồi, Bà la môn mang chiếc gàu đến đặt trên thành giếng, rồi núp trong bóng tối để quan sát.

Suốt một ngày, những người qua đường dùng nước xong liền đi ngay, không có ai đánh vỡ chiếc gàu. Đến chập tối, nhìn thấy một đoàn dã can đến bên cạnh giếng uống những giọt nước còn đọng lại trên nền giếng; riêng con dã can đầu đàn, chui đầu vào trong chiếc gàu để uống nước, uống xong liền đánh bể chiếc gàu.

Bà la môn thấy sự việc như thế, bèn nghĩ: Thật đáng ghét! Con dã can này đã cố ý làm hỏng việc đào giếng tích lũy phước đức của mình. Sau đó, Bà la môn trở về nhà làm một chiếc gàu bằng gỗ, chiếc gàu này không những chắc chắn, mà đầu của dã can một khi đã chui vào thì không dễ gì chui ra. Bà la môn mang chiếc gàu đến đặt bên cạnh giếng, trên tay còn cầm theo một chiếc gậy, đứng núp trong bóng tối để quan sát tìm hiểu.

Cũng như thế, hết một ngày, những người qua đường ghé vào dùng nước xong đã ra về, đến tờ mờ tối, đoàn dã can lại kéo đến. Chúng cũng quen như mỗi lần, những chú dã can trong đàn uống những giọt nước còn sót lại trên

mặt đất, chỉ riêng đã can thủ lĩnh uống nước trong chiếc gàu, uống nước xong, nó cũng muốn chơi trò chơi cũ, nhưng lần này không được như ý, nó hất tới hất lui nhưng chẳng võ, Bà la môn thấy đã đến lúc, lấy chiếc gậy đã chuẩn bị sẵn, đánh đã can thủ lĩnh một trận đến chết. Lúc ấy, trong không trung có tiếng chư thiên nói một đoạn kệ, đại ý như sau: Những người bạn tốt đã từ bi khuyên can, nhưng người lại làm dữ, lì lợm không biết lắng nghe, vì quá cứng đầu mà rước họa vào thân, đã can vì ngu si, nên đã chuốc lấy cái quả bị đánh giết, chết kẹt trong chiếc gàu.

Đức Phật dạy: Đã can thủ lĩnh thuở đó, chính là Đê Bà Đạt Đa trong hiện tại. Đê Bà Đạt Đa lúc bấy giờ, nay chính là những thầy Tỳ kheo luôn can ngăn Đê Bà Đạt Đa trong Tăng đoàn. Các Tỳ kheo nên biết! Trong đời quá khứ, vì không biết tiếp nhận lời khuyên của bạn tốt, để đánh mất tính mạng; giờ đây cũng vì không biết tiếp nhận lời khuyên can của các thầy Tỳ kheo, nên sẽ phải đọa vào địa ngục lãnh chịu khổ đau không biết bao giờ mới thoát khỏi.

Câu chuyện này muốn thức tỉnh chúng ta: Người ta khi nghe người khác chỉ ra những sai lầm của mình, lúc nào cũng khó mà tiếp nhận, nên tục ngữ có câu: thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng.

Nhà Nho cũng có câu có ý tương tự: Tử Lộ nghe người chỉ ra điều mình sai thì vui mừng, vua Vũ¹² nghe được lẽ phải thì liền lễ bái. Nhiều đây thôi cũng xứng đáng để chúng ta học hỏi, có người chỉ trích những lỗi lầm của ông ta, ông ta rất vui mừng tiếp nhận; vua Vũ nghe những lời tốt đẹp, thậm chí còn cung kính lễ bái. Ngoài ra, còn có câu: Thánh nhân bị nhiều lỗi, hiền nhân bị ít lỗi, người ngu không có lỗi. Người ngu không có lỗi, kỳ thật không phải người ngu không có sai phạm, mà vì họ luôn cho rằng sai phạm là ở người khác, chứ họ chẳng có gì sai cả.

Hiền nhân bị lỗi ít, vì họ cảm thấy chính họ còn một vài điểm chưa được viên mãn, những thiếu sót đó tự họ chịu trách nhiệm.

Thánh nhân bị nhiều lỗi, vì bậc thánh nhận lấy trách nhiệm cứu độ muôn loài, nếu làm chưa được vẹn toàn thì tự mình cần phải phấn đấu hơn; không phải vì chúng sanh ngu ngốc, mà chính vì bản thân từ bi và trí tuệ chưa đủ lớn, nỗ lực vẫn chưa đủ.

Đã là con người bất luận nhiều hay ít đều có lỗi lầm, nhưng biết lỗi sửa lỗi, còn việc gì tốt hơn bằng! Chúng ta nếu có sai lầm, nên biết lắng nghe người khuyên nhủ, biết sám hối thì có thể được thanh tịnh.

Những lời trên, khuyến khích chúng ta cùng nỗ lực.

Phước Nghiêm - 21.12.2013

BÀI 14: MA HA LÔ VÌ ÍCH KỶ KHÔNG BỎ THÍ PHÁP CHỊU QUẢ BÁO NGU SI, NHỜ SÁM HỐI MÀ ĐẮC ĐẠO

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng các vị Phật tử.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Ái Thân, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 593b-c.

Thuở quá khứ, có một quốc gia tên là Đa Ma La, cách thành phố hơn 3 km có một ngôi tịnh xá, bên trong có năm trăm vị thầy sống ở đó tụng kinh, tu tập. Có một vị thầy tuổi đã lớn tên là Ma Ha Lô, căn tánh đần độn, nên năm trăm vị kia phải thay phiên nhau dạy cho thầy, đã nhiều năm trôi qua nhưng thầy ấy đến một bài kệ cũng không nhớ nổi, nên bị mọi người khinh chê, không muốn gần gũi thầy ấy nữa, nên thường kêu thầy ấy trông coi tịnh xá hoặc làm những công việc quét dọn.

Một hôm nọ, quốc vương muốn thỉnh các thầy trong tịnh xá vào thành thọ cúng dường, thầy Ma Ha Lô trong lòng suy nghĩ: Tôi sinh ra trong cuộc đời này làm một người ngu dốt, đến một bài kệ cũng không thuộc, thường bị người khinh thường, sống như vậy thì có ý nghĩa gì? Nghĩ vậy, liền lấy một sợi dây, đi gốc cây lớn phía sau ngôi tịnh xá, định treo cổ tự tử.

Đức Phật từ xa dùng đạo nhãn thấy tình trạng như thế, liền hóa thân làm thân cây, lớn tiếng ngăn chặn: Thầy Tỳ kheo! Tại sao thầy lại có hành động như thế? Ma Ha Lô hướng về thân cây thuật lại tường tận nỗi khổ tâm của mình! Đức Phật hóa hiện thân cây quả trách thầy Ma Ha Lô: Cho dù thế nào đi nữa thầy cũng không được làm như thế. Thầy hãy dừng lại nghe tôi nói, trong quá khứ, khi đức Phật Ca Diếp còn tại thế, thầy là một vị thông thạo kinh luật luận, có năm trăm người đệ tử; Nhưng vì thầy tự cho mình trí tuệ cao siêu, thái độ kiêu mạn, xem thường đại chúng, không muốn truyền trao sự hiểu biết kinh điển cho họ; do lúc đó không chịu truyền đạt kiến thức cho đại chúng, cho nên đời đời kiếp kiếp phải lãnh lấy quả báo ngu si. Giờ đây thầy nên thức tỉnh hối cải những lỗi lầm mình đã gây ra, tại sao lại tự sát?

Sau đó, đức Thế Tôn hiện hào quang sáng ngời, và nói một đoạn kệ, đại ý như sau: Người biết quý trọng mạng sống, thì nên cẩn thận gìn giữ, hy vọng mượn thân người tu tập xa lìa các dục chứng được giải thoát, tu tập chánh pháp không biếng nhác. Thân người khó được nhất, mỗi phút giây nhắc nhở chính mình nỗ lực học tập, tự thân được lợi ích và cũng giúp ích cho người, tự mình không ngừng tinh tấn và dạy người không biết mệt mỏi, thì trí tuệ liền tăng trưởng. Học tập trước hết là chỉnh sửa bản thân, sau mới dạy cho

người; nếu làm cho chính mình tăng trưởng trí tuệ, thì sẽ đạt đến cảnh giới cao hơn. Nếu không biết trân quý cái thân này, tự mình không được lợi ích, thì làm sao lợi người? Chỉ cần điều phục cái ý niệm của mình, thân làm những việc chân chính, thì có tâm nguyện gì mà không thực hiện được? Nghiệp vốn là do mình tự tạo mà có, thì sau này cũng chính mình lãnh chịu; tạo bất thiện nghiệp thì tự mình phải chuốc lấy quả báo, nghiệp lực có sức mạnh rất lớn, giống như mũi kim cương có thể xuyên thủng và làm nát viên ngọc vậy.

Ma Ha Lô vừa nhìn thấy đức Phật hiện thân hào quang sáng rực, vừa vui lại vừa buồn, cảm thấy vô cùng hoảng hốt, vội vàng đánh lễ dưới chân của đức Phật, ngẫm nghĩ ý nghĩa của bài kệ mà đức Thế Tôn vừa nói, bèn nhập vào thiền định, trong chốc lát ở trước đức Phật chứng quả A la hán; Nhớ về những việc trong quá khứ của mình như đang diễn ra trước mắt, đã từng học thông thạo qua ba tạng kinh, luật và luận và lập tức thông suốt tất cả.

Đức Phật bảo Ma Ha Lô: Thầy nhanh vào đáp y, ôm bình bát đến hoàng cung nhận cúng dường, bây giờ vẫn còn đến kịp, đi thẳng vào ngai trước năm trăm vị Tỳ kheo. Những thầy Tỳ kheo kia, trong quá khứ là đệ tử của thầy, thầy còn phải nói pháp cho họ nghe, hướng dẫn cho họ tu tập chứng thánh quả, và đồng thời cũng để cho đức vua hiểu rõ đạo lý nhân quả và tội phước. Ma Ha Lô làm theo lời dạy của đức Phật, đi về phía hoàng cung, tiến thẳng lên vị trí trên cao.

Mọi người nhìn thấy tình thế như vậy vô cùng tức giận, thầm trách những hành vi của Ma Ha Lô, nhưng vì giữ gìn tâm ý của đức vua, nên không dám tùy ý trách mắng hay đuổi người. Mọi người trong lòng đều nghĩ, Ma Ha Lô ngu si như thế, không biết cách giảng pháp bố thí cho thí chủ sau khi nhận cúng dường, mọi người đều thay thầy Ma Ha Lô lo lắng, nhưng lại không biết làm sao. Đức vua chuẩn bị thức ăn xong, tự tay bới cơm và thức ăn, múc canh dâng lên cúng dường thầy Ma Ha Lô. Sau đó thầy nói pháp cho quốc vương nghe, lời nói pháp của thầy hùng hồn như tiếng sấm, lời văn thanh nhã tuôn chảy như mưa không ngớt, thao thao bất tuyệt. Những thầy Tỳ kheo hiện diện nghe thấy, đều vô cùng kinh ngạc, thành tâm sám hối những lỗi lầm, tức khắc đều chứng quả A la hán; thầy thuyết pháp cho đức vua, giải thích tường tận rõ ràng, khiến cho đức vua tâm trí khai mở, những vị đại thần có mặt cũng đều chứng sơ quả.

Câu chuyện này có một vài điểm phản tỉnh chúng ta:

Trong kinh có dạy: Ham tiếc của cải, không muốn bố thí, sẽ chịu lấy quả báo bần cùng thiếu thốn; ích kỷ giáo pháp, không muốn chia sẻ truyền đạt giáo pháp, sẽ chịu quả báo ngu si. Như Bồ tát Long Thọ trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa

luận có đề cập đến, có bốn thứ làm cho trí tuệ bị mất và cũng có bốn pháp giúp cho trí tuệ được tăng trưởng. Bốn thứ nào khiến cho trí tuệ bị mất?

Thứ nhất: Không cung kính giáo pháp và không kính trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Mình hiểu được lời dạy của đức Phật, nhưng lại không muốn chỉ dạy lại cho người, không muốn giảng pháp.

Thứ ba: Có người muốn được nghe giáo pháp, nhưng lại cản trở họ, không để cho họ được đi nghe pháp.

Thứ tư: Kiêu mạn tự đại, khinh khi người khác.

Bốn loại người này sẽ bị mất trí tuệ.¹³

Còn bốn phương pháp làm cho trí tuệ được tăng trưởng, là những phương pháp nào?

Thứ nhất: Không những cung kính giáo pháp mà còn tôn trọng người nói pháp.

Thứ hai: Tự mình nghe pháp hiểu được Phật pháp rồi hoan hỷ cùng người chia sẻ; hơn nữa, trong tâm rất thanh tịnh, không cầu tiếng tăm danh lợi.

Thứ ba: Vì biết rằng, muốn được tăng trưởng trí tuệ, cần phải nghe nhiều, nên vị ấy rất tinh tấn tìm hiểu học hỏi chánh pháp, khẩn cầu như cứu lửa cháy trên đầu (giống như lửa đang cháy trên đầu, sợ không còn kịp nên vội vàng nghe chánh pháp).

Thứ tư: Nghe xong giữ gìn không quên (không phải bên tai này nghe xong, rồi chạy ra tai bên kia, cần phải giữ gìn không quên), hơn nữa phải chú trọng thực hành, chứ không phải chỉ chú trọng ở lời nói. Được như thế mới có thể tăng trưởng trí tuệ.

Chúng ta tự thức tỉnh: Chúng ta có muốn làm người ngu si không? Nếu không muốn trở thành người thiếu trí tuệ, thì chúng ta cần phải tôn kính pháp và người thuyết pháp, cần phải tinh cần học hỏi chánh pháp, nương vào chánh pháp mà thực hành; không biết thì khẩn trương học tập, hiểu biết rồi nhanh chóng truyền đạt lại cho người.

Những lời trên đây để sách tấn quý vị!

Phước Nghiêm - 16.11.2013

---o0o---

BÀI 15: BỊ TRÓI BUỘC BỞI SẮC LÀ BỊ GIAM CẦM THỰC SỰ

Xin chào quý vị xuất gia và chúng tại gia.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện, câu chuyện này được trích từ Đại Trang Nghiêm Luận kinh, trong Đại Chánh Tạng quyển 4 trang 282c - 283a.

Trong kinh dạy rằng: Nếu có thể nghe được chánh pháp, có thể giải thoát được sự ràng buộc.

Trong quá khứ, từng nghe như vậy, tại nước Đức Thi La có một nhà tù được xây dựng trong khuôn viên tịnh xá chư Tăng, mỗi tối lúc các vị Tỳ kheo giảng pháp, những tù nhân cũng theo thứ tự ngồi xếp hàng lắng nghe.

Hôm ấy, có vị Tỳ kheo giảng kinh nội dung liên quan đến sanh tử luân hồi và hoàn diệt, thầy ấy nói như thế này: Kẻ phàm phu ngu muội không nghe chánh pháp, không hiểu được chân tướng của “sắc”; không biết được sắc chẳng qua là do nhân duyên hòa hợp, là pháp vô thường sanh diệt; vì không hiểu chính xác ý nghĩa của sắc nên sanh tâm đắm nhiễm vui thích, tham ái; không thể hội một cách rõ ràng sắc tạo ra vô số tội lỗi và thống khổ; không biết xa lìa sắc, không biết đoạn trừ tham dục sắc, cầu được xuất ly đích thực. Tất cả chúng sanh đều không hiểu được đúng như thật về sự nguy hiểm của sắc, bị sắc trói buộc như thế, tức là bị giam cầm thực sự.

Như thế nào gọi là bị sắc trói buộc? Tức mắt nhìn thấy sắc tướng yêu kiều diễm lệ, liền sanh ưa thích, tham ái nên bị sắc trói buộc.

Một người mà bị sắc trói buộc, thì toàn thân đều bị giam cầm, không biết sắc là nguyên nhân đưa đến sự trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi, cứ như thế nổi trôi trong biển sanh tử mênh mông, không tìm ra được nơi bình yên. Vì không biết vượt ra ngoài sanh tử, cho nên bị giam giữ trong sanh tử luân hồi, từ đời này đến đời khác.

Lúc ấy có tù nhân nghe được những lời giảng của thầy Tỳ kheo, tư duy nghĩa lý sâu sắc và ghi nhớ giữ gìn không quên sót, đọc tụng một cách trôi chảy. Lúc ấy đức vua sai người đến mở cổng cùm cho tù nhân, những người thân và bạn bè vây quanh anh ta, biết được anh ta đã được tự do, mọi người đều rất vui mừng đến bên cạnh thăm hỏi. Nhân đó người tù nhân vừa được thả tự do, lại nói lên một đoạn kệ, có đại ý như sau: Các vị chỉ nhìn thấy tôi được thả tự do, sanh tâm vui mừng đến an ủi và thăm hỏi tôi. Kỳ thật tôi chỉ được thả ra từ nhà tù mà thôi, tôi cùng những chúng sanh phàm phu ngu dại không khác, vẫn còn bị giam cầm chưa được giải thoát. Phàm phu không chỉ bị sắc trói buộc, mà cả năm uẩn (tức chỉ sự chấp trước đối với ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), tất cả năm uẩn đều như sắc pháp không khác, ràng buộc tất cả phàm phu chúng sanh, không chỉ giam cầm trong lúc còn sống, mà đến lúc chết đọa trong ba đường ác cũng bị trói buộc, thậm chí nếu được sanh vào cõi trời cũng không khác.

Từ đời này đến đời khác, chưa lúc nào thoát khỏi sự giam giữ. Phạm phu cứ như thế bị ràng buộc ở trong tam giới, không ngừng bị luân hồi, hết lần này đến lần khác ở trong tam giới thọ sanh, sanh xong đến tử, tử rồi lại sanh, không khi nào dứt.

Từ bài giảng của thầy Tỳ kheo, tôi được nghe những lời như thế, đó chính là lời của đức Phật, đáng Nhất thiết chủng trí đã khai thị (đức Phật nói pháp, nhờ vào sự truyền thừa của chúng xuất gia, mãi đến hôm nay mới đến tai của tôi). Tất cả những ngục tù phiền não ràng buộc tâm tôi, chẳng khác nào con trâu bị mang cái ách.

Tôi vẫn đang chịu đựng sự xiềng xích này, chưa một lần đặt xuống, tại sao các vị lại chúc mừng tôi được thả tự do? Nếu quý vị thật lòng quan tâm đến tôi, thương yêu tôi, xin quý vị giúp tôi trình bày với đức vua, xin cho tôi được xuất gia. Chỉ khi đầy đủ chánh kiến, thấy được đạo trong hiện tại, đạt đến bên kia bờ Niết bàn tịch tịnh, nếu chúng đắc được cảnh giới như vậy, thì mới có thể nói là thực sự giải thoát.

Lúc ấy người thân quyến thuộc nghe được những lời như vậy, bèn trình bày lên đức vua, đức vua nghe xong hạ lệnh cho vị ấy xuất gia. Sau khi được xuất gia tu tập, ông ta hết sức tinh tấn tu đạo, cuối cùng chúng đắc quả A la hán.

Người tội phạm kia, bị giam trong chỗ ở của tầng chúng, nhờ nhân duyên nghe được pháp mà chúng đắc giải thoát như thế, hà huống đặc biệt hết lòng đến nghe pháp! Cho nên các vị hành giả nên thường xuyên đến các tự viện chuyên chú nghe pháp.

Câu chuyện này có một vài điểm nhắc nhở chúng ta:

Nghe Phật pháp là việc vô cùng quan trọng! Tù nhân này nhân vì nghe được chánh pháp, đồng thời nhờ sẵn có thiện căn, nên mới thể hội sự giam giữ thật sự không phải là giam giữ ở trong lao ngục mà mất tự do, mà do bởi phiền não, nên bị giam cầm trong tam giới không thể giải thoát được. Nếu được thả ra khỏi nhà giam, thì phạm phu chúng sanh vẫn bị phiền não trói buộc, không phải thật sự được giải thoát. Sự mất tự do như thế, không chỉ trong đời này; đứng về góc độ thời gian mà nói, từ đời này đến đời sau; về góc độ không gian mà nói, từ lúc làm thân người đến đọa vào trong ba đường ác, thậm chí còn cả trong ba cõi trời dục giới, sắc giới và vô sắc giới, sự thay đổi đó chẳng qua là từ nhà giam này chuyển sang nhà giam khác mà thôi, chứ chưa vượt ra ngoài tam giới để thực sự được giải thoát!

Trong kinh nói đến, tội nhân bị giam trong ngục tù vẫn chưa phải đã mất tự do thật sự; nhưng nếu bị sắc trói buộc, thì mới thật sự bị giam cầm. Ở đây

nói sắc không chỉ đề cập đến sắc đẹp, mà nói đến tham cầu tất cả vật chất, tự mình cảm thấy thích thú, tất cả đều là nguyên nhân đưa đến sự giam cầm.

Như đối với năm uẩn, không chỉ có sắc làm cho chúng sanh bị dính mắc; mà thọ, tưởng, hành, thức đều giam cầm chúng ta, tất cả năm uẩn đều như thế. Ví dụ những tâm thuộc tham, sân, si, quan niệm sai lầm, hoặc cách nhìn đối với người, sự việc hay vật, những hành vi và sự hiểu biết lệch lạc này, đều là sự giam cầm.

Quý vị có cảm thấy tự mình đã được tự tại giải thoát rồi chăng? Hay cảm thấy mình đang rất mất tự do, rất không tự tại. Thế thì tại sao không có tự tại? Cũng có thể có người vì thân thể thọ bệnh nên cử động không được tự do, không thể đi du lịch theo ý muốn; hoặc có người vì áp lực kinh tế mà thở không ra hơi; lại có người cho rằng vì sự trói buộc của gia đình và người thân, nên không có tự do. Kỳ thật, nguyên nhân dẫn đến mất tự do không phải từ bệnh tật hay do người thân, mà chính do phiền não của chúng ta! Do phiền não - có tham sân si phiền não, mới tạo ra nghiệp - thân khẩu ý nghiệp, nên mới chiêu cảm nghiệp báo trong tam giới, luân hồi mãi trong tam giới. Nghĩa là ở trong tam giới này, như chuyển từ nhà giam này đến nhà giam kia, không ngừng luân chuyển trong đó. Chính vì thế mà chúng ta cần phải đoạn trừ những thứ phiền não như tham, sân, si..., từ bỏ sự dính mắc đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không tạo thêm nghiệp hữu lậu, thì mới dứt trừ được nghiệp báo luân hồi trong tam giới của đời sau; chỉ có như thế mới thật sự được giải thoát.

Câu chuyện trên đây khuyến tấn chúng ta tinh tấn.

Phước Nghiêm - 14.09.2013

---o0o---

BÀI 16: MUỐN ĐƯỢC AN ỔN CÁT TƯỜNG, PHẢI BIẾT LẮNG NGHE

Xin chào quý vị xuất gia và chúng tại gia.

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện được trích trong kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Đa Văn, trong Đại Chánh Tạng, quyển 4, trang 579a-b.

Ngày xưa, tại nước Xá Vệ có vị đại trưởng giả tên là Tu Đạt, vị này đã chứng đắc sơ quả, có người bạn thân tên là Hảo Thí, người bạn này không tin Phật pháp và y học. Lúc bấy giờ, Hảo Thí lâm trọng bệnh, thân thể suy nhược nằm liệt trên giường, nên có rất nhiều người thân và bạn bè đến thăm, khuyên ông ta cần phải hết lòng chữa trị, nhưng ông ta cương quyết, dù có chết cũng không tìm thầy thuốc. Hảo Thí nói với mọi người rằng: “Tôi tôn

thờ mặt trời và mặt trăng, trung thành với vua, hiếu kính cha mẹ, tâm nguyện ấy đến chết cũng không thay đổi”.

Tu Đạt nói với người bạn của mình: “Người thầy mà tôi tôn thờ, mọi người đều gọi là Phật, thần lực và oai đức của Ngài soi sáng khắp tất cả chúng sanh, ai được nhìn thấy đức Phật đều được phước báu. Nếu ông không ngăn ngại, tôi sẽ thỉnh đức Phật đến đây giảng kinh, chúc phúc cầu nguyện, ông trước nghe lời giảng và quan sát hành động cử chỉ của Ngài, rồi thử so sánh đức Phật và hàng ngoại đạo xem thế nào; sau đó, có quy y đức Phật hay không là do ông quyết định. Bởi vì bệnh của ông đã kéo quá dài, nhưng không thấy thuyên giảm, cho nên tôi mới khuyên ông thỉnh đức Phật đến thuyết pháp, hy vọng được đức Phật gia trì”.

Hảo Thí: “Được rồi! Nhờ ông giúp tôi thỉnh đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến đây!”

Tu Đạt lập tức thỉnh đức Phật và chúng đệ tử đến nhà của ông Hảo Thí. Lúc đức Phật vừa bước vào nhà của ông, toàn thân Ngài phát ra ánh sáng, trong ngoài đều sáng, trường giả Hảo Thí vừa nhìn thấy hào quang của đức Phật, trong lòng sanh tâm vui vẻ, thân thể trở nên nhẹ nhàng.

Đức Phật đến gần rồi ngồi xuống, an ủi và thăm hỏi trường giả: “Ông bệnh như thế nào? Trước đây từng tôn thờ vị thần nào? Đã dùng phương thức gì để điều trị?”

Hảo Thí: “Tôi phụng thờ hai vàng nhật nguyệt, quân vương, tổ tiên, cung kính trai giới, đã dùng đủ mọi phương pháp cầu xin, nhưng bệnh vẫn không khỏi. Đã kéo dài một khoảng thời gian rồi, không có được chút gia trì nào từ thần linh. Ở nhà tôi rất kỵ thuốc men, châm cứu, xưa nay không biết đến kinh giáo, giới luật, phước đức, từ đời tổ tiên đến nay chúng tôi vẫn giữ nguyên tắc như thế”.

Đức Phật dạy: “Con người ở đời, có ba loại hoạn tử: Thứ nhất là có bệnh, nhưng lại không lo thuốc thang trị liệu; thứ hai dù có trị liệu nhưng không chăm sóc cẩn thận; thứ ba do kiêu mạng phóng dật, tự cho mình là đúng, không tiếp nhận ý kiến của người, không rõ sự lý thuận nghịch đúng sai.

Những bệnh này không phải nhật nguyệt, thiên địa, tổ tiên, quân vương có thể chữa khỏi, cần phải hiểu rõ đạo lý, dùng phương pháp đúng đắn tùy theo thời gian mà điều trị cho thích hợp: Thứ nhất, nếu bệnh do bốn đại nóng lạnh không điều hòa, cần phải tìm đến thầy thuốc để chẩn đoán và dùng thuốc chữa trị; thứ hai, nếu bệnh do ma quỷ tà ác thì nên tụng kinh, trì giới, dựa vào lời dạy mà thực hành, sám hối nghiệp chướng; thứ ba, nếu là bệnh phiền não ngu si, không hiểu rõ sự việc và chân lý, thì cần phải kính phụng thánh

hiền, dùng tâm từ bi cứu giúp những người nghèo khó, mang phước báu có được hồi hướng cho tất cả chúng sanh, dùng đại trí tuệ xóa tan phiền não, nếu thực hành được, đời này không những sẽ được bình an, cát tường mà còn không có hoạn nạn; nhờ giữ giới, trí tuệ được thanh tịnh, đời đời kiếp kiếp đều có thể được bình an cát tường”.

Đức Phật nói một đoạn kệ, có đại ý như sau: “Làm lễ mặt trời, nguyên nhân vì bày tỏ sự biết ơn mặt trời mỗi ngày cung cấp ánh sáng.

Tôn thờ cha và mẹ là vì báo đáp công ân dưỡng dục của hai đấng sanh thành.

Cung phụng quân vương, vì quân vương có uy lực lớn che chở cho nhân dân. Nếu muốn nghe nhiều chánh pháp, thì cần phải tôn kính bậc tu hành. Người muốn bảo vệ mạng sống thì cần đến sự giúp đỡ của thầy thuốc, muốn được thắng lợi cần phải dựa vào người có năng lực; chánh pháp ở nơi bậc có trí tuệ, thường vun bồi phước đức thì đời đời mới được sáng suốt.

Chỉ khi cùng làm việc với nhau, mới có thể nhận ra được như thế nào là bạn đúng nghĩa; lúc gặp khốn đốn, thì mới nhận ra bạn tốt hay xấu; trong nhà đoàn tụ vui vẻ, mới thấy rõ người vợ có đoan chính hay không, muốn biết người có trí tuệ hay không, nghe họ thuyết pháp thì sẽ biết rõ.

Chỉ người thầy có trí tuệ và tài năng, mới có thể chỉ ra được con đường chân chính, giải trừ được những nghi hoặc, giúp cho người học trí tuệ được khai mở, nền tảng của thanh tịnh được tăng trưởng, từ đó phụng trì lời dạy của đức Phật. Nghe được lời giảng dạy của người trí, người nghe không những trong đời này được lợi ích, mà ngay đến cả vợ con, anh chị em hay bạn bè đều được lợi lạc, đến đời sau cũng còn hưởng được phước lạc, thậm chí còn thành tựu được trí tuệ của thánh nhân.

Nhiếp tâm giữ gìn được chánh niệm thì mới hiểu tường tận ý nghĩa thâm sâu lời dạy của đức Phật, lý giải được nghĩa lý tức tri giới thanh tịnh, không hủy hoại giới hạnh, người thọ trì và thực hành chánh pháp, thì sẽ sớm đạt đến an lạc.

Nghe được lời dạy của bậc trí có thể tiêu trừ phiền não, sân hận, cũng có thể xóa đi những gì mang đến sự tổn hại không được cát tường, muốn được an ổn cát tường, cần phải kính lễ người học rộng nghe nhiều”.

Trưởng lão Hào Thí nghe xong bài pháp của đức Phật, những nghi ngờ trong tâm lập tức được tiêu trừ; ông ta mời thầy thuốc đến trị liệu, thành tâm hướng về Phật đạo và cung phụng những người có đức hạnh. Do bốn đại điều hòa, tất cả bệnh tật đều không còn, như uống được nước cam lồ, trong ngoài đều nhẹ nhàng thanh thản, thân tâm được an định, cuối cùng chứng

đắc sơ quả. Người thân, giòng họ cũng như người dân cả nước đều cung kính vị trưởng giả chứng đắc sơ quả này.

Câu chuyện này có những điểm nhắc nhở chúng ta:

Hảo Thí trưởng giả xưa nay cung phụng nhật nguyệt, cha mẹ, tổ tiên, quân vương, nhưng vì ông ta không tôn kính Phật pháp, không kính phụng người tu hành. Tuy ông tôn thờ nhật nguyệt, cha mẹ, tổ tiên, vua chúa, nhưng ông không hiểu được vì sao ông phải tôn thờ. Do thiếu sự tôn kính và thân cận với người trí để được học hỏi, mà suýt nữa không giữ được tính mạng. Thế mới biết, kính lễ người trí vô cùng quan trọng!

Trong kinh có đề cập đến, chỉ khi làm việc chung với nhau, mới biết rõ đây có phải là người bạn tốt hay không, trong lúc gặp khó khăn mới hiểu được tình bạn chân thật hay không? Trong nhân gian có câu: “đường dài mới biết ngựa hay, có chung việc nhiều mới biết lòng người”, nghĩa là đường dài mới biết sức ngựa có hay hay không, làm việc lâu ngày với nhau mới thấy rõ được lòng người khác.

Ngoài ra, đức Phật còn dạy chúng ta, trị bệnh trước cần phải biết nguyên nhân bệnh, nếu tứ đại không hòa hợp, thì cần phải tìm đến thầy thuốc trị liệu. Đức Phật không khuyên chúng ta không đến bệnh viện, khi Ngài bị bệnh, có thầy thuốc đến khám bệnh cho Ngài. Cho nên, nếu tứ đại không hòa hợp, bắt buộc phải tìm đến bác sĩ chẩn đoán, để trị liệu. Ngoài ra, nếu bị bệnh người âm quấy nhiễu, thì cần phải tinh tấn sám hối nghiệp chướng, thực hành theo lời kinh hướng dẫn, trì giới thanh tịnh. Nếu như mắc phải những bệnh phiền não ngu si như kiêu túng phóng dật, không hiểu được sự lý, thì cần phải lễ kính các bậc hiền thánh, thường lắng nghe lời giảng dạy của người trí, để nuôi lớn từ bi và trí tuệ, thì đời này và đời sau mới được bình an cát tường, quan trọng hơn là nhờ sự dẫn dắt của người trí, mới có thể chứng đắc được giải thoát Niết Bàn.

Tìm được thầy lành, bạn tốt, gần gũi bậc thầy tài đức vẹn toàn, có thể giảm thiểu đi vào con đường sai lạc; muốn được gặp thầy hiền bạn tốt, trong cuộc sống thường nhật chúng ta cần phải rộng kết thiện duyên với mọi người thì mới được!

Câu chuyện trên sách tấn chúng ta cùng tinh tấn.

Phước Nghiêm - 27.04.2013

---o0o---

BÀI 17: ĐỨC PHẬT HÓA LÀM TỖ KHEO NI TRANG ĐIỂM ĐIỂM LỆ ĐỂ ĐỘ THẦY TỖ KHEO

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng các vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ một mẩu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Phóng Dật, rút từ Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 584a-b.

Ngày xưa, khi đức Phật còn tại thế, có năm trăm vị thương nhân ra biển tìm bảo vật, tìm được nhiều châu báu muốn mang về nước của mình, không ngờ đi ngang qua một ngọn núi thì bị ác quỷ làm cho mê hoặc, tìm không ra đường để về quê nhà; Lương thực đã dùng hết, mọi người phải chịu đói khát đau khổ khôn đốn, vì thế mà chết dần chết mòn, nên số tài bảo mang theo đều bỏ lại hết trong núi.

Lúc ấy, trong núi có một vị Tỳ kheo đang tu hành, nhìn thấy như thế trong lòng bèn nghĩ: “Minh khổ công tu tập suốt bảy năm, đã không chứng được đạo quả, mà còn phải chịu sự thiếu thốn, đồ mặc thức ăn đều không đủ, thân này khó giữ; những báu vật này đều không có chủ, chi bằng mang về xây nhà lập nghiệp”.

Sau đó, thầy bèn xuống núi đi nhặt những bảo vật, trước tiên dấu chúng trong chỗ kín, sau đó bèn xuống núi trở về tìm người thân giúp đỡ, đến mang những thứ quý giá này về nhà.

Thầy Tỳ kheo đi được nửa đường, đức Phật quán sát thấy vị Tỳ kheo này thiện căn đã thuận thực đến lúc được độ, nên Ngài bèn hóa thân làm vị Tỳ kheo ni, mặc dù cạo đầu, thân mặc tăng phục, nhưng mặt lại trang điểm đánh phấn tô son lòe loẹt, lại vẽ chân mày, đeo trang sức vàng bạc, vòng hoa đi dọc theo vách đá vào khe núi. Vị Tỳ kheo ni do Đức Phật hóa hiện đang đi trên đường thì gặp thầy Tỳ kheo, bèn đánh lễ và chào hỏi.

Thầy Tỳ kheo nhìn thấy Tỳ kheo ni trang điểm như thế, bèn trách mắng Tỳ kheo ni rằng: “Học đạo cần phải giống cô vậy sao? Đã cạo tóc, mặc đồ tu, tại sao vẽ chân mày, lại còn đeo trang sức?”

Vị Tỳ kheo ni do đức Phật hóa hiện đáp: “Một người xuất gia học đạo lẽ nào cần phải giống thầy vậy sao? Thầy tuy đã từ biệt người thân, tìm vào núi sâu thiên định cầu đạo, tại sao lại còn muốn cất chứa những thứ không phải là tài sản của mình? Tại sao chỉ vì tham cầu năm dục mà bỏ quên đạo tâm, phóng túng ham thích không biết khống chế, không biết tư duy mạng sống ngắn ngủi? Chúng ta sống trong thế gian này, chẳng qua chỉ ở tạm thời. Thầy làm như thế, sẽ mang đến tội lỗi càng sâu nặng cho bản thân mà thôi”.

Kế tiếp Tỳ kheo ni nói bài kệ, có nội dung như sau: “Tỳ kheo cần phải trì giới nghiêm mật, nếu sanh tâm phóng dật, sẽ sanh nhiều ưu phiền, tranh luận, phiền não từ nhỏ sanh lớn, tích lũy các nghiệp ác mai sau sẽ chịu quả báo tự lao vào lửa lớn thiêu thân.

Nếu nghiêm trì tịnh giới, phước đức có được sẽ mang đến hoan hỷ, được như thế, thì mới có thể đoạn trừ được phiền não trong tam giới, tiếp cận với giải thoát của Niết Bàn. Đối với người phạm giới tâm lúc nào cũng lo sợ không vui, nếu phạm phải giới trọng tất gánh chịu ác quả”.

Ngay sau khi nói xong bài kệ, Ngài liền hiện thân Phật, tướng tốt sáng ngời, vị Tỳ kheo nhìn thấy vô cùng bất ngờ, lông tóc đều dựng đứng lên, vội vàng hướng về đức Phật đánh lễ sám hối những lỗi lầm, bạch với đức Phật rằng: “Đệ tử thật là ngu muội vô tri! Tự mình làm trái với giáo pháp, tội lỗi đã gây nên không thể nào xóa bỏ được, biết làm sao để rửa sạch đây?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ, có nội dung như sau: “Nếu trước phóng dật biếng nhác, sau đó biết khắc phục chính mình không tiếp tục tạo nghiệp xấu, có quyết tâm và dũng khí như thế, đủ để soi sáng thế gian; cần phải có tâm kiên định như vậy, rồi dùng chánh niệm và thiền định để thâm nhiếp tâm thì mới đúng.

Nếu lỡ phạm phải sai lầm tạo nghiệp xấu, sau đó biết cải tà quy chánh, nỗ lực tu thiện, như thế gọi là bỏ ác hành thiện, đủ mạnh để soi sáng thế gian, thường xuyên nhớ nghĩ thiện pháp thì mới đúng. Tuổi trẻ tinh tấn nương theo lời dạy của đức Phật mà tu tập, xa lìa những thứ ham muốn nhỏ nhặt để tinh tấn hướng đến con đường thành Phật như thế, đủ để soi sáng thế gian; giống như khi mây đen tan biến, ánh trăng sẽ soi sáng bầu trời vậy.

Nếu người trước đây gây tạo nghiệp xấu, sau biết sai không tái phạm, sửa đổi lỗi lầm, đủ để soi sáng thế gian, giống như khi mây đen tan biến, ánh trăng sẽ soi sáng bầu trời vậy”.

Thầy Tỳ kheo nghe đức Phật nói hết bài kệ, phiền não lập tức tiêu sạch, lòng tham dứt bỏ, cung kính đánh lễ đức Thế Tôn, sau đó tìm đến dưới gốc cây tu tập sáu phép quán hơi thở: Sô, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh; cuối cùng thầy Tỳ kheo chứng đắc đạo quả, chứng A la hán.

Câu chuyện này có nhiều điểm thức tỉnh chúng ta: Người ta thường thích chỉ trích người khác, nhưng lại rất ít khi nhìn thấy lỗi của chính mình. Kỳ thật, như Tỳ kheo ni do đức Phật hiện thân, muốn tẩy bỏ đồ hóa trang không khó; cũng như thế, muốn bỏ những thứ dơ bẩn bên ngoài rất dễ, nhưng muốn trừ đi sự ô uế trong tâm thức, thì khó khăn hơn nhiều.

Ngoài ra câu chuyện còn nhắc nhở chúng ta: Biết được sai lầm cần phải sửa sai, không phải chỉ biết ray rứt khổ não vì những lỗi lầm đã tạo, quan trọng là phải biết sửa sai và không được tái phạm. Như ngài Long Thọ bồ tát trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận¹⁴, có một ví dụ rất hay “việc ác đã sanh cần phải nhanh chóng đoạn trừ, như xa lia rấn độc”. Chúng ta đã biết lỗi nơi thân, khẩu, ý của mình, cần phải nhanh chóng sửa đổi, cũng giống như bị rấn độc cần cần phải vội vàng chữa trị, nếu chậm trễ sẽ mất mạng. Không những từ bỏ những thứ không tốt, mà cả lúc những thứ bất thiện sắp xảy ra hay chưa xảy ra, sắp nghĩ ra hay chưa nghĩ ra, cần phải cẩn thận đề phòng, nên “ác nghiệp chưa sanh đừng để nó sanh, như ngăn chặn dòng nước chảy”; giống như ngăn chặn nước lũ, việc trước hết cần phải chuẩn bị đầy đủ, đừng để nước dâng tràn mênh mông, rồi mới kêu cứu thì đã muộn màng rồi.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực.

Phước Nghiêm - 13.04.2013

---o0o---

BÀI 18: ĐỨC PHẬT ĐỘ NGƯỜI HÓT PHÂN NI ĐỀ

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng tất cả các Phật tử.

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích từ kinh Hiền Ngu trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 397a - 398a.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một khoảng thời gian, Ngài trú tại nước Xá Vệ vườn Cấp Cô Độc (Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, còn được gọi là tịnh xá Kỳ Hoàn). Lúc ấy, người trong thành Xá Vệ rất đông, phòng ở vô cùng chật hẹp, nhà vệ sinh lại rất hiếm, nên không kể là đại tiện hay tiểu tiện đều phải ra bên ngoài thành mà đi, chỉ một số người có tiền của không muốn phiền phức, nên họ đi trong bộ, rồi thuê người đứng giờ đến làm vệ sinh.

Lúc ấy, có người tên là Ni Đề (trong Luận Đại Trí Độ dịch là Ni Đà), ông Ni Đề vô cùng nghèo khổ thấp hèn. Vì không có tài năng gì nổi trội, ông chỉ biết làm nghề hót dọn phân dơ, kiếm chút ít thu nhập để sinh sống.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn quan sát thấy thiện căn của Ni Đề đã thuần thực, có thể đến để độ ông ta. Do đó Ngài cùng thầy A Nan đi vào thành, để hóa độ Ni Đề, đi đến một con hẻm nhỏ, thì gặp Ni Đề, trên tay ông ta còn đang bê một chiếc lu sành chứa đại tiểu tiện, đang chuẩn bị mang đi đổ. Từ xa, Ni Đề nhìn thấy đức Phật, nghĩ rằng thân phận mình thấp hèn, lấy làm xấu hổ, nên rẽ qua đường khác, muốn lạng lẽ tránh đi nơi khác.

Trong lúc Ni Đề muốn đi ra khỏi ngõ hẻm, không may lại gặp đức Thế Tôn, nghĩ đến giai cấp của mình, trong tâm của ông càng bối rối, nên lập tức đổi

hướng đi vào một ngõ rẽ khác, muốn lần trốn ngay, nên trong lòng cuống lên, trong lúc đang loay hoay, bất cẩn chiếc lu bằng sành va vào bức tường, bị vỡ nát nên phân và nước tiểu văng đầy trên thân thể của mình, khiến cho ông càng khó xử và xấu hổ vô cùng, không dám nhìn đức Phật. Lúc ấy, đức Thế Tôn bước đến đứng trước mặt Ni Đề, từ bi nhẹ nhàng hỏi ông ta: Ông có muốn xuất gia không?

Ni Đề đáp: Thân phận của Như Lai thuộc giòng họ của Chuyển luân thánh vương rất tôn quý, những người đệ tử thân cận Ngài đều là tầng lớp quý tộc, con thân phận hạ tiện đến cùng cực như thế này, thì làm sao có thể theo Thế tôn xuất gia giống như họ được?

Đức Phật nói với Ni Đề rằng: Giáo pháp thanh tịnh vi diệu mà Như lai giảng dạy, giống như nước tinh khiết, có khả năng rửa sạch tất cả các dơ bẩn; Nhưng cũng mạnh mẽ như lửa lớn, có thể thiêu đốt các vật, không kể là lớn, nhỏ, tốt, xấu, toàn bộ đều thiêu sạch. Phật pháp mà Như lai nói ra cũng như thế, rộng lớn vô biên, không kể là nghèo, giàu, quý phái hay bần cùng, dù nam hay nữ chỉ cần nương vào pháp mà thực hành, đều có thể đưa đến đoạn trừ tham dục.

Ni Đề nghe đức Phật khai thị, ngay lúc ấy sanh khởi tín tâm kiên định không gì sánh bằng, và khao khát được xuất gia. Đức Phật gọi thầy A Nan dẫn Ni Đề đi ra ngoài thành đến một con sông lớn tắm gội, sau khi tắm gội sạch sẽ xong, dẫn Ni Đề về tịnh xá Kỳ Hoàn, và giảng đạo lý Khổ đế cho Ni Đề nghe về luân hồi sanh tử khiến cho con người sợ hãi, chỉ có chứng đắc Niết Bàn mới thật sự vĩnh viễn được an vui.

Ngay trong giây phút nghe pháp ấy Ni Đề hốt nhiên khai mở tâm ý, chứng đắc sơ quả; Ni Đề bèn chấp tay hướng về đức Phật, cầu xin đức Thế Tôn cho phép ông được xuất gia làm Sa môn.

Đức Phật bảo Ni Đề: “Đến đây Tỳ kheo!” Râu tóc của Ni Đề tự rụng, khoác lên thân chiếc pháp y. Sau đó, đức Phật nói nội dung của khổ, tập, diệt, đạo tứ thánh đế cho Ni Đề nghe. Sau khi nghe pháp xong, Ni Đề lập tức đoạn sạch được tất cả phiền não, chứng đắc A la hán, tam minh, lục thông toàn bộ đều đầy đủ (tam minh là thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh; lục thông tức thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông).

Lúc ấy người dân trong nước Xá Vệ nghe tin Ni Đề đã xuất gia, mọi người đều sanh lòng không vui, than phiền, bàn tán khắp nơi: “Tại sao đức Thế Tôn lại chấp nhận cho giai cấp bần cùng gia nhập vào Tăng đoàn? Chúng ta sau này phải đánh lễ hấn? Nếu muốn cúng dường đức Phật và Tăng chúng,

mà con người đó đến, sẽ làm ô uế chỗ ngồi của chúng ta”. Những lời bàn tán đó dần chuyển đến tai vua Ba Tư Nặc.

Đức vua sau khi nghe tin này có một chút khó chịu, không giữ được, bèn ngồi xe được trang trí các thứ lông quý, cùng nhiều tùy tùng hướng đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, muốn được thỉnh vấn đức Thế Tôn, giải trừ mối thắc mắc trong lòng.

Cả đoàn người và ngựa đến trước cổng của tịnh xá, dừng chân nghỉ ngơi. Nhìn thấy bên ngoài cổng của tịnh xá có một khối đá rất lớn, thầy Ni Đề đang ngồi trên tảng đá ấy chấp vá chiếc y đã sờn, bên cạnh thầy có bảy trăm vị trời, mỗi vị trên tay dang dâng hoa cúng dường và hướng về phía bên phải đi nhiều quanh thầy.

Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy cảnh tượng như thế cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bèn đi đến trước mặt thầy và nói rằng: “Trẫm muốn gặp đức Phật, xin thầy thông báo giúp”. Thầy Ni Đề lập tức dùng thần thông khiến cho thân thể đi ngang qua tảng đá, vào trong tịnh xá đến trước Thế Tôn, hướng về đức Phật và bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn, vua Ba Tư Nặc hiện đang ở bên ngoài, muốn vào bái kiến đức Thế Tôn, nên nhờ con vào đây thưa trước”.

Đức Phật: “Thầy dùng phương pháp ẩn thân, và đi ra bằng con đường như lúc thầy tiến vào đây, thưa với đức vua có thể vào được”.

Thầy Ni Đề vâng theo lời dạy của đức Phật, vận thần thông bay ra ngoài, trong phút chốc, lại từ trong khối đá hiện ra, như từ nước nổi lên, không hề có mảy may khó khăn.

Thầy Ni Đề tâu với đức vua rằng: “Tôi đã trình lên đức Thế Tôn rồi, Đại vương! Mời Ngài vào”.

Đức vua trong lòng suy nghĩ: “Những hoài nghi trước đây bây giờ tạm gác qua một bên, ta nay nên hỏi đức Phật: Thầy Tỳ kheo ấy tu phước đức gì, tại sao lại có sức thần thông kỳ diệu như thế?”

Vua Ba Tư Nặc vào trong tịnh xá Kỳ Hoàn, vừa nhìn thấy đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi nhiều quanh đức Phật ba vòng, sau đó ngồi một bên, thưa với đức Phật rằng: Tỳ kheo ấy có thần thông thật hy hữu, xuyên trong đá như vào nước, có thể từ trong tảng đá mà đi ra; không biết pháp danh của thầy đó là gì? Xin đức Thế Tôn nói cho trẫm biết”.

(Có thể trong lòng vua nghĩ: “Thế Tôn nếu Ngài muốn giáo hóa, nên độ những thầy Tỳ kheo có tài như thế! Thế Tôn tại sao lại đi hóa độ ông Ni Đề?” Đó chính là mối hoài nghi của vua Ba Tư Nặc).

Đức Phật nói với vua: “Thầy ấy là người giai cấp bần cùng của nước Xá Vệ, tôi đã độ thầy ấy, thầy ấy đã chứng đắc quả A la hán. Hôm nay đức vua đến đây, mục đích là vì muốn hỏi chuyện này chăng!”

Đức vua sau khi nghe đức Thế Tôn nói như vậy, những kiêu mạn trong lòng lập tức tiêu tan, cảm thấy một niềm vui sướng vô tận.

Đức Phật nói tiếp: “Người phạm phu ở thế gian, thân phận có phân tôn ti, quý tiện, gia cảnh có nghèo, giàu, khổ và vui, tất cả đều do trong quá khứ tự mình đã tạo ra những hành vi, mà hôm nay phải cảm lấy quả báo.

Nếu đối với người nhân từ, khiêm nhường, hòa thuận, cung kính với người trên, thương yêu lớp dưới, thì sẽ được sanh vào người có thân phận tôn quý; Nếu đối với người hung hăng, hỗn xược, không kể lễ nghĩa, ngạo mạn phóng túng, tự cho mình hay, thì sẽ sanh vào hạng hạ tiện”.

Vua bạch Thế Tôn: “Ngài vào đời, cứu tế hóa độ, vô số chúng sanh được thấm nhuần an lạc, cho dù là tầng lớp hạ tiện cũng có thể giúp họ nhỏ sạch nỗi thống khổ, cho họ có hạnh phúc. Thầy Ni Đề vì nhân duyên gì, mà đời này phải sanh vào giai cấp thấp hèn? Và đã gieo trồng thiện căn phước đức gì, bây giờ có thể gặp đức Thế Tôn, lãnh thọ sự giáo hóa của Ngài, nghe pháp không bao lâu lại được chứng quả A la hán? Xin đức Thế Tôn giải thích cho trẫm được rõ”.

Đức Phật nói vua rằng: “Xin lắng lòng nghe, cần phải thọ trì! Tôi sẽ vì đức vua mà nói, hy vọng Ngài sẽ được sáng tỏ. Quá khứ có đức Phật Ca Diếp xuất hiện ở thế gian này, sau khi Ngài diệt độ, có chúng Tỳ kheo số đông trăm ngàn người, trong đó có thầy Tỳ kheo làm vị tăng tự tại (tự tại có nghĩa là tự tung tự tác, không chấp nhận sự gò bó, không bị người khác chi phối, tự mình làm chủ. Tăng tự tại cũng có thể là người quản tăng chúng, hoặc người đứng đầu trong một đại chúng mà thời nay gọi là trụ trì); Thầy tự tại bị bệnh, sau khi uống thuốc, thầy muốn đại tiện, nhưng vì tâm tánh ngã mạn, ý vào quyền thế, nên không đi ra bên ngoài để đại tiện mà cứ đại tiểu tiện trong bồ làm bằng vàng, rồi sai đệ tử bung ra ngoài đổ; không ngờ vị đệ tử ấy là thánh nhân đã chứng đắc sơ quả. Nguyên nhân là vì thầy Tỳ kheo trong quá khứ không biết khiêm nhường, hòa thuận, cậy mình có nhiều tài sản, quản lý việc Tăng, nên khi thân thể mệt một chút là lười biếng không muốn động thân, sai khiến ngay thánh nhân đã chứng đắc, sai thánh nhân dọn phân và nước tiểu cho thầy. Do vì nhân duyên này, nên thầy ấy không ngừng trôi lăn trong sanh tử luân hồi, không ngừng sanh làm hạng người thấp hèn, năm trăm đời làm người quét dọn phân, mãi cho đến hôm nay. Tuy nhiên, nhờ trong quá khứ thầy có duyên được xuất gia và nhờ công đức thọ giới, khiến hôm nay

mới có cơ duyên gặp Như Lai xuất thế, nghe được chánh pháp chứng đắc đạo quả”.

Đức Phật nói với đức vua rằng: “Bệ hạ có muốn biết thầy tự tại lúc bảy giờ là ai chăng? Chính là thầy Ni Đề hôm nay vậy”.

Vua hướng về Thế Tôn thưa: “Như Lai xuất thế, thật là hy hữu hiếm có, giải bớt khổ đau cho vô lượng vô biên chúng sanh!”

Đức Phật: “Lành thay! Lành thay! Như lời bệ hạ nói”.

Đức Thế Tôn nói tiếp: “Chúng sanh lưu chuyển luân hồi trong tam giới không có giai cấp, thân phận cố định bất biến. Con người tích lũy thiện nghiệp, nhân từ hòa thuận, sẽ được sanh vào gia đình quý phái, nếu quen theo tạo ác nghiệp, phóng túng kiêu mạn, sẽ bị sanh vào gia đình giai cấp hạ tiện”.

Đức vua nghe xong sanh tâm hoan hỷ, không còn sinh tâm tự cao, bèn quỳ xuống đánh lễ dưới chân của thầy Ni Đề, tự mình thành tâm sám hối những sai lầm, xin được tha thứ, cầu nguyện những nghiệp xấu được tiêu trừ.

Đức Phật nhân đây vì đại chúng tuyên bày nghĩa lý thâm sâu của Phật pháp, nói rõ nội dung, cũng như hướng dẫn sự bố thí, trì giới và nói đến sanh vào cõi trời. Hy vọng mọi người thể hội được tham dự là không thanh tịnh, chỉ có thoát ly tam giới mới là niềm an lạc chân chánh. Lúc ấy những người đến nghe đức Phật thuyết pháp, tất cả đều chứng đạo quả, tín thọ phụng hành.

Câu chuyện này có những điểm thức tỉnh chúng ta:

Pháp Phật thanh tịnh vi diệu, dòng pháp của Như Lai, có thể rửa sạch bụi bặm của phiền não; lại như ngọn lửa trí tuệ, có thể đốt sạch tất cả phiền não lớn nhỏ. Pháp Phật rộng lớn vô lượng, không phân biệt chủng tánh, nghèo, giàu, quý, tiện, nam, nữ, già, trẻ, người biết y vào pháp mà tu học, đều có thể được đoạn trừ phiền não, đạt đến giải thoát.

Thầy Ni Đề tuy xuất thân trong gia đình thuộc giai cấp nô lệ, làm công việc hốt phân thấp hèn, nhưng đức Phật vẫn bình đẳng hóa độ, sau đó thầy Ni Đề chứng đắc quả A La Hán. Đức Phật còn chỉ rõ nhân duyên Ni Đề bị sanh vào giai cấp nô lệ, vì trong quá khứ thầy ấy đã dùng quyền lực, ngã mạn tự đại, sai thán nhân dọn phân cho mình, cho nên bị sanh vào giai cấp thấp hèn.

Đức Phật dạy: Nhân từ, khiêm nhường, hiếu thuận sẽ làm người tôn quý; là người hung dữ, phách lối, kiêu mạn, tự cao tự đại sẽ sanh vào giai cấp nô lệ. Chúng ta có muốn sinh làm người nô lệ không? Nếu không muốn bị làm người nô lệ, thì cần phải gạt đi tâm kiêu mạn, nên dùng lòng nhân từ, khiêm

nuông, hiếu thuận đối với mọi người, tôn kính người lớn, thương yêu người dưới!

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Phước Nghiêm - 04.05.2013

---o0o---

HẾT

¹ xem thêm Kinh Phật thuyết Ma ha Ca diếp độ bản mẫu, Đại Chánh tập 14, trang 761c3-763a10.

² xem thêm Kinh A Dục Vương quyển 5 “phẩm nhân duyên cúng dường nửa trái am ba la đến chư Tăng”. Đại Chánh tập 50, trang 147c13-149b17.

³ xem thêm Đại Trí Độ Luận quyển 98, phẩm Tát-đà-ba-luân. Đại Chánh tập 25, trang 741c13-15.

⁴ xem thêm Pháp Uyển Châu Lâm, Đại Chánh Tạng quyển 53, trang 984b14 – c4. Phật Tạng Kinh, Đại Chánh Tạng quyển 15, trang 788c14 - 28.

⁵ A Tỳ Đạt Ma Tỳ Bà Sa Luận quyển 61, Đại Chánh Tạng 27, trang 313c 13-26.

⁶ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, quyển 20, phẩm Phân Biệt Tùy Miên, Đại Chánh 29, 107b 10-18.

⁷ Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm, Đại Chánh Tạng quyển 2, trang 385b4-c10. Du Già Bồ Tát Giới Bản, Đại Chánh Tạng quyển 24, trang 1113a14-b2.

⁸ xem thêm:Thập Tụng Luật, Đại Chánh Tạng quyển 23, trang 273a3-26.

⁹ xem thêm: Chúng Kinh Soạn Tạp Thí Dụ, Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 533a13-26. Kinh Hiền Ngu, Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 318b9-10.

¹⁰ A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa, Đại Chánh tạng tập 27, trang 225c13-24.

¹¹ Tên một loại cây ở Ấn Độ 印度, nở hoa màu hồng cực đẹp, nhưng lại rất hôi, thường dùng chữ y lan 伊蘭 để chỉ về những phiền não ở đời. Mùi hôi của nó lan xa hàng mấy chục dặm. Sách nhà Phật.

¹² Vua Vũ (vua đầu tiên của triều Hạ ở Trung Quốc, tương truyền đã có công trị thủy)

¹³ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Đại Chánh tập 26, trang 65c28-66a9.

¹⁴ Đại chính tập 26, phẩm Đại Thừa, trang 106c17-20.